

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ



BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHỎE NHẤT

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hà My

Sinh viên thực hiện : Diệp Thiên Thư

Mã số sinh viên : 2254010064

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ



BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHỎE NHẤT

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hà My
Sinh viên thực hiện : Diệp Thiên Thư
Mã số sinh viên : 2254010064
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	13
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	1
1.2. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	3
1.3.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	3
1.3.2. Phương thức bán hàng – cung cấp dịch vụ.....	4
1.3.3. Hình thức thanh toán.	5
1.3.4. Chứng từ sử dụng.	6
1.3.5. Tài khoản sử dụng.	6
1.3.6. Phương pháp hạch toán.....	7
1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.4.1. Nội dung.....	7
1.4.2. Tài khoản sử dụng.	7
1.4.3. Chứng từ sử dụng.	8
1.4.4. Phương pháp hạch toán.	8
1.5. Kế toán giá vốn hàng bán.....	9
1.5.1. Nội dung.....	9
1.5.2. Phương pháp tính giá xuất kho.	9
1.5.3. Chứng từ sử dụng.	10
1.5.4. Tài khoản sử dụng.	10
1.5.5. Phương pháp hạch toán.	12
1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	12
1.6.1. Nội dung.....	12
1.6.2. Chứng từ sử dụng.	12
1.6.3. Tài khoản sử dụng.	12
1.6.4. Phương pháp hạch toán.....	13
1.7. Kế toán chi phí tài chính.....	14
1.7.1. Nội dung.....	14
1.7.2. Chứng từ sử dụng.	14
1.7.3. Tài khoản sử dụng.	14

1.7.4. Phương pháp hạch toán.....	15
1.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	16
1.8.1. Nội dung.....	16
1.8.2. Chứng từ sử dụng.	16
1.8.3. Tài khoản sử dụng.	16
1.9. Kế toán thu nhập khác.....	18
1.9.1. Nội dung.....	18
1.9.2. Chứng từ sử dụng:	19
1.9.3. Tài khoản sử dụng:	19
1.9.4. Phương pháp hạch toán:	19
1.10. Kế toán chi phí khác.....	20
1.10.1. Nội dung.....	20
1.10.2. Chứng từ sử dụng.	21
1.10.3. Tài khoản sử dụng.	21
1.11. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	22
1.11.1. Nội dung.....	22
1.11.2. Chứng từ sử dụng.	22
1.11.3. Tài khoản sử dụng.	22
1.11.4. Phương pháp hạch toán.	23
1.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.12.1. Nội dung.....	24
1.12.2. Tài khoản sử dụng.	24
1.12.3. Phương pháp hạch toán.	25
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV KHỎE NHẤT.	26
2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khỏe Nhất.....	26
2.1.1. Thông tin khái quát về công ty.	26
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.	26
2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất. ..	27
2.1.3.1. Lĩnh vực kinh doanh:	27
2.1.3.2. Phương thức bán hàng:	28
2.1.3.3. Hình thức thanh toán:	28

2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.	28
2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.....	28
2.2.2. Chức năng từng bộ phận:.....	28
2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.	29
2.3.1. Bộ máy kế toán:.....	29
2.3.2. Chức năng từng bộ phận:.....	30
2.3.3. Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.	31
2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.	31
2.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.	33
2.4.1. Nội dung:.....	33
2.4.2. Tài khoản sử dụng:	33
2.4.3. Chứng từ sử dụng và sổ sách sử dụng:	33
2.4.4. Quy trình ghi sổ:	34
2.4.5. Thuế tiêu thụ đặc biệt.....	41
2.5. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	50
2.6. Kế toán giá vốn hàng bán.	50
2.6.1. Đặc điểm.....	50
2.6.2. Tài khoản sử dụng.	50
2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	51
2.6.4. Quy trình ghi sổ.....	51
Quy trình luân chuyển chứng từ :	51
2.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	60
2.7.1. Nội dung.....	60
2.7.2. Tài khoản sử dụng.	60
2.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	60
2.7.4. Quy trình ghi sổ.....	61
2.7.4.1. Nhận lãi tài khoản ngân hàng.....	61
2.7.4.2. Lãi tỷ giá hối đoái.....	62
2.8. Kế toán chi phí tài chính.	66
2.8.1. Nội dung.....	66
2.8.2. Tài khoản sử dụng.	66

2.8.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	66
2.9. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	70
2.9.1. Nội dung.....	70
2.9.2. Tài khoản sử dụng.	70
2.9.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	70
2.9.4. Quy trình ghi sổ.....	70
2.9.4.1. Chi phí bán hàng.....	70
2.9.4.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	76
2.10. Kế toán thu nhập khác.....	89
2.11. Kế toán chi phí khác.	89
2.11.1. Nội dung.....	89
2.11.2.Tài khoản sử dụng.	89
2.11.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	89
2.11.4 Quy trình ghi sổ.....	89
2.12. Kế toán chi phí thuế TNDN.	92
2.13. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	97
2.13.1. Tài khoản sử dụng.	97
2.13.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.	97
2.13.3. Quy trình ghi sổ.....	97
CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV KHỎE NHẤT	100
3.1. Nhận xét công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.....	100
3.1.1. Ưu điểm:	100
3.1.1.1. Về tổ chức kế toán.....	100
3.1.1.2. Về kế toán doanh thu, thu nhập.	101
3.1.1.3. Về kế toán chi phí.....	101
3.1.1.4. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.	102
3.1.2. Nhược điểm:	102
3.2. Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.....	103
KẾT LUẬN	105
TÀI LIỆU THAM KHẢO	1

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	07
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	08
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa	08
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí liên quan đến hàng bán bị trả lại	08
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán	12
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính	13
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính	15
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng	17
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	18
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác	20
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác	21
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	23
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh	25
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty	28
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty	29
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ Nhật ký chung	32
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Easybooks	32
Sơ đồ 2.5. Quy trình cung cấp dịch vụ cho khách nước ngoài thông qua trung gian	60

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 2.1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp trên công thông tin quốc gia	28
Hình ảnh 2.2. Giao diện phần mềm kế toán Easybooks	34
Hình ảnh 2.3. Hóa đơn tạm tính dịch vụ cung cấp ngày 18/06/2025	36
Hình ảnh 2.4. Hóa đơn giá trị gia tăng khởi tạo từ máy tính tiền ngày 29/06/2025	37
Hình ảnh 2.5. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT ngày 18/06/2025	38
Hình ảnh 2.6. Hóa đơn tạm tính ngày 29/06/2025.....	39
Hình ảnh 2.7. Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/06/2025	40
Hình ảnh 2.8. Giao diện hạch toán Hóa đơn GTGT ngày 29/06/2025	41
Hình ảnh 2.9. Bảng kê chi tiết bán hàng – massage tháng 06/2025	43
Hình ảnh 2.10. Tờ khai thuế TTĐB tháng 06/2025	44
Hình ảnh 2.11. Giao diện hạch toán thuế TTĐB tháng 06/2025	45
Hình ảnh 2.12. Bảng kê chi tiết bán hàng hóa ngày 29/06/2025	52
Hình ảnh 2.13. Giao diện hạch toán xuất kho nước uống ngày 29/06/2025	53
Hình ảnh 2.14. Phiếu xuất kho nước uống ngày 29/06/2025	53
Hình ảnh 2.15. Giao diện hạch toán xuất kho tinh dầu tháng 06/2025	54
Hình ảnh 2.16. Phiếu xuất kho tinh dầu tháng 06/2025.....	54
Hình ảnh 2.17. Bảng thanh toán lương cho nhân viên tháng 06/2025	55
Hình ảnh 2.18. Giao diện hạch toán lương nhân viên tháng 06/2025	56
Hình ảnh 2.19. Giao diện hạch toán các khoản trích theo lương tháng 06/2025....	56
Hình ảnh 2.20. Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ tháng 06/2025.....	57
Hình ảnh 2.21. Giao diện chứng từ phân bổ công cụ dụng cụ tháng 6/2025	58
Hình ảnh 2.22. Trích từ sao kê ngân hàng ACB tháng 07/2025	62
Hình ảnh 2.23. Giao diện hạch toán lãi ngân hàng tháng 07/2025.....	63
Hình ảnh 2.24. Hóa đơn GTGT bán ra cho công ty MyRealTrip tháng 06/2025 ...	24
Hình ảnh 2.25. Bảng tính theo dõi công nợ phải thu của MyRealTrip tháng 06/2025	25
Hình ảnh 2.26. Giao diện hạch toán lãi tỷ giá hối đoái tháng 07/2025	26
Hình ảnh 2.27. Hóa đơn GTGT lãi vay ngân hàng tháng 06/2025.....	27
Hình ảnh 2.28. Giao diện hạch toán lãi vay ngân hàng tháng 06/2025	28
Hình ảnh 2.29. Hóa đơn GTGT chi phí quảng cáo Google tháng 06/2025	72
Hình ảnh 2.30. Giao diện hạch toán hóa đơn ngày 08/06/2025	73
Hình ảnh 2.31. Giao diện hạch toán chi phí hoa hồng MyRealTrip tháng 06/2025	74

Hình ảnh 2.32.	Bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 06/2025	75
Hình ảnh 2.33.	Giao diện chứng từ khấu hao TSCĐ tháng 06/2025	76
Hình ảnh 2.34.	Giao diện hạch toán phân bổ CCDC tháng 06/2025	77
Hình ảnh 2.35.	Giao diện hạch toán phân bổ chi phí trả trước tháng 06/2025	77
Hình ảnh 2.36.	Hóa đơn GTGT tiền điện ngày 02/06/2025	78
Hình ảnh 2.37.	Giao diện hạch toán tiền điện tháng 06/2025	79
Hình ảnh 2.38.	Giấy nộp tiền vào NSNN – nộp lệ phí môn bài 2025	80
Hình ảnh 2.39.	Giao diện hạch toán lệ phí môn bài năm 2025	81
Hình ảnh 2.40.	Giao diện hạch toán lương tháng 06/2025	82
Hình ảnh 2.41.	Giao diện hạch toán các khoản trích theo lương tháng 06/2025....	82
Hình ảnh 2.42.	Giao diện hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ tháng 06/2025	83
Hình ảnh 2.43.	Giao diện hạch toán chi phí phân bổ công cụ dụng cụ tháng 06/2025	83
Hình ảnh 2.44.	Giao diện hạch toán chi phí phân bổ chi phí trả trước tháng 06/2025	84
Hình ảnh 2.45.	Tờ khai thuế nhà thầu tháng 06/2025	85
Hình ảnh 2.46.	Giao diện hạch toán thuế nhà thầu nước ngoài tháng 06/2025	86
Hình ảnh 2.47.	Giấy nộp tiền khoản chậm nộp thuế TNDN	91
Hình ảnh 2.48.	Giao diện hạch toán tiền chậm nộp thuế tháng 11/2025	92
Hình ảnh 2.49.	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	96
Hình ảnh 2.50.	Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	97
Hình ảnh 2.51.	Giao diện kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	98
Hình ảnh 2.52.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025	99

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TMDV	Thương mại dịch vụ
HH	Hàng hóa
TP	Thành phẩm
DV	Dịch vụ
GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
CCDC	Công cụ dụng cụ
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
KC	Kết chuyển
XK	Xuất khẩu
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
BVMT	Bảo vệ môi trường
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
BH	Bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
LN	Lợi nhuận
LNKT	Lợi nhuận kế toán
TK	Tài khoản
SXKDDD	Sản xuất kinh doanh dở dang
TGGS	Tỷ giá ghi sổ
NG	Nguyên giá
HMLK	Hao mòn lũy kế
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHTNLĐ-BNN	Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và hướng dẫn tận tình từ quý thầy cô, gia đình và các anh chị tại đơn vị thực tập. Với lòng biết ơn sâu sắc, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả mọi người đã hỗ trợ em hoàn thành khóa luận này.

Trước hết, em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập tại trường. Những kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn mà quý thầy cô đã hướng dẫn là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô ThS. Nguyễn Thị Hà My – giảng viên hướng dẫn, người đã tận tình hướng dẫn, góp ý và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những ý kiến đóng góp và sự chỉ bảo tận tình của cô đã giúp em hoàn thiện bài khóa luận một cách tốt hơn.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng các anh chị phòng kế toán tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình thực tập tại công ty. Đồng thời, các anh chị đã nhiệt tình hướng dẫn, cung cấp thông tin, số liệu và chia sẻ những kinh nghiệm thực tế quý báu giúp em có cơ hội tiếp cận với công tác kế toán thực tế tại doanh nghiệp.

Do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và nhu cầu chăm sóc sức khỏe, thư giãn của người dân ngày càng được nâng cao, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ massage và thư giãn cũng có nhiều cơ hội mở rộng và phát triển. Tuy nhiên, cùng với cơ hội là sự cạnh tranh ngày càng lớn giữa các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực. Để có thể duy trì hoạt động ổn định và nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp không chỉ cần chú trọng đến chất lượng dịch vụ mà còn phải tổ chức tốt công tác quản lý tài chính và kế toán.

Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò đặc biệt quan trọng, giúp doanh nghiệp phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, kiểm soát doanh thu, chi phí và cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho nhà quản lý trong quá trình ra quyết định. Việc tổ chức công tác kế toán hợp lý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất, cùng với sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn và sự hỗ trợ của các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã lựa chọn đề tài: **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất”** để thực hiện khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

- Phạm vi nghiên cứu:

Đề tài được nghiên cứu thực hiện tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

Số liệu sử dụng trong đề tài được thu thập từ sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan của công ty trong năm 2025.

3. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Đọc, tìm hiểu, tham khảo các tài liệu trên web, các giáo trình do giảng viên biên soạn.

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Tham khảo các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành.

- Phương pháp thu thập thông tin tài liệu kế toán trực tiếp trên báo cáo, sổ sách, chứng từ kế toán, phần mềm kế toán. Là phương pháp sử dụng trong quá trình thực tập. Để hiểu quá trình lưu chuyển chứng từ, việc ghi sổ giữ vào chứng từ, nhập liệu

vào phần mềm. Dựa vào báo cáo tài chính, sổ chi tiết để có thông tin về doanh thu và xác định lợi nhuận.

- Phương pháp phân tích, đánh giá: Tìm hiểu thực trạng của công ty để phân tích tình hình và đưa ra đánh giá.

4. Cấu trúc của đề tài.

Chương 1. Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

Chương 3. Nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Theo quy định tại điều 56 của thông tư 133/2016-BTC.

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Theo quy định tại điều 59 của thông tư 133/2016-BTC

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Theo quy định tại điều 68 của thông tư 133/2016-BTC

Xác định kết quả kinh doanh là xác định kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định và được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là tổng doanh thu và thu nhập. Một bên là tổng các chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện. Nếu doanh thu và thu nhập từ các hoạt động lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu doanh thu và thu nhập bé hơn chi phí thì doanh nghiệp bị lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ được phản ánh qua chỉ tiêu lợi nhuận, bao gồm: lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác.

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016TT-BTC.

Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

1.2. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh càng trở nên quan trọng, bởi đây là bộ phận cung cấp các thông tin tài chính thiết yếu phục vụ cho công tác điều hành của doanh nghiệp cũng như đáp ứng yêu cầu quản lý của Nhà nước. Xuất phát từ yêu cầu đó, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh phải đảm nhiệm một số nhiệm vụ trọng tâm như:

- Ghi nhận kịp thời, đầy đủ và chính xác số lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ; phản ánh đúng trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản chi phí liên quan phục vụ cho việc tính toán kết quả kinh doanh.
- Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch lợi nhuận; quản lý chặt chẽ các khoản thanh toán từ hoạt động bán hàng – cung cấp dịch vụ, đảm bảo nghĩa vụ nộp ngân sách và hỗ trợ kiểm soát dòng tiền của doanh nghiệp.
- Tổ chức hệ thống chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ một cách khoa học, hợp lý nhằm hạn chế sai sót, tránh trùng lặp, đồng thời bảo đảm đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý và nâng cao hiệu quả xử lý thông tin kế toán.
- Xác định chính xác thời điểm ghi nhận doanh thu để phục vụ lập báo cáo bán hàng và tính toán kịp thời kết quả kinh doanh. Bên cạnh đó, kế toán phải thường xuyên tổng hợp và báo cáo tình hình tiêu thụ, công nợ khách hàng, giúp bộ phận quản lý giám sát chặt chẽ sản lượng và cơ cấu hàng hóa – dịch vụ cung cấp.
- Tập hợp đầy đủ các khoản chi phí phát sinh theo từng giai đoạn, từng bộ phận nhằm phản ánh đúng bản chất chi phí và cung cấp số liệu cho việc phân tích hiệu quả hoạt động.
- Đảm bảo cung cấp thông tin trung thực, khách quan và đầy đủ về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh phục vụ lập báo cáo tài chính và nhu cầu quản trị nội bộ.

Khi kết thúc chu trình bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán tiến hành phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ của doanh nghiệp theo từng mặt hàng, từng bộ phận để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả kinh doanh. Từ đó, doanh nghiệp có cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao doanh thu, tối ưu chi phí và cải thiện hiệu quả kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3.2. Phương thức bán hàng – cung cấp dịch vụ.

Doanh nghiệp thực hiện hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ dựa trên đặc điểm sản phẩm kinh doanh và nhu cầu của khách hàng. Trong thực tế, hoạt động bán hàng của doanh nghiệp thường được triển khai theo nhiều phương thức khác nhau nhằm đảm bảo tính linh hoạt, thuận tiện và giảm thiểu rủi ro trong quá trình giao dịch.

- Bán hàng trực tiếp:

Phương thức bán hàng trực tiếp được áp dụng khi khách hàng đến mua và nhận hàng ngay tại cửa hàng hoặc kho của doanh nghiệp. Ở phương thức này, quyền sở hữu và rủi ro liên quan đến hàng hóa được chuyển giao ngay khi khách ký nhận hàng hoặc khi hàng được bàn giao thực tế. Hóa đơn giá trị gia tăng được lập tại thời điểm giao hàng, đồng thời doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo quy định.

- Bán hàng qua đại lý và ký gửi:

Bán hàng qua đại lý là một phương thức đặc thù mà trong đó quyền sở hữu hàng hóa vẫn thuộc về bên giao đại lý cho đến khi hàng được bán cho khách hàng thứ ba. Theo quy định, bên giao đại lý không được ghi nhận doanh thu khi mới chỉ xuất kho gửi hàng mà phải chờ "Thông báo hóa đơn đã bán" từ bên nhận đại lý.

- Bán hàng trả chậm, trả góp:

Phương thức bán hàng trả chậm hoặc trả góp là khách hàng nhận hàng ngay nhưng thanh toán vào các kỳ sau theo hợp đồng đã ký kết. Giá bán được ghi nhận theo giá thanh toán ngay; phần chênh lệch do trả chậm được xem là khoản doanh thu tài chính và được phân bổ theo thời gian.

- Cung cấp dịch vụ theo hợp đồng trọn gói:

Phương thức cung cấp dịch vụ theo hợp đồng trọn gói áp dụng đối với các dịch vụ có thời gian thực hiện ngắn, kết quả được bàn giao một lần và khách hàng có thể kiểm tra, xác nhận ngay lập tức (ví dụ: dịch vụ massage, dịch vụ sửa chữa, vệ sinh,...). Đặc trưng của phương thức này là toàn bộ nghĩa vụ thực hiện dịch vụ được hoàn thành trong một lần, vì vậy doanh thu chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp đã hoàn tất toàn bộ công việc theo thỏa thuận.

- Cung cấp dịch vụ theo tiến độ thực hiện:

Phương thức cung cấp dịch vụ theo tiến độ thường được áp dụng đối với các dịch vụ có quy mô lớn, thời gian thực hiện kéo dài và phân chia thành nhiều giai đoạn nghiệm thu. Với đặc thù tiến độ thực hiện phức tạp, doanh thu được ghi nhận dựa trên tỷ lệ hoàn thành của phần công việc đã thực hiện trong kỳ. Áp dụng với các dịch vụ có thời gian thực hiện dài và có các mốc nghiệm thu như: xây lắp, tư vấn, bảo trì dài hạn.

- *Cung cấp dịch vụ định kỳ:*

Đối với các dịch vụ duy trì liên tục hoặc theo kỳ như bảo trì định kỳ, dịch vụ internet, cung cấp tiện ích hoặc phần mềm thuê bao, phương thức cung cấp dịch vụ thường xuyên được áp dụng để đảm bảo tính ổn định trong quan hệ cung ứng. Việc cung cấp dịch vụ diễn ra liên tục và không có mốc hoàn thành cụ thể, vì vậy doanh thu được ghi nhận theo từng kỳ cung cấp, thường là tháng hoặc quý.

1.3.3. Hình thức thanh toán.

Để thuận tiện cho việc thu hồi công nợ, công ty xây dựng các quy định về nhiều hình thức thanh toán khác nhau. Việc lựa chọn phương thức thanh toán được áp dụng tùy theo đặc điểm giao dịch và nhu cầu của từng khách hàng, nhằm đảm bảo tính linh hoạt và hỗ trợ tốt nhất trong quá trình mua hàng hoặc sử dụng dịch vụ.

❖ *Thanh toán bằng tiền mặt:* là hình thức thanh toán mà bên mua thực hiện thanh toán trực tiếp bằng tiền giấy do Nhà nước phát hành. Mọi giao dịch thu – chi bằng tiền mặt phải lập đầy đủ chứng từ theo quy định như phiếu thu, phiếu chi, biên lai hoặc các chứng từ hợp pháp khác làm căn cứ ghi sổ.

❖ *Thanh toán không dùng tiền mặt:*

Theo quy định tại khoản 2 điều 26 tại Nghị định 181/2025/NĐ-CP

- Chuyển khoản qua ngân hàng: Các bên mua thanh toán cho bên bán thông qua: Séc, ủy nhiệm chi hoặc lệnh chi, ủy nhiệm thu, nhờ thu, thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, sim điện thoại (ví điện tử) và các hình thức thanh toán khác theo quy định.

- Thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra : Thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ được áp dụng khi hai bên vừa có nghĩa vụ thanh toán vừa có quyền nhận thanh toán. Thay vì sử dụng tiền mặt, các bên tiến hành bù trừ giá trị nghĩa vụ với nhau.

- Thanh toán bằng cổ phiếu, trái phiếu: Là hình thức thanh toán mà bên mua có thể phát hành hoặc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu cho bên bán nhằm thanh toán giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc các nghĩa vụ tài chính khác.

- Thanh toán thông qua người được ủy quyền hoặc qua bên thứ ba: Là hình thức bên mua giao quyền thanh toán cho một tổ chức hoặc cá nhân khác theo hợp đồng ủy quyền. Bên được ủy quyền thực hiện thanh toán thay mặt bên mua trong phạm vi đã thỏa thuận.

- Thanh toán thông qua bù trừ khoản vay hoặc mượn tiền: Được áp dụng khi giữa các bên tồn tại quan hệ vay – cho vay đồng thời. Thay vì thanh toán bằng tiền, các bên tiến hành đối chiếu và căn trừ số công nợ tương ứng.

- Trả chậm, trả góp: Là phương thức cho phép người mua thanh toán vào một thời điểm trong tương lai hoặc chia nhỏ nghĩa vụ thanh toán theo các kỳ hạn. Doanh nghiệp thường quy định rõ thời hạn thanh toán, mức lãi suất hoặc các điều kiện kèm theo nhằm đảm bảo quyền lợi và khả năng thu hồi vốn.

1.3.4. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, báo giá
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ kế toán liên quan

1.3.5. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Tài khoản 511 -Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

❖ **Kết cấu tài khoản 511:**

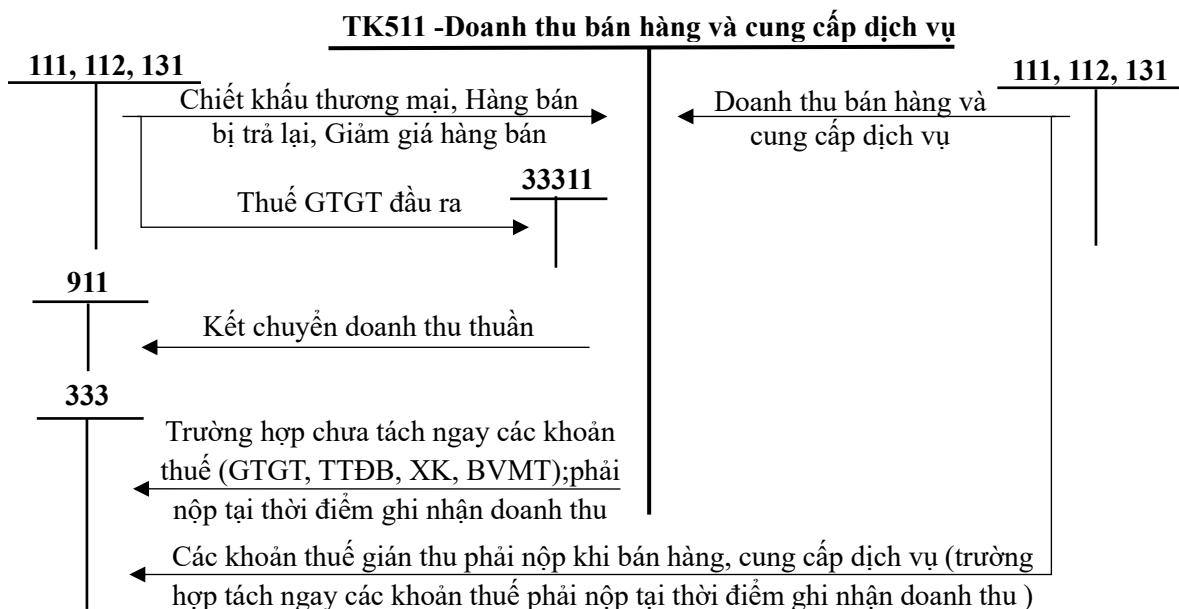
TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
--	--

TK 511 không có số dư cuối kỳ

1.3.6. Phương pháp hạch toán.

Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC, để phản ánh doanh thu của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, kế toán sử dụng **TK 511 – Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ**.



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.4.1. Nội dung.

Các khoản giảm trừ doanh thu các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- *Chiết khấu thương mại* là khoản doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách do mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- *Giảm giá hàng bán* là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.

- *Hàng bán bị trả lại* là hàng bị khách hàng trả lại do nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu bị trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu bị trả lại một phần hàng), đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng trên.

1.4.2. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC.

Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ **tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**.

1.4.3. Chứng từ sử dụng.

- *Chiết khấu thương mại:*

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản chiết khấu thương mại

- *Giảm giá hàng bán:*

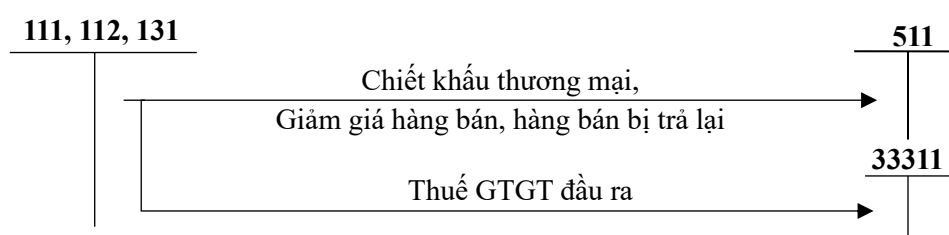
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giảm giá hàng bán
- Hóa đơn điều chỉnh kèm bản kê.

- *Hàng bán bị trả lại:*

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản trả lại hàng bán
- Chứng từ kèm theo: phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ.

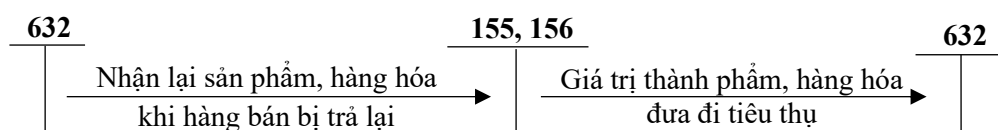
1.4.4. Phương pháp hạch toán.

❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:



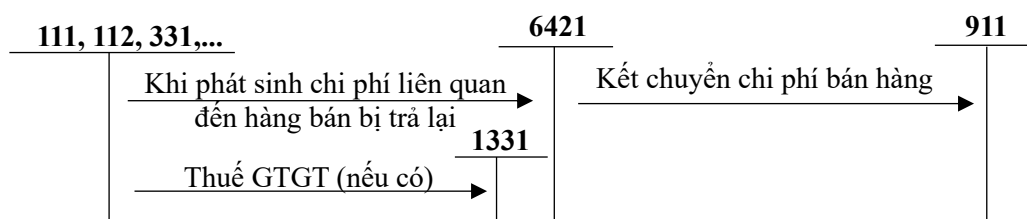
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa:



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa

❖ Kế toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại:



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí liên quan đến hàng bán bị trả lại

1.5. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.5.1. Nội dung.

Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra liên quan trực tiếp đến số hàng hóa hoặc sản phẩm đã bán trong kỳ kế toán. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ giá vốn là toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh để thực hiện và hoàn thành dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng trong kỳ.

1.5.2. Phương pháp tính giá xuất kho.

❖ *Phương pháp tính theo giá đích danh:*

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ:*

- Bình quân cuối kỳ được tính bằng cách xác định đơn giá bình quân của toàn bộ hàng tồn kho trong kỳ, bao gồm số dư đầu kỳ và toàn bộ lượng hàng nhập trong kỳ. Đơn giá này chỉ được xác lập một lần vào cuối kỳ kế toán và được sử dụng để tính giá trị hàng xuất kho của cả kỳ. Giá thực tế xuất kho tính theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ được tính theo công thức sau:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ}}$
Giá thực tế hàng i xuất kho	=	$\text{Số lượng hàng i xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i}$

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền mỗi lần nhập (bình quân thời điểm):*

Theo phương pháp này, thì sau mỗi lần nhập, phải xác định đơn giá bình quân của từng loại nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và số lượng nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho giữa 2 lần nhập kế tiếp để xác định trị giá thực tế của hàng xuất kho.

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n}}$
Giá thực tế hàng i xuất kho	=	$\text{Số lượng hàng i xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n}$

❖ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):*

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

1.5.3. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê hàng tồn kho, bảng kê nhập – xuất – tồn
- Các chứng từ kế toán liên quan

1.5.4. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 62 Thông tư 133/2016/TT- BTC

Kế toán ghi nhận giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ vào bên nợ tài khoản **632 – “Giá vốn hàng bán”**.

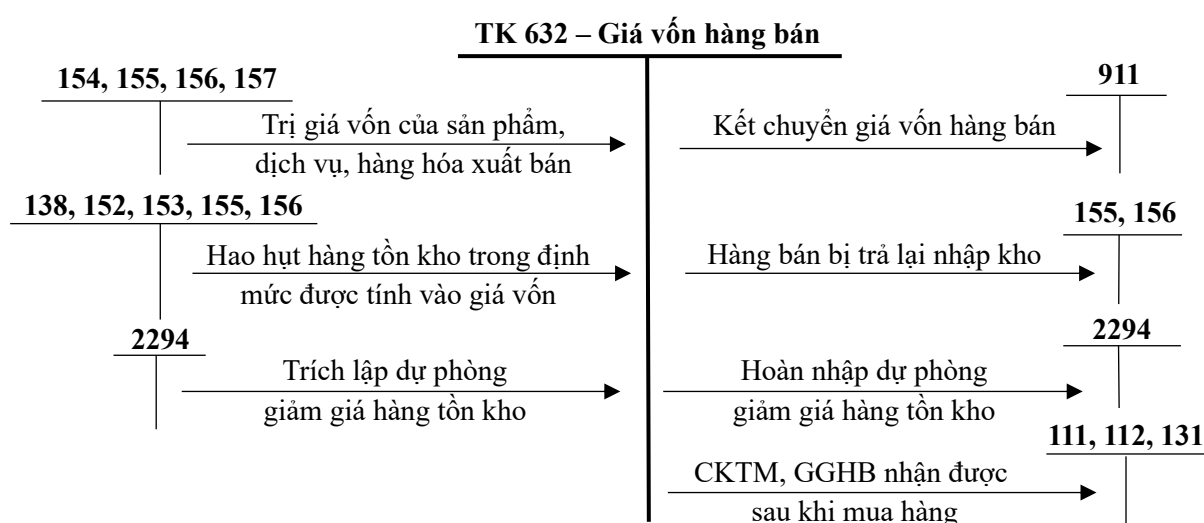
❖ Kết cấu tài khoản:

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh: - Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ; - Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; - Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ; - Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ; - Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ; - Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá; - Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại; - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh); - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; - Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại; - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
--	---

TK 632 không có số dư

1.5.5. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.6.1. Nội dung.

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.6.2. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng cho vay, hợp đồng gửi tiền, hợp đồng đầu tư tài chính.
- Sổ phụ ngân hàng.
- Các chứng từ kế toán liên quan.

1.6.3. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 58 thông tư 133/2016/TT-BTC

Kế toán ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ vào bên có tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

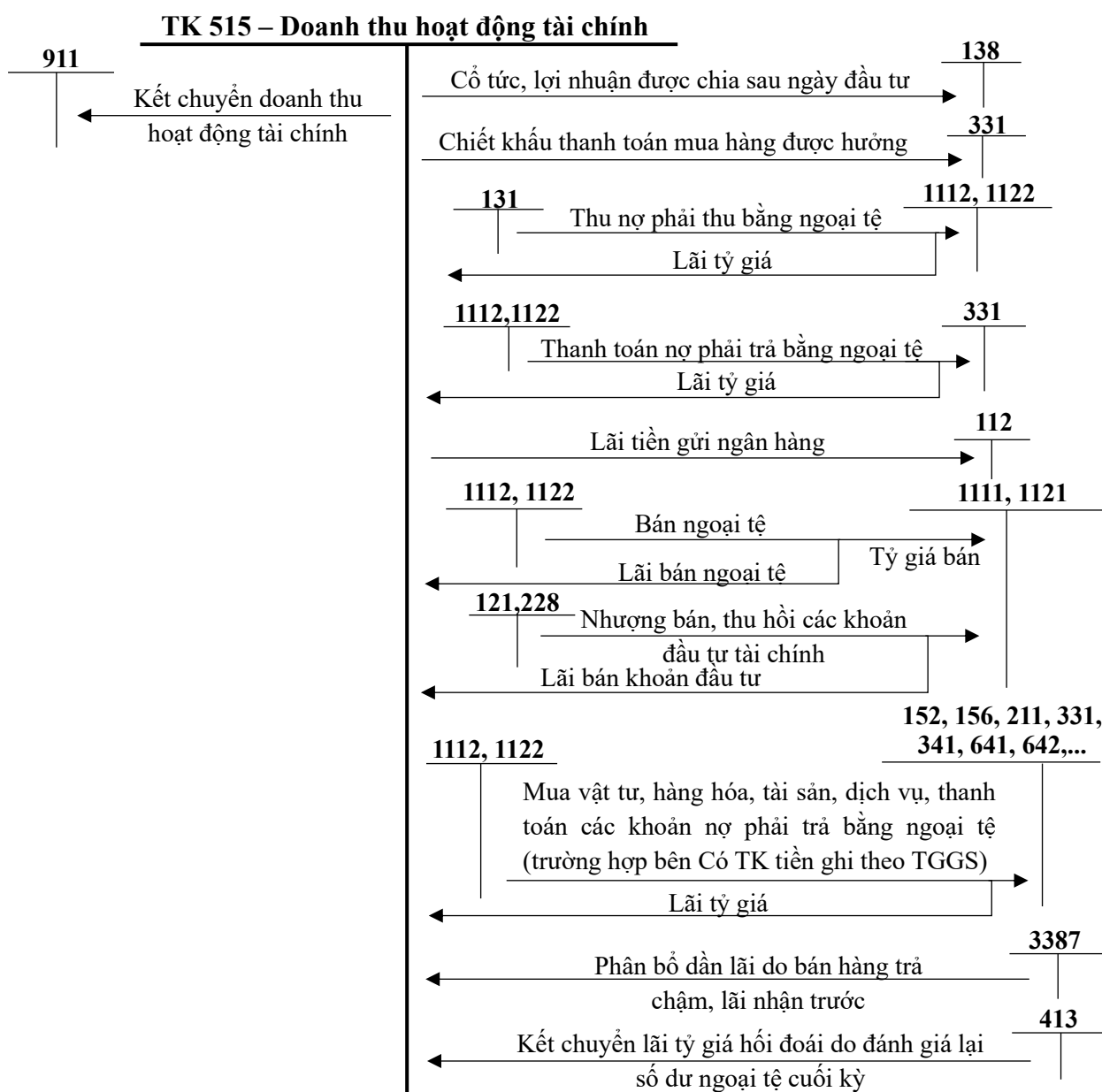
❖ Kết cấu tài khoản:

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.6.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.7. Kế toán chi phí tài chính.

1.7.1. Nội dung.

Chi phí tài chính là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính, huy động vốn, sử dụng vốn và các giao dịch tài chính của doanh nghiệp, bao gồm các chi phí như:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.7.2. Chứng từ sử dụng.

- Hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn
- Bảng tính lãi vay
- Bảng đánh giá ngoại tệ
- Sao kê, giấy báo nợ
- Các chứng từ kế toán liên quan

1.7.3. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 63 của thông tư 133/2016/TT – BTC.

Kế toán ghi nhận các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính, huy động vốn, sử dụng vốn và các giao dịch tài chính của doanh nghiệp vào tài khoản TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính”.

❖ Kết cấu tài khoản:

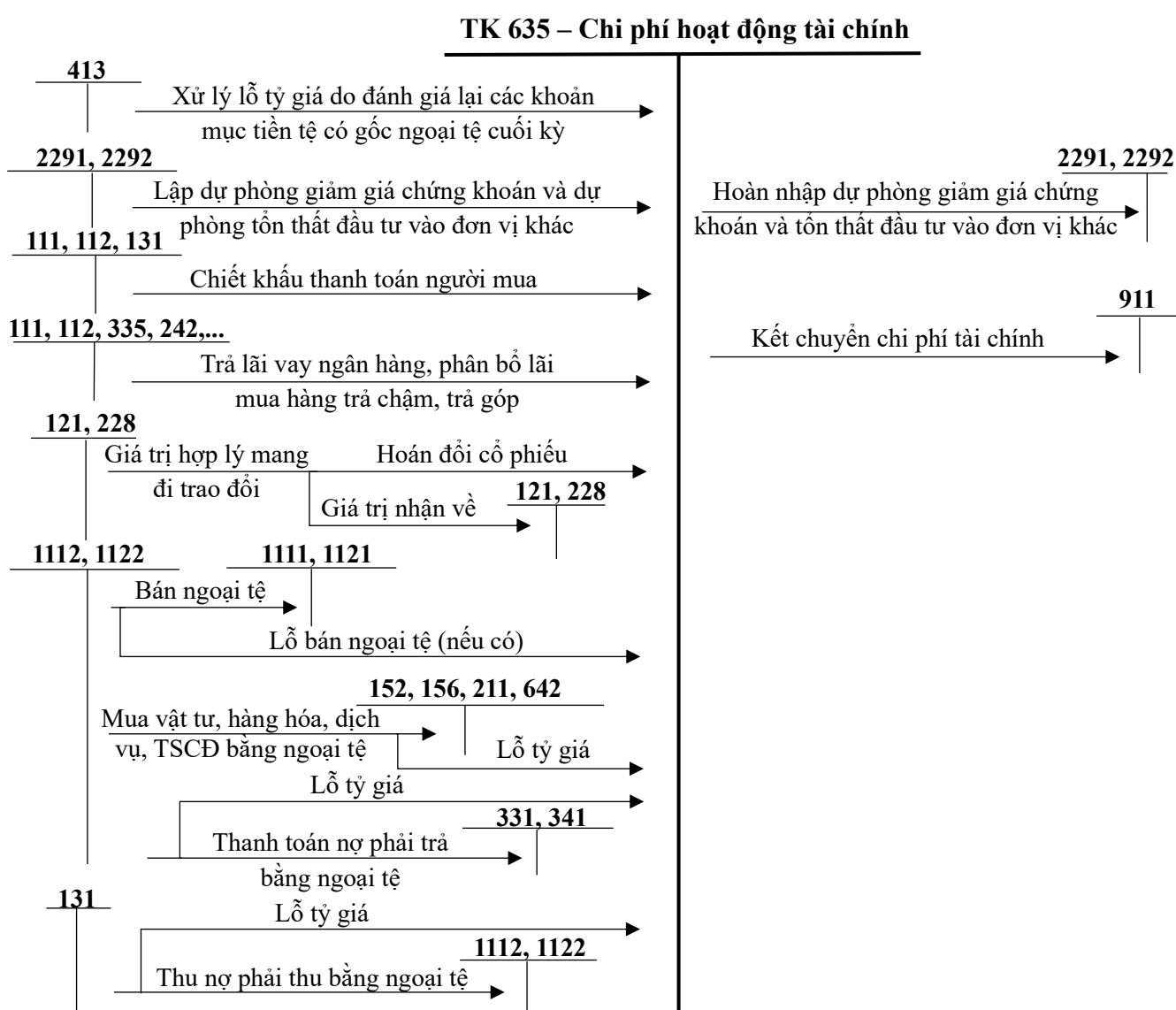
TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.7.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí tài chính

1.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.8.1. Nội dung.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- *Chi phí bán hàng* bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.8.2. Chứng từ sử dụng.

- Bảng chấm công, bảng tính lương
- Bảng khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ CCDC
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ kế toán liên quan

1.8.3. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT – BTC.

Kế toán ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào **tài khoản 642 - “ Chi phí quản lý kinh doanh”**.

❖ TK 642 có 2 tài khoản cấp 2 như sau :

- TK 6421: Chi phí bán hàng.
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Kết cấu tài khoản:

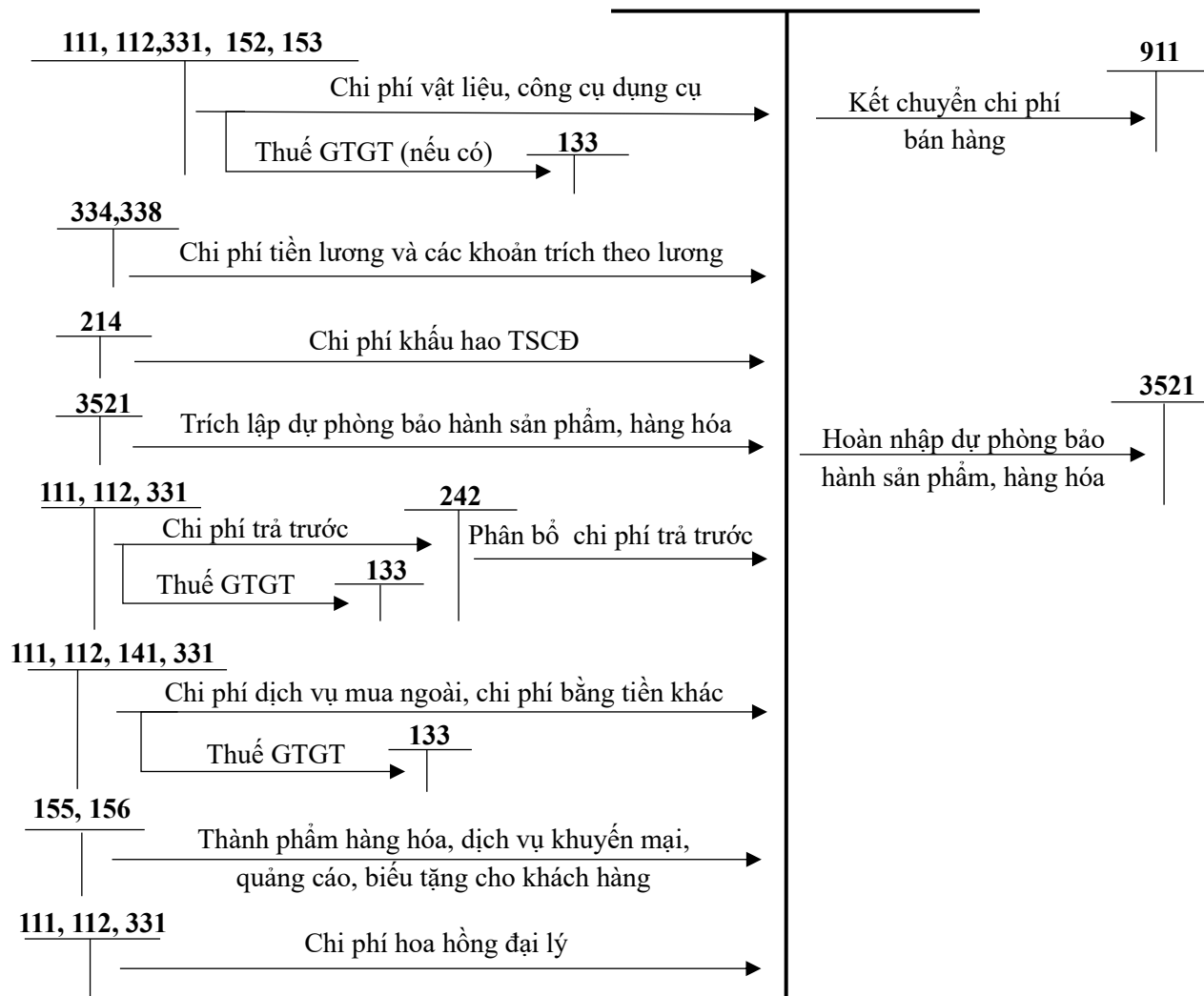
TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
---	---

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

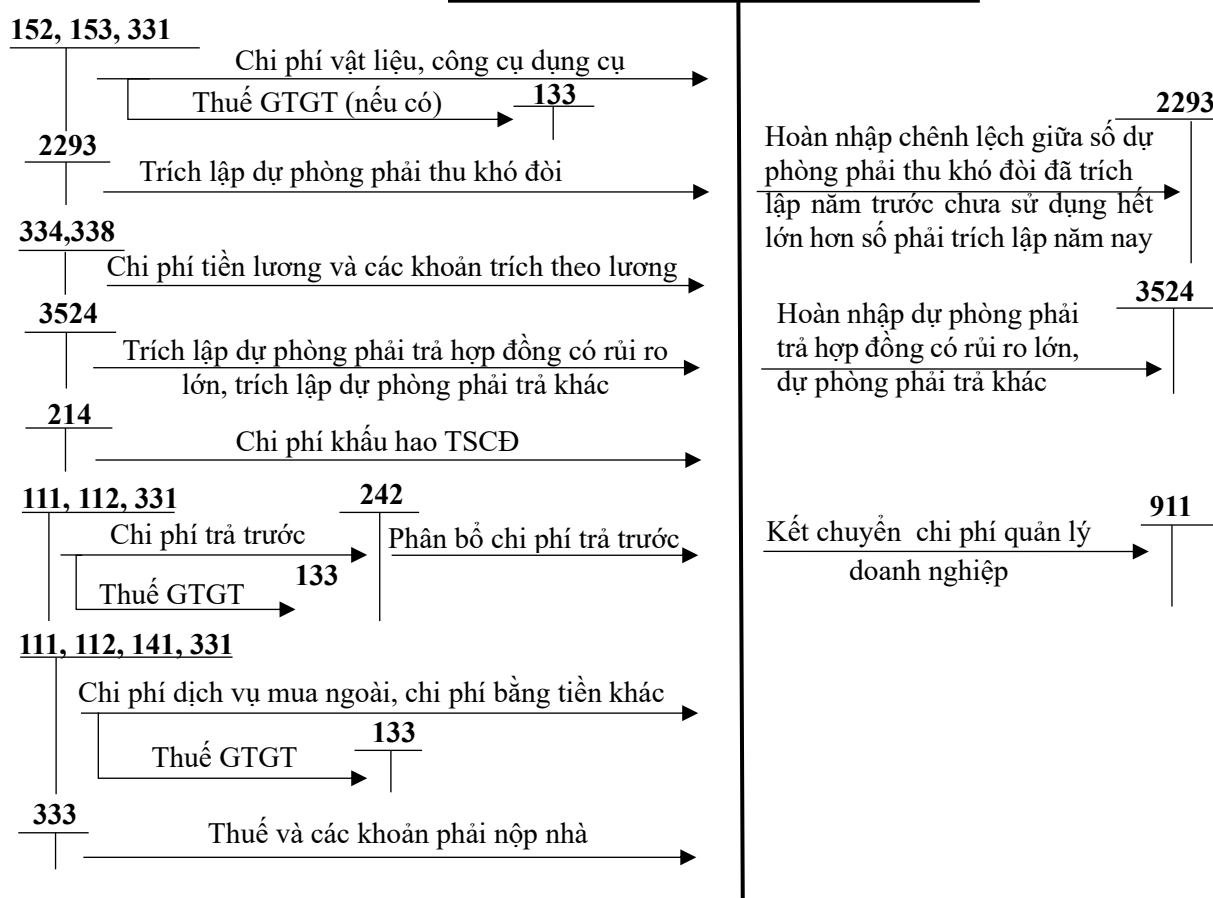
1.8.4. Phương pháp hạch toán.

TK 6421 – Chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.9. Kế toán thu nhập khác.

1.9.1. Nội dung.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);

- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.9.2. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Biên bản thanh lý, chuyển nhượng tài sản
- Phiếu thu, giấy báo có

1.9.3. Tài khoản sử dụng:

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT – BTC.

Kế toán ghi nhận các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp vào **tài khoản 711 – “Thu nhập khác”**.

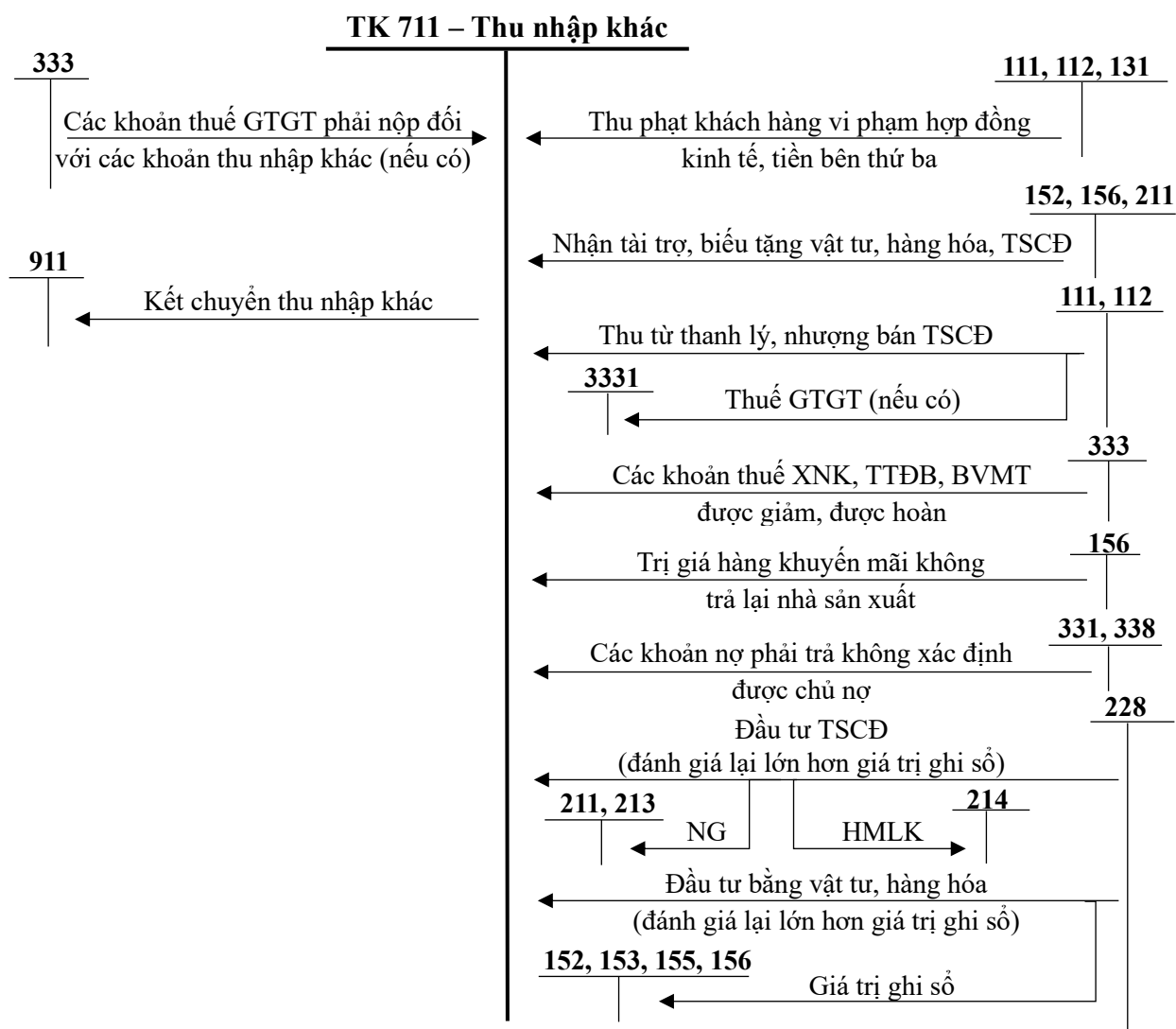
❖ Kết cấu tài khoản:

TK 711 – Thu nhập khác

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
---	---

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.9.4. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

1.10. Kế toán chi phí khác.

1.10.1. Nội dung.

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;

- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.10.2. Chứng từ sử dụng.

- Biên bản kiểm kê tài sản, biên bản đánh giá tổn thất.
- Hợp đồng kinh tế, biên bản vi phạm.
- Biên bản xác nhận công nợ không thể thu hồi.
- Phiếu chi, giấy báo nợ.

1.10.3. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 66 của TT133/2016/TT/BTC để phản ánh chi phí khác, kế toán sử dụng **Tài khoản 811: “Chi phí khác”**

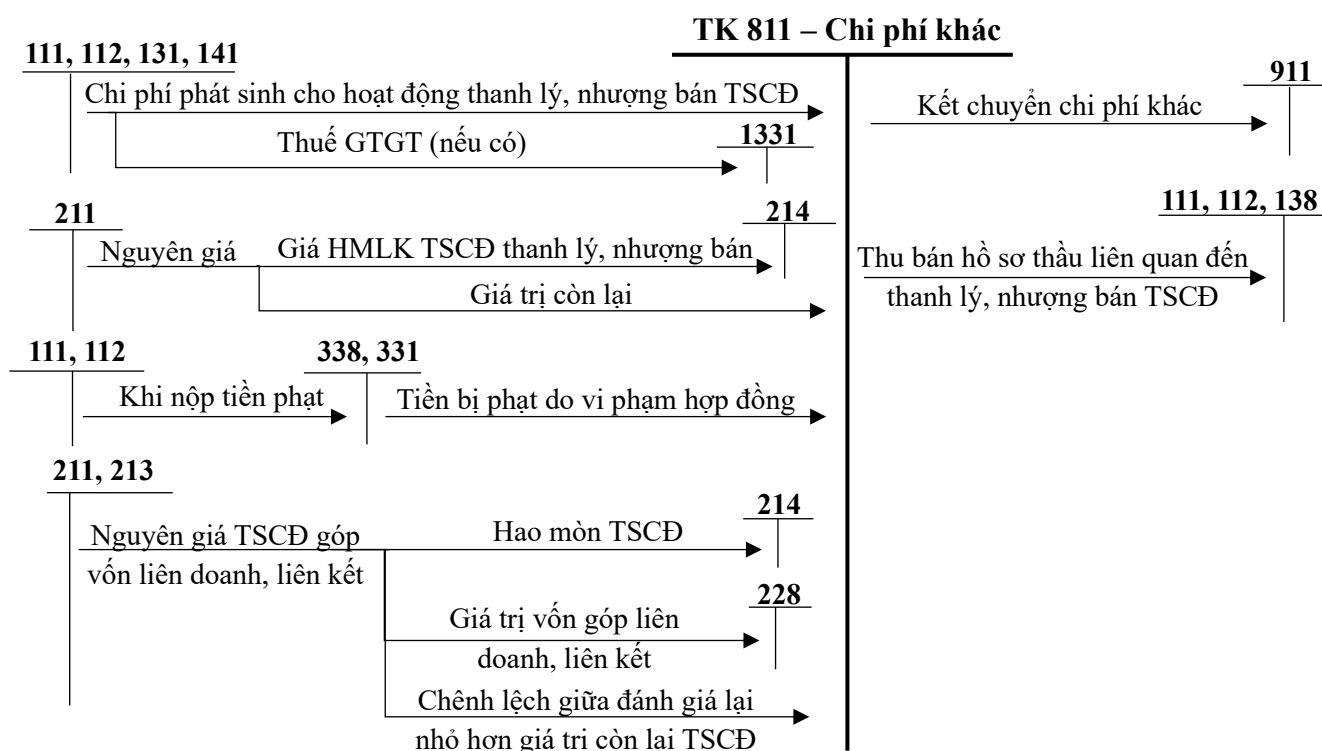
❖ Kết cấu tài khoản:

TK 811 – Chi phí khác

- | | |
|-------------------------------------|--|
| - Các khoản chi phí khác phát sinh. | - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. |
|-------------------------------------|--|

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.10.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác

1.11. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.11.1. Nội dung.

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

❖ Công thức xác định chi phí thuế TNDN:

$\text{Thu nhập chịu thuế} = (\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ}) + \text{Các khoản thu nhập khác}$				
$\text{Thu nhập tính thuế}$	$=$	$\text{Thu nhập chịu thuế}$	$- \left(\begin{array}{l} \text{Thu nhập được miễn thuế} \\ + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \end{array} \right)$	
$\text{Thuế TNDN phải nộp}$	$=$	$\left(\begin{array}{l} \text{Thu nhập tính thuế} \\ - \text{Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có)} \end{array} \right) \times$	$\text{Thuế suất thuế TNDN}$	

1.11.2. Chứng từ sử dụng.

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN.
- Thông báo nộp thuế của cơ quan thuế.
- Phiếu chi, giấy báo nợ, giấy nộp tiền.
- Phiếu kế toán.

1.11.3. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 67 của thông tư 133/2016/TT-BTC

Kế toán ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào tài khoản 821: “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

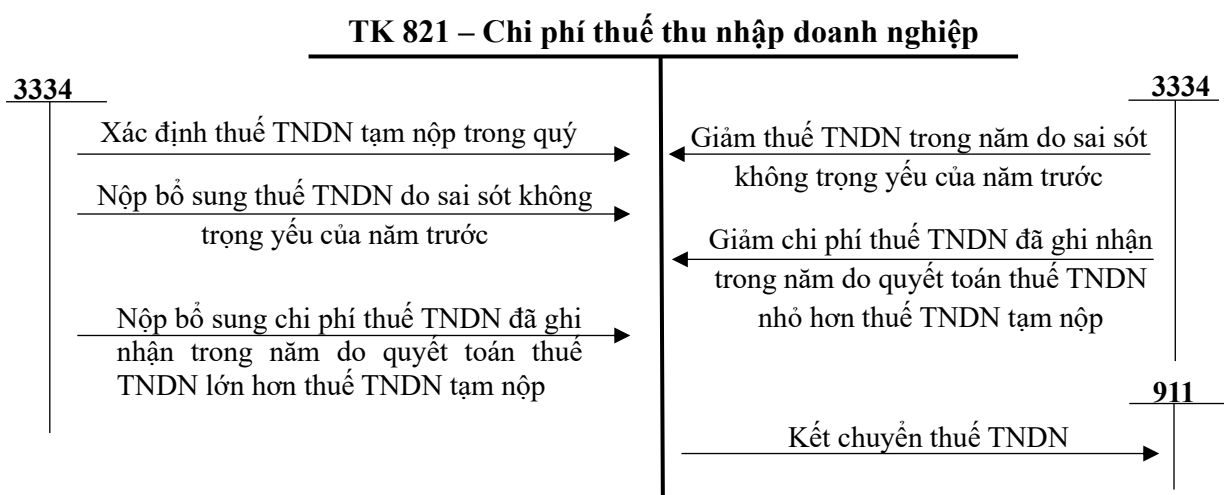
❖ Kết cấu tài khoản:

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
---	---

TK 821 không có số dư cuối kỳ

1.11.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.12.1. Nội dung.

Theo quy định tại điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu BH và CCDC	-	Các khoản giảm trừ doanh thu				
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về BH và CCDC	-	Giá vốn hàng bán				
LN thuần từ hoạt động kinh doanh	=	LN gộp về BH và CCDV	+	DT hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
Lợi nhuận khác	=	Doanh thu khác	-	Chi phí khác				
Tổng LNKT trước thuế	=	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác				
Tổng LNKT sau thuế	=	Tổng LNKT trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN				

1.12.2. Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 68 của thông tư 133/2016/TT-BTC

Kế toán ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh vào **tài khoản 911: “Xác định kết quả kinh doanh”**.

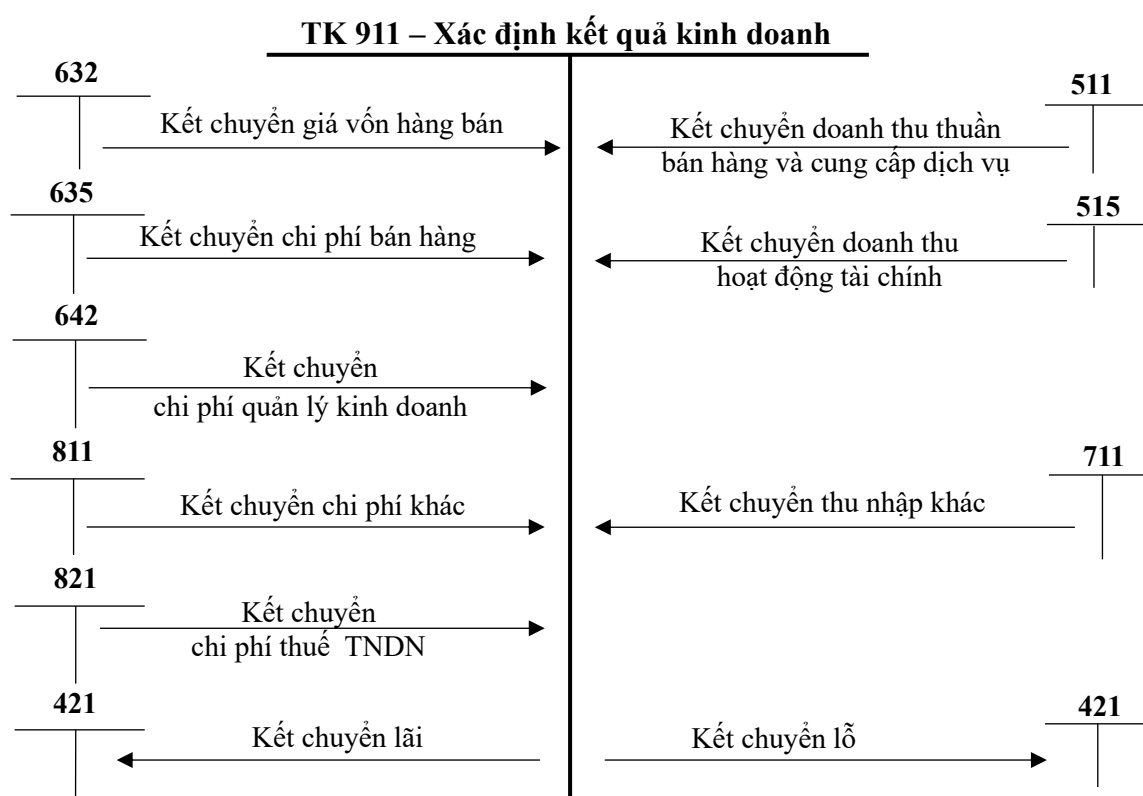
❖ Kết cấu tài khoản:

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.
--	--

TK 911 không có số dư cuối kỳ

1.12.3. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV KHỎE NHẤT.

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khỏe Nhất.

2.1.1. Thông tin khái quát về công ty.

Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất là một doanh nghiệp kinh doanh về dịch vụ chăm sóc cơ thể, massage, làm đẹp được thành lập theo giấy phép số 0401910285 được cấp ngày 06/07/2018. Với các thông tin:

- Tên giao dịch: Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất
- Mã số thuế: 0401910285
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên ngoài nhà nước
- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Trinh
- Địa chỉ : 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (Chi tiết: Làm đẹp, chăm sóc da, làm đầu, gội đầu, cắt tóc).

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

Kể từ ngày 07/8/2018, hoạt động kinh doanh dịch vụ Golden Lotus chính thức được tổ chức và vận hành theo mô hình pháp nhân với tên gọi Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất, đặt trụ sở tại thành phố Đà Nẵng. Đây là dấu mốc quan trọng, đánh dấu giai đoạn phát triển mang tính ổn định và chuyên nghiệp của doanh nghiệp.

Trong giai đoạn này, công ty tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và xây dựng hình ảnh thương hiệu theo định hướng chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, đặc biệt là nhóm khách du lịch trong và ngoài nước.

Song song với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, công tác quản lý và kế toán – tài chính của công ty cũng được chú trọng hiện đại hóa. Doanh nghiệp từng bước hoàn thiện hệ thống hạch toán doanh thu, chi phí theo từng cơ sở kinh doanh, tăng cường kiểm soát dòng tiền và chi phí vận hành. Việc lập và phân tích báo cáo tài chính định kỳ đã hỗ trợ hiệu quả cho ban lãnh đạo trong việc đánh giá chính xác tình hình hoạt động kinh doanh, từ đó đưa ra các quyết định quản trị kịp thời và phù hợp.

Nhờ sự kết hợp đồng bộ giữa nâng cao chất lượng dịch vụ và hoàn thiện công tác kế toán – tài chính, Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất từng bước mở rộng thị phần tại Đà Nẵng, khẳng định vị thế của thương hiệu Golden Lotus trong lĩnh vực dịch vụ

chăm sóc sức khỏe, đồng thời hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

2.1.3.1. Lĩnh vực kinh doanh:

Ngành nghề theo đăng ký kinh doanh của công ty:

- Ngành kinh doanh chính: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (Chi tiết: Làm đẹp, chăm sóc da, làm đầu, gội đầu, cắt tóc).

Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất là doanh nghiệp chuyên cung cấp các dịch vụ chăm sóc tóc và làm đẹp cá nhân, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và khách nước ngoài. Bên cạnh đó, công ty còn kết hợp kinh doanh dịch vụ đồ uống nhằm đa dạng hóa hoạt động.

The screenshot displays the 'Thông tin cơ bản' (Basic Information) page of a business registration on the National Business Registration Portal. The page includes a sidebar with navigation options like 'Dịch vụ công' and 'Danh mục sản phẩm'. The main content area shows the following details:

- Tên doanh nghiệp:** CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:**
- Tên doanh nghiệp viết tắt:**
- Tình trạng hoạt động:**
- Tạm ngừng kinh doanh:**
- Mã số doanh nghiệp:** 0401910285-001
- Loại hình pháp lý:** Chi nhánh
- Ngày bắt đầu thành lập:** 27/03/2025
- Tên người đại diện theo pháp luật:** ĐĂNG VĂN HẢI
- Địa chỉ trụ sở chính:** 16A Đường 10, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Below this information is a table titled 'Ngành, nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam' (Industry, occupation according to the Vietnamese Economic Sector System). The table lists various codes and descriptions of activities, with the primary activity being 'Cắt tóc, làm đầu, gội đầu' (Haircut, hair styling, hair washing) under code 9631 (Chính).

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
4321	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
7310	Quảng cáo (không đắp, cắt, gò, hàn, sơn, gia công cơ khí tại trụ sở)
9511	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Thiết kế và thi công nội thất)
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4603	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
4101	Xây dựng nhà ở
4299	Chi tiết: Xây dựng, thi công nội thất căn hộ, nhà phố, biệt thự, khách sạn và các công trình khác
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng, thi công công trình công nghiệp)
4311	Phà nhỏ
4312	Chuyến đi mặt bằng (trừ nhỏ lẻ)
6201	Lắp trình máy vi tính
6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
8630	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, vũ trường)
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
8230	Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại (Chi tiết: Tổ chức sự kiện (không phục vụ các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất tâm đạo cụ, dụng cụ)
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ bình gas, khí đầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cần, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
4640	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
7011	Đại lý du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch nội địa và quốc tế)
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Hoạt động của các đại lý về máy bay, vé xe, tàu thuyền)
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô)
9631 (Chính)	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (Chi tiết: Chăm sóc da, làm đầu, gội đầu, cắt tóc (trừ hoạt động gây cháy máu))
9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình; tư vấn kiến trúc công trình)
6312	Cổng thông tin (trừ trang thông tin điện tử có nội dung Nhà nước cấm và trừ hoạt động báo chí)
7020	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)

Hình ảnh 2.1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia

2.1.3.2. Phương thức bán hàng:

- Bán hàng trực tiếp: Khách hàng sử dụng trực tiếp các dịch vụ mà Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất cung cấp và thực hiện thanh toán ngay sau khi hoàn thành. Đây là phương thức bán hàng chủ yếu, giúp công ty kiểm soát tốt chất lượng dịch vụ và quá trình phục vụ khách hàng.

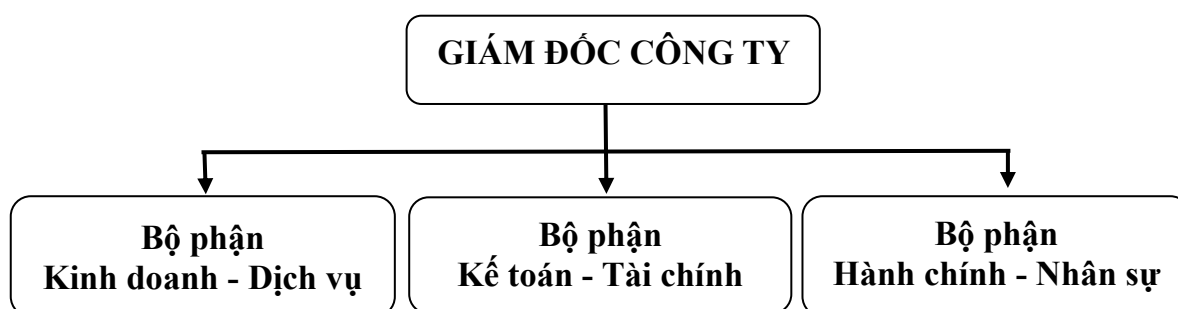
Trên cơ sở đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, công ty còn triển khai thêm các hình thức hỗ trợ như tiếp nhận đặt lịch trước thông qua điện thoại hoặc các nền tảng trực tuyến (mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin), giúp giảm thời gian chờ đợi và tối ưu hóa công suất phục vụ. Đồng thời, việc kết hợp bán kèm đồ uống tại chỗ cũng là một hình thức bán hàng bổ trợ, góp phần gia tăng doanh thu và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ.

2.1.3.3. Hình thức thanh toán:

Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất áp dụng phương thức thanh toán chủ yếu theo hình thức trả tiền ngay (thanh toán trực tiếp) sau khi khách hàng sử dụng xong dịch vụ. Công ty sử dụng đa dạng các phương thức thanh toán nhằm tạo sự thuận tiện cho khách hàng như thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng. Ngoài ra, công ty còn có thể chấp nhận thanh toán thông qua các ví điện tử hoặc quét mã QR, phù hợp với xu hướng thanh toán không dùng tiền mặt hiện nay.

2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý.



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty

2.2.2. Chức năng từng bộ phận:

- *Giám đốc công ty:*

Đứng đầu bộ máy quản lý là Giám đốc công ty, người chịu trách nhiệm cao nhất về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và nhân sự của doanh nghiệp. Giám đốc có chức năng xây dựng chiến lược phát triển, ban hành các quyết định quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động của công ty.

- *Bộ phận kinh doanh - dịch vụ:*

Dưới sự điều hành trực tiếp của Giám đốc là các bộ phận chức năng, bao gồm Bộ phận Hành chính - Nhân sự, Bộ phận Kế toán - Tài chính và Bộ phận Kinh doanh - Dịch vụ. Bộ phận Hành chính - Nhân sự có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc trong công tác tổ chức nhân sự, tuyển dụng, đào tạo và quản lý lao động tại các cửa hàng dịch vụ, đồng thời thực hiện các công việc hành chính nội bộ của công ty.

- *Bộ phận kế toán - tài chính:*

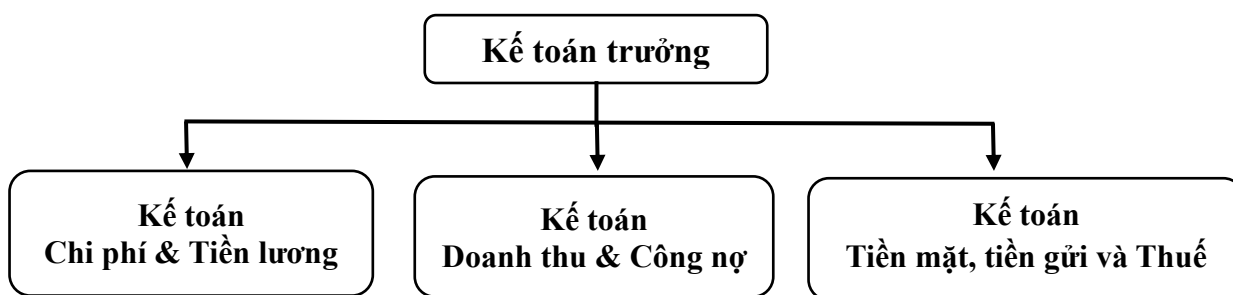
Bộ phận Kế toán - Tài chính giữ vai trò quan trọng trong bộ máy quản lý, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của toàn công ty cũng như từng cửa hàng trực thuộc. Bộ phận này thực hiện lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định, đồng thời cung cấp thông tin kịp thời cho Ban Giám đốc phục vụ công tác điều hành và ra quyết định.

- *Bộ phận hành chính - nhân sự:*

Bộ phận hành chính - nhân sự trực tiếp quản lý hoạt động tại cửa hàng dịch vụ Golden Lotus trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Tại cửa hàng có một Quản lý cửa hàng chịu trách nhiệm điều phối nhân sự, giám sát chất lượng dịch vụ, quản lý doanh thu phát sinh trong ngày và phối hợp với bộ phận kế toán trong việc lập chứng từ, báo cáo doanh thu, chi phí theo quy định của công ty.

2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

2.3.1. Bộ máy kế toán:



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khỏe Nhất tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình kế toán tập trung, phù hợp với quy mô doanh nghiệp và đặc điểm hoạt động kinh doanh thông qua các cửa hàng trực thuộc. Theo mô hình này, toàn bộ công tác kế toán được thực hiện thống nhất tại trụ sở công ty, trong khi các cửa hàng dịch vụ có trách nhiệm lập và chuyển giao đầy đủ chứng từ ban đầu về bộ phận kế toán để xử lý, ghi sổ và tổng hợp báo cáo.

2.3.2. Chức năng từng bộ phận:

- Kế toán trưởng:

Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức, điều hành và kiểm soát toàn bộ công tác kế toán - tài chính; trực tiếp kiểm tra chứng từ kế toán, thực hiện các bút toán kết chuyển, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế và tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý tài chính và ra quyết định kinh doanh.

- Kế toán doanh thu - công nợ:

Kế toán doanh thu và công nợ có nhiệm vụ tổ chức theo dõi và hạch toán toàn bộ doanh thu cung cấp dịch vụ spa phát sinh tại các cửa hàng trực thuộc Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất. Hằng ngày, căn cứ vào báo cáo bán hàng, bảng kê doanh thu và chứng từ thu tiền do thu ngân tại các cửa hàng lập, kế toán doanh thu thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa báo cáo doanh thu, phiếu thu, sao kê và dữ liệu trên hệ thống bán hàng nhằm đảm bảo doanh thu được ghi nhận đầy đủ, chính xác và kịp thời.

- Kế toán chi phí – tiền lương:

Kế toán chi phí và tiền lương chịu trách nhiệm theo dõi, hạch toán toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Các khoản chi phí bao gồm chi phí thuê mặt bằng, chi phí điện nước, chi phí nguyên vật liệu phục vụ dịch vụ, chi phí sửa chữa, chi phí dịch vụ thuê ngoài, cũng như các chi phí quản lý doanh nghiệp khác.

Đối với công tác tiền lương, kế toán tiền lương có nhiệm vụ tính toán tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp cho người lao động dựa trên bảng chấm công, hợp đồng lao động và quy chế lương của công ty. Đồng thời, kế toán thực hiện trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo đúng quy định của pháp luật.

- Kế toán tiền mặt, tiền gửi và thuế:

Kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng có nhiệm vụ quản lý, theo dõi tình hình thu - chi tiền mặt tại công ty và các cửa hàng, cũng như các khoản thanh toán qua ngân hàng. Kế toán thực hiện lập phiếu thu, phiếu chi, kiểm tra chứng từ thanh toán, đối chiếu số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với sổ sách kế toán và sao kê ngân hàng.

Kế toán thuế chịu trách nhiệm tập hợp số liệu kế toán để lập và kê khai các loại thuế theo quy định như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

2.3.3. Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).

- Phương pháp kê khai thuế GTGT là phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp trích khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân cuối kỳ (tháng).

- Hình thức ghi sổ: hình thức Nhật ký chung.

- Phần mềm kế toán sử dụng: Phần mềm kế toán Easybooks.

- Hệ thống Báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh Báo cáo tài chính.

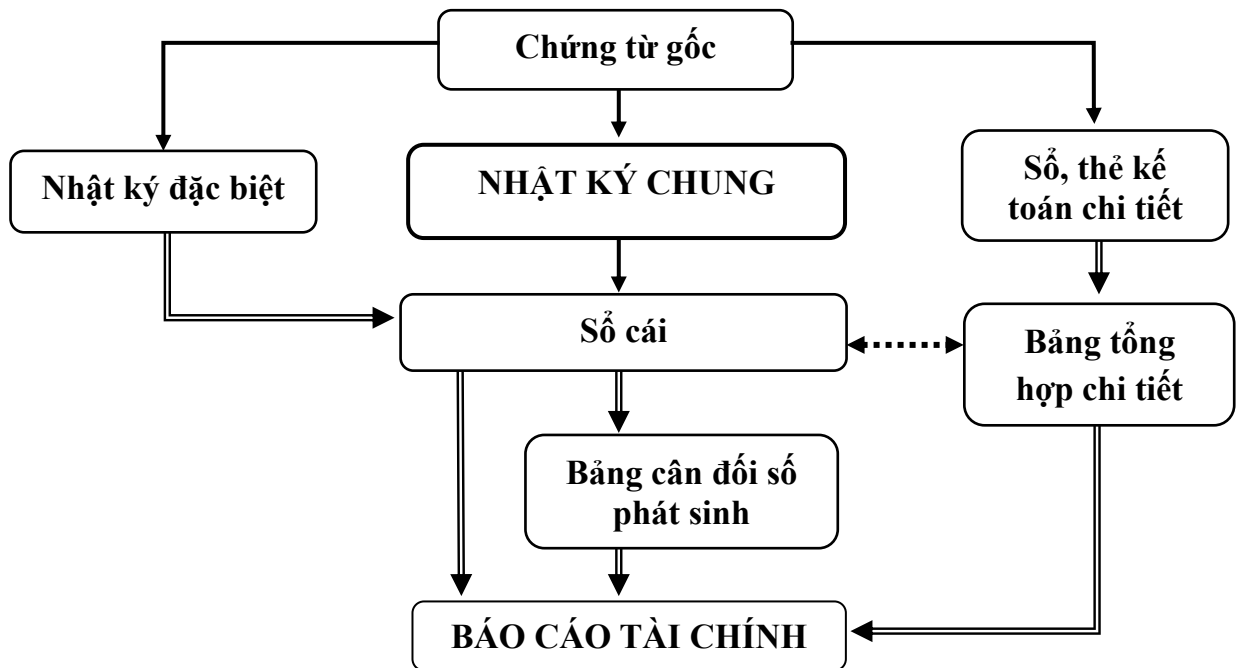
2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm kế toán EasyBooks. Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi nhận theo trình tự thời gian, đồng thời phản ánh theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ thông qua hệ thống tài khoản kế toán.

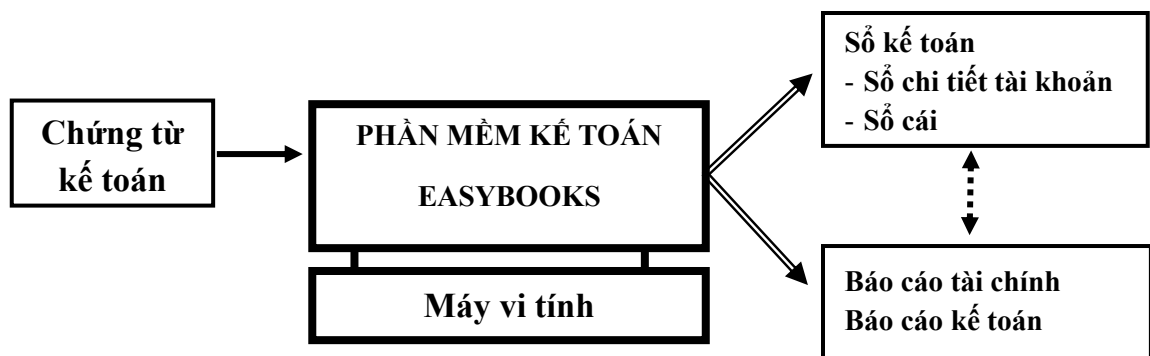
Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán gốc hợp pháp, hợp lệ, kế toán viên thực hiện kiểm tra, đối chiếu và nhập dữ liệu trực tiếp vào phần mềm EasyBooks. Sau khi chứng từ được nhập, phần mềm sẽ tự động xử lý và cập nhật số liệu vào các sổ kế toán liên quan, bao gồm: Nhật ký chung, Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Theo nguyên tắc kế toán máy, mỗi chứng từ kế toán chỉ được nhập một lần duy nhất vào phần mềm. Trên cơ sở đó, hệ thống sẽ tự động phân loại, định khoản và cập nhật đồng thời vào toàn bộ các sổ kế toán có liên quan, đảm bảo tính chính xác, nhất quán và hạn chế tối đa sai sót trong quá trình ghi sổ.

Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện các bút toán điều chỉnh, bút toán kết chuyển, tiến hành khóa sổ kế toán trên phần mềm. Căn cứ vào số liệu đã được tổng hợp và kiểm tra, phần mềm EasyBooks tự động lập các báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và cho phép in ấn đầy đủ hệ thống sổ sách kế toán phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và lưu trữ.



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ hình thức ghi sổ Nhật ký chung



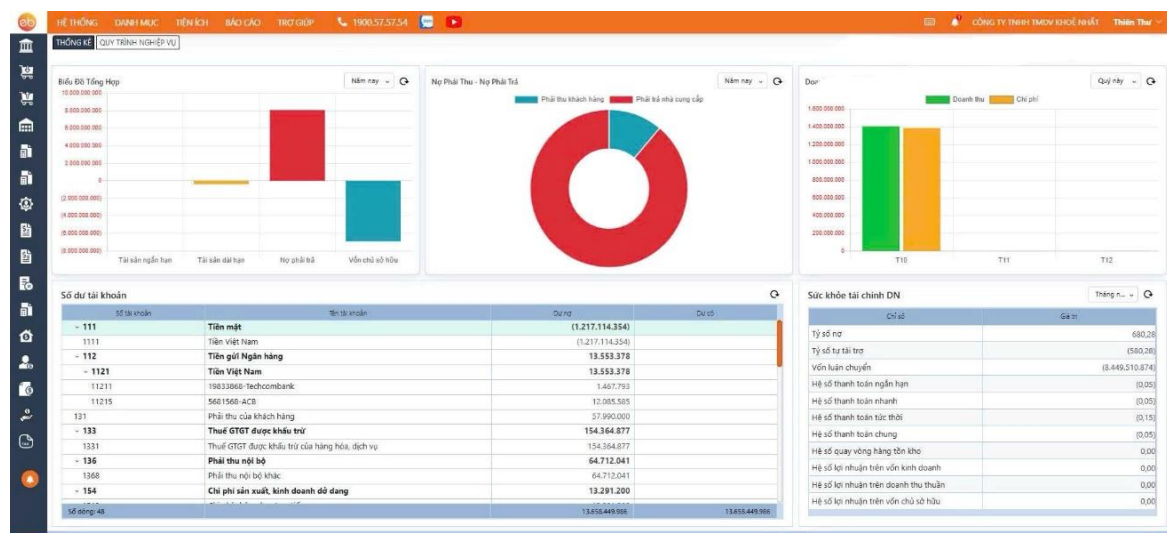
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Easybooks

- > : Ghi hàng ngày
 =====> : Ghi cuối kỳ
 <-----> : Đối chiếu, kiểm tra

2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty.

Để hỗ trợ cho kế toán làm việc cùng với sự phát triển của công nghệ, hiện nay việc sử dụng phần mềm kế toán không còn xa lạ đối với người làm kế toán. Để công việc có thể nhanh chóng và hoàn thiện hơn, công ty đã sử dụng phần mềm Easybooks trong công việc kế toán của công ty. Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc (đã kiểm tra), kế toán phân hành tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán, riêng các chứng từ có liên quan đến tiền mặt còn phải ghi vào sổ quỹ. Theo quy trình của phần mềm

kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết bán hàng và sổ nhật ký chung, rồi tự cập nhật lên sổ cái của từng tài khoản. Từ sổ cái cuối kỳ phần mềm tự cập nhập bảng cân đối phát sinh kế toán thực hiện các bút toán phân bổ, kết chuyển và lập các báo cáo tài chính, in các báo cáo.



Hình ảnh 2.2. Giao diện phần mềm kế toán Easybooks

2.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

2.4.1. Nội dung:

Theo thông tin đăng ký trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khỏe Nhất đăng ký hoạt động với hơn 36 ngành, nghề kinh doanh khác nhau. Tuy nhiên, ngành nghề kinh doanh chính và nguồn tạo doanh thu chủ yếu của công ty là các dịch vụ làm đẹp và chăm sóc sức khỏe, bao gồm:

- Làm đẹp, chăm sóc da, làm dầu, gội đầu, cắt tóc.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự.

Bên cạnh doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ, trong quá trình kinh doanh, công ty còn phát sinh doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa, cụ thể là bán các loại nước uống đóng lon phục vụ khách hàng trong thời gian sử dụng dịch vụ tại các cửa hàng.

2.4.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản chi tiết 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản chi tiết 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.4.3. Chứng từ sử dụng và sổ sách sử dụng:

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng

- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ kế toán liên quan

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sổ chi tiết tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Sổ chi tiết tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.4.4. Quy trình ghi sổ:

Nghiệp vụ 1 – Cung cấp dịch vụ: Ngày 18/06/2025, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khỏe Nhất sau khi cung cấp dịch vụ cho Công ty Klook Travel Technology Limited, thu ngân tại cửa hàng lập Hóa đơn tạm tính cho khách hàng.

❖ **Quy trình cung cấp dịch vụ:**

- Khách hàng chọn gói dịch vụ tại quầy thu ngân, thu ngân sẽ tiến hành lập Hóa đơn tạm tính, ghi rõ loại dịch vụ, thời lượng, phòng thực hiện và các yêu cầu kèm theo. Hóa đơn tạm tính được lập thành hai liên: một liên lưu tại quầy để phục vụ bước thanh toán, liên còn lại chuyển cho kỹ thuật viên massage bằng phiếu giấy. Kỹ thuật viên căn cứ vào Hóa đơn tạm tính để chuẩn bị phòng và thực hiện đúng gói dịch vụ khách đã chọn. Nếu khách phát sinh thêm dịch vụ, kỹ thuật viên báo lại thu ngân để cập nhật vào phiếu. Khi khách quay lại quầy, thu ngân đối chiếu Hóa đơn tạm tính với thực tế sử dụng và lập hóa đơn GTGT khởi tạo từ máy tính tiền, phản ánh đầy đủ thông tin dịch vụ, giá bán, thuế GTGT theo quy định. Khách hàng nhận hóa đơn, xác nhận và hoàn tất việc trả tiền.

- Hóa đơn GTGT sau khi lập được kết nối và truyền dữ liệu trực tiếp đến cơ quan thuế, đồng thời gửi hóa đơn điện tử cho khách hàng qua email.

- Cuối ngày, thu ngân thực hiện tổng hợp doanh thu bán hàng, lập báo cáo bán hàng, chứng từ liên quan cho kế toán doanh thu – công nợ.

- Căn cứ vào báo cáo doanh thu và dữ liệu hóa đơn điện tử, kế toán doanh thu tiến hành đồng bộ hóa đơn điện tử từ hệ thống hóa đơn điện tử vào phần mềm kế toán EasyBooks, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hóa đơn.

- Trên cơ sở hóa đơn đã được kiểm tra, kế toán doanh thu thực hiện ghi nhận doanh thu trên phần mềm kế toán theo đúng thời điểm phát sinh.

- Đối với khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán tiền căn cứ vào hóa đơn GTGT và báo cáo thu tiền để hạch toán tăng tiền mặt. Đối với khách hàng thanh toán qua ngân hàng, kế toán tiền căn cứ vào Hóa đơn GTGT, Giấy báo Có và sao kê ngân hàng để ghi nhận thu tiền và đối chiếu, bù trừ công nợ khách hàng trên phần mềm kế toán.

- Định kỳ cuối tháng, kế toán doanh thu thực hiện đối chiếu số liệu doanh thu giữa phần mềm kế toán, báo cáo bán hàng của các cửa hàng và dữ liệu hóa đơn điện tử; đồng thời cung cấp số liệu cho kế toán thuế phục vụ kê khai thuế GTGT.

❖ Hóa đơn tạm tính:

GOLDEN LOTUS SPA
63 Hà Bông, An Hải, Sơn Trà, Đà Nẵng

HÓA ĐƠN TẠM TÍNH

Khách hàng: KLOOK TRAVEL

Ngày: 18/06/2025

Nhân viên:

Số phòng: 05

Đơn giá	SL	Thành tiền
Massage body cùng tinh dầu -- 90 phút		
490.000	2,0	980.000
Tổng riên:		980.000
Giảm giá:		0
Tổng thanh toán:		980.000

Mọi phản hồi vui lòng liên hệ tại quầy lễ tân
Cảm ơn quý khách!

Hình ảnh 2.3. Hóa đơn tạm tính dịch vụ cung cấp ngày 18/06/2025

❖ Hóa đơn giá trị gia tăng:



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25MKN
Số: 320

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 18 tháng 06 năm 2025

MCCQT: M1-25-W9FHQ-00000000320

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

Mã số thuế: 0401910285

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236 6554 211

Số tài khoản:

Tên người mua: KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế:

Số hồ chiếu:

Địa chỉ: 22/F, Kinwick Centre, 32 Hollywood Road, Central, Hong Kong

Điện thoại:

Căn cước công dân:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Tỷ giá:

Ngày băng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	Lần	2	445.455	0	10%	890.909

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	\$90.909	\$9.091

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	890.909
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	89.091
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	980.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Chín trăm tám mươi nghìn đồng.

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình ảnh 2.4. Hóa đơn giá trị gia tăng khởi tạo từ máy tính tiền ngày 29/06/2025

❖ Quy trình ghi sổ

Bước 1: Kế toán truy cập vào phần mềm kế toán Easybooks và tiến hành đồng bộ hóa đơn GTGT được khởi tạo từ máy tính tiền về phần mềm để ghi nhận doanh thu.

Kế toán thực hiện theo thao tác (xem ở Phụ lục 1):

- Truy cập vào phần mềm → Vào phân hệ : “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” → Lịch sử đồng bộ → Tiến hành đồng bộ hóa đơn về phần mềm.

Bước 2. Sau khi đã đồng bộ đầy đủ hóa đơn từ thuế về phần mềm, kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT ghi nhận vào phần mềm theo thao tác:

- Chọn phân hệ “ Hóa đơn bán ra” → Chọn lập chứng từ bán hàng → Tiến hành ghi nhận doanh thu.

Căn cứ vào hóa đơn số 320, kí hiệu C25MKN ngày 18/06/2025 để đối chiếu với số liệu do phần mềm tự động điền.

The screenshot displays the 'Chứng từ bán hàng' (Sales Invoice) form in the Easybooks software. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung** (General Information): Includes fields for 'Đối tượng' (KLOOK TRAVEL), 'Địa chỉ' (22/F, Kinwick Centre, 32 Hollywood Road, Central, Hong Kong), 'Mã số thuế' (Tax Code), 'Người liên hệ' (Contact Person), 'Địa điểm giao' (Delivery Point), 'Diễn giải' (Description: 'Cung cấp DV massage body cùng tỉnh đầu 90 phút'), and 'Nhân viên' (Employee).
- Chứng từ** (Invoice Details): Includes 'Số chứng từ' (BH10693), 'Ngày chứng từ' (18/06/2025), 'Ngày hạch toán' (18/06/2025), 'Loại tiền' (VND), and 'Tỷ giá' (1,00).
- Hàng tiền** (Items): A table with columns: Mã hàng, Tên hàng, Là hàng KM, TK Nợ, TK Có, DT hạch toán, Đơn vị tính. The first row is: MASSAGE BO..., Dịch vụ massage body cùng tỉnh đầu 90 phút, [checkbox], 131, 5113, KLOOK TRAVEL, Lăn.
- Tổng tiền** (Totals): A section at the bottom showing 'Tổng tiền hàng' (890.909), 'Tổng thuế GTGT' (89.091), 'Tổng tiền CK' (0), and 'Tổng tiền TT' (980.000).

Hình ảnh 2.5. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT ngày 18/06/2025

Sau khi nhập xong đầy đủ thông tin, kế toán nhân lưu các số liệu sẽ được phần mềm cập nhật tự động lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết 5113.

Nghiệp vụ 2 – Bán hàng và cung cấp dịch vụ: Ngày 29/06/2025, Công ty TNHH TMDV cung cấp dịch vụ Chăm sóc toàn thân cùng tinh dầu – 60 phút, kèm theo hoạt động bán hàng nước suối cho Khách lẻ. Thông tin được thể hiện trên các chứng từ:

❖ Hóa đơn tạm tính:

GOLDEN LOTUS SPA
63 Hà Bông, An Hải, Sơn Trà, Đà Nẵng

HÓA ĐƠN TẠM TÍNH

Khách hàng:

Ngày: 29/06/2025

Nhân viên:

Số phòng: 05

Đơn giá	SL	Thành tiền
Chăm sóc toàn thân cùng tinh dầu - 60 phút		
390.000	1,0	390.000
Nước suối		
15.000	1,0	15.000
Tổng tiền:		405.000
Giảm giá:		0
Tổng thanh toán:		405.000

Được quét bằng CamScanner
hien hie tai quay lo tan
cám ơn quý khách

Hình ảnh 2.6. Hóa đơn tạm tính ngày 29/06/2025

❖ Hóa đơn giá trị gia tăng:



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25MKN
Số: 466

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 06 năm 2025

MCCQT: M1-25-W9FHQ-00000000466

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
Mã số thuế: 0401910285
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ: 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0236 6554 211
Số tài khoản:

Tên người mua: Người mua không lấy hóa đơn
Họ tên người mua hàng: Người mua không lấy hóa đơn
Mã số thuế:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Căn cước công dân:
Hình thức thanh toán: TM/CK
Đơn vị tiền tệ:
Số bảng kê:

Tỷ giá:
Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Chăm sóc toàn thân cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil body Care 60 min)	Lần	1	361.111	0	8%	361.111
2	Hàng hóa, dịch vụ		Nước suối	Chai	1	13.889	0	8%	13.889

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	375.000	30.000

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	375.000
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	30.000
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	405.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Bốn trăm linh năm nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình ảnh 2.7. Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/06/2025

Quy trình luân chuyển chứng từ đối với hoạt động cung cấp dịch vụ tại Công ty Khỏe Nhất nhìn chung được thực hiện thống nhất, đồng bộ giữa bộ phận thu ngân và kế toán. Khi khách hàng lựa chọn gói dịch vụ, thu ngân lập Hóa đơn tạm tính và chuyển một liên cho kỹ thuật viên để làm căn cứ thực hiện dịch vụ. Đối với trường hợp khách phát sinh nhu cầu mua thêm hàng hóa như nước uống, thu ngân ghi nhận ngay mặt hàng này trên Hóa đơn tạm tính nhằm đảm bảo theo dõi đầy đủ doanh thu phát sinh trong ca làm việc. Cuối ngày, toàn bộ hóa đơn bán nước suối được tổng hợp và chuyển cho kế toán để thực hiện xuất kho hàng hóa theo đúng số lượng đã tiêu thụ, dựa trên Hóa đơn bán hàng và báo cáo bán hàng từ bộ phận thu ngân tính.

❖ Quy trình ghi sổ:

Bước 1: Kế toán truy cập vào phần mềm kế toán Easybooks và tiến hành đồng bộ hóa đơn GTGT được khởi tạo từ máy tính tiền về phần mềm để ghi nhận doanh thu. Kế toán thực hiện theo thao tác (xem ở Phụ lục 1):

- Truy cập vào phần mềm → Vào phân hệ : “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” → Lịch sử đồng bộ → Tiến hành đồng bộ hóa đơn về phần mềm.

Bước 2. Sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán nhấn lưu, phần mềm sẽ tự cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, sổ chi tiết 5113, sổ chi tiết 5111.

The screenshot shows the 'Chứng từ bán hàng' (Sales Invoice) form in the Easybooks software. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung:** Fields for customer name (KHACH LE), address, tax code, and service details (Cung cấp DV chăm sóc toàn thân cùng tinh dầu 60 phút, nước suối).
- Chứng từ:** Fields for invoice number (8H4418), date (29/06/2025), and currency (VND).
- Hàng hóa:** A table listing items with columns for item code, name, unit, and amounts.
- Tổng cộng:** Summary totals for VAT, VAT on VAT, and total amounts.

Mã hàng	Tên hàng	Là hàng KM	TK Nợ	TK Có	ĐT hạch toán	Đơn vị tính
CHAM SOC D...	Chăm sóc toàn thân cùng tinh dầu 60 phút (...)		131	5113	KHACH LE	Lần
DASANI	Nước suối		131	5111	KHACH LE	Chai
Thêm dòng mới...						
Số dòng : 2						

Tổng tiền hàng	Tổng thuế GTGT	Tổng tiền CK	Tổng tiền TT
375.000	30.000	0	405.000

Hình ảnh 2.8. Giao diện hạch toán Hóa đơn GTGT ngày 29/06/2025

2.4.5. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

❖ Nội dung

Tại thời điểm ghi nhận doanh thu, Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất đã xác định và tách riêng được phần thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động cung cấp dịch vụ. Do đó, kế toán thực hiện ghi nhận ngay thuế GTGT đầu ra vào bên Có TK 3331 đồng thời với thời điểm ghi nhận doanh thu phát sinh.

Tuy nhiên, trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty có bao gồm doanh thu từ hoạt động massage thư giãn – hoạt động thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại khoản 2 điều 2 luật số 27/2008/QH12. Đối với khoản thuế này, tại thời điểm phát sinh doanh thu, công ty chưa thể xác định ngay chính xác phần doanh thu chịu thuế TTĐB do cần thực hiện tổng hợp, rà soát và phân loại các nghiệp vụ liên quan trong kỳ. Vì vậy, kế toán tạm thời ghi nhận toàn bộ doanh thu phát sinh bao gồm thuế TTĐB vào bên Có TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đến cuối tháng, kế toán tiến hành trích xuất bảng chi tiết doanh thu, lọc riêng các nghiệp vụ phát sinh từ hoạt động massage để xác định doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Trên cơ sở đó, kế toán tính toán số thuế TTĐB phải nộp trong kỳ theo quy định hiện hành và thực hiện bút toán ghi nhận thuế TTĐB phải nộp vào bên Có TK 3332.

Đối với khoản thuế này, kế toán thực hiện tính thuế TTĐB với mức thuế suất là 30% được quy định tại luật thuế TTĐB – điều 7 luật số 27/2008/QH12 áp dụng từ 01/04/2009. Theo công thức:

Thuế TTĐB phải nộp	=	Giá tính thuế TTĐB	x	Thuế suất TTĐB	-	Thuế TTĐB được khấu trừ
Giá tính thuế TTĐB	=	$\frac{\text{Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)}}{1 + \text{Thuế suất TTĐB}}$				

❖ Quy trình tính thuế TTĐB

Tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất, việc xác định và kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật thuế và nguyên tắc kế toán hiện hành.

Bước 1. Cuối tháng, kế toán tiến hành trích xuất từ phần mềm ra bảng kê chi tiết bán hàng đối với hoạt động cung cấp dịch vụ massage trong tháng.

Bước 2. Kế toán thực hiện tính toán thuế TTĐB trực tiếp trên tệp Excel bảng kê chi tiết bán hàng đối với hoạt động massage vừa xuất.

Bước 3. Sau khi hoàn tất bước tính toán, kế toán tiến hành lập tờ khai thuế TTĐB trên phần mềm HTKK. Tại đây, chỉ tiêu “Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)” trên tờ khai được nhập liệu dựa trên số liệu trên phần mềm.

Bước 4. Khi đã lập xong tờ khai, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu giữa bảng tính Excel và tờ khai trên HTKK nhằm đảm bảo tính chính xác và đồng nhất của số lượng tiêu thụ trong kỳ, doanh thu bán (chưa gồm thuế GTGT), giá tính thuế TTĐB, thuế suất, thuế TTĐB phải nộp.

Bước 5. Cuối cùng, khi đã xác nhận số liệu chính xác, kế toán tiến hành kết xuất tờ khai dưới dạng file XML và thực hiện nộp tờ khai thuế TTĐB đến cơ quan thuế theo quy định.

CÔNG TY TNHH TMDV KHOÉ NHẤT
209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401910285

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tháng 6 năm 2025

Ngày hạch toán	Số chứng từ	Mã khách	Tên khách hàng	Mã hàng	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Giá bán	Doanh thu	Thuế	Phải thu
01/06/2025	BH3975	KHACH LE	Khách hàng không lấy hóa đơn	MASSAGE CHAN DAU VAI CO 90P	Dịch vụ massage chân, đầu, vai, cổ 90 phút (Golden Lotus Foot + Neck & Shoulder Massage 90 min)	Lần	1,00	409.091,00	409.091,00	40.909	450.000
01/06/2025	BH3987	KHACH LE	Khách hàng không lấy hóa đơn	MASSAGE BODY - TINH DAU 90P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	Lần	2,00	445.455,00	890.909,00	89.091	980.000
02/06/2025	BH3998	KHACH LE	Khách hàng không lấy hóa đơn	MASSAGE CHAN 60P	Dịch vụ massage chân 60 phút (Golden Lotus Foot Massage 60 min)	Lần	2,00	318.182,00	636.364,00	63.636	700.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/06/2025	BH4041	KHACH LE	Khách hàng không lấy hóa đơn	MASSAGE BODY - TINH DAU 60P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	Lần	4,00	354.545,00	1.418.182,00	141.818	1.560.000
08/06/2025	BH4119	KHACH LE	Khách hàng không lấy hóa đơn	MASSAGE BODY - TINH DAU 90P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	Lần	2,00	445.455,00	890.909,00	89.091	980.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/06/2025	BH4045	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE CHAN 60P	Dịch vụ massage chân 60 phút (Golden Lotus Foot Massage 60 min)	Lần	2,00	318.182,00	636.364,00	63.636	700.000
04/06/2025	BH4053	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY - TINH DAU 60P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	Lần	5,00	354.545,00	1.772.727,00	177.273	1.950.000
05/06/2025	BH4070	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY - TINH DAU 60P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	Lần	2,00	354.545,00	709.091,00	70.909	780.000
05/06/2025	BH4318	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY TRUYEN THONG 60P	Dịch vụ massage body truyền thống 60 phút (Golden Lotus Massage 60 min)	Lần	3,00	354.545,00	1.063.636,00	106.364	1.170.000
10/06/2025	BH4159	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE CHAN 60P	Dịch vụ massage chân 60 phút (Golden Lotus Foot Massage 60 min)	Lần	2,00	318.182,00	636.364,00	63.636	700.000
11/06/2025	BH4326	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE CHAN DAU VAI CO 90P	Dịch vụ massage chân, đầu, vai, cổ 90 phút (Golden Lotus Foot + Neck & Shoulder Massage 90 min)	Lần	1,00	409.091,00	409.091,00	40.909	450.000
11/06/2025	BH4329	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE CHAN DAU VAI CO 90P	Dịch vụ massage chân, đầu, vai, cổ 90 phút (Golden Lotus Foot + Neck & Shoulder Massage 90 min)	Lần	2,00	409.091,00	818.182,00	81.818	900.000
13/06/2025	BH4189	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY - TINH DAU 60P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	Lần	2,00	354.545,00	709.091,00	70.909	780.000
17/06/2025	BH4343	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY - TINH DAU 90P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	Lần	8,00	445.455,00	3.563.636,00	356.364	3.920.000
17/06/2025	BH4343	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY TRUYEN THONG 90P	Dịch vụ massage body truyền thống 90 phút (Golden Lotus Massage 90 min)	Lần	2,00	445.455,00	890.909,00	89.091	980.000
18/06/2025	BH10691	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY - TINH DAU 90P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	Lần	2,00	445.455,00	890.909,00	89.091	980.000
23/06/2025	BH4438	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE CHAN 60P	Dịch vụ massage chân 60 phút (Golden Lotus Foot Massage 60 min)	Lần	2,00	318.182,00	636.364,00	63.636	700.000
23/06/2025	BH4439	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY - TINH DAU 90P	Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	Lần	2,00	445.455,00	890.909,00	89.091	980.000
27/06/2025	BH4377	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE BODY TRUYEN THONG 90P	Dịch vụ massage body truyền thống 90 phút (Golden Lotus Massage 90 min)	Lần	2,00	445.455,00	890.909,00	89.091	980.000
30/06/2025	BH4419	KLOOK TRAVEL	KLOOK TRAVEL TECHNOLOGY LIMITED	MASSAGE CHAN DAU VAI CO 90P	Dịch vụ massage chân, đầu, vai, cổ 90 phút (Golden Lotus Foot + Neck & Shoulder Massage 90 min)	Lần	2,00	409.091,00	818.182,00	81.818	900.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng							107,00		40.245.453,00	4.024.547	44.270.000

Doanh thu	40.245.453,00
Giá tính thuế	30.958.040,8
Thuế suất	30%
Thuế TTĐB	9.287.412

Hình ảnh 2.9. Bảng kê chi tiết bán hàng – massage tháng 06/2025

❖ Quy trình ghi sổ.

Bước 1. Kế toán căn cứ vào tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt để tiến hành hạch toán tiền thuế TTĐB phải nộp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT
(trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025
 [02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 01/TTĐB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT
 [05] Mã số thuế: 0401910285
 [06] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [07] Mã số thuế:
 [08] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:
 [09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:
 [10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
 [11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:
 [11a] Xã/phường/đặc khu: [11b] Quận/Huyện: [11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Thuế TTĐB phải nộp	Bù trừ với thuế TTĐB chưa được khấu trừ của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (nếu có)	Thuế TTĐB còn phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (6) x (7) - (8)	(10)	(11) = (9) - (10)
I	Hàng hoá chịu thuế TTĐB			0	0		0	0	0	0
1	Hàng hóa sản xuất trong nước			0	0	0	0	0	0	0
2	Hàng hóa nhập khẩu bán ra trong nước			0	0	0	0	0	0	0
II	Dịch vụ chịu thuế TTĐB			40.245.453	30.958.041		0	9.287.412	0	9.287.412
1	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê		107,000000	40.245.453	30.958.041	30,0	0	9.287.412	0	9.287.412
III	Hàng hoá thuộc trường hợp không phải chịu thuế TTĐB			0						
1	Hàng hoá xuất khẩu			0	0	0	0	0	0	0
2	Hàng hoá bán để xuất khẩu			0	0	0	0	0	0	0
3	Hàng hoá gia công để xuất khẩu			0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng: (I+II+III)			40.245.453	30.958.041		0	9.287.412	0	9.287.412

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)

Hình ảnh 2.10. Tờ khai thuế TTĐB tháng 06/2025

Bước 1. Vào phân hệ “ Tổng hợp” → Nhấn chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”
→ Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 4).

Bước 2. Tiến hành hạch toán thuế TTĐB phải nộp → Sau khi nhập đầy đủ thông tin, kế toán nhấn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ cái 511, sổ chi tiết 5113.

Thông tin chung

Diễn giải: Thuế TTĐB phải nộp tháng 06/2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK035
 Ngày chứng từ: 30/06/2025
 Ngày hạch toán: 30/06/2025
 Loại tiền: VND
 Tỷ giá: 1,00

Hàng tiền | THUẾ | THỐNG KÊ | CHỨNG TỬ THAM CHIẾU

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý
Thuế TTĐB phải nộp tháng 06/2025	5113	3332	9.287.412					☐
Thêm dòng mới...								
Số dòng: 1			9.287.412					

☐ Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT: 9.287.412

Hình ảnh 2.11. Giao diện hạch toán thuế TTĐB tháng 06/2025

❖ **Sổ chi tiết 5111, 5113****CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT**209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận
Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S19-DNN(Ban hành theo thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Năm 2025****Tài khoản: 5111 – Doanh thu bán hàng hóa**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
21/04/2025		21/04/2025	Bán nước ngọt Fanta	131		27.778
...	...	...	...	...	...	...
26/05/2025		26/05/2025	Bán nước suối	131		41.667
...	...	...	...	...	...	...
29/06/2025		29/06/2025	Bán nước suối	131		13.889
...	...	...	...	...	...	...
15/08/2025		15/08/2025	Bán nước ngọt Fanta	131		18.519
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	120.884.312	
			Cộng phát sinh trong kỳ		120.884.312	120.884.312
			Số dư cuối kỳ			

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải
Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S19-DNN(Ban hành theo thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Năm 2025****Tài khoản: 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025		31/01/2025	Thuế TTĐB phải nộp tháng 01/2025	3332	3.306.295	
...	...	...	...	...	...	...
18/06/2025		18/06/2025	Cung cấp DV massage body cùng tinh dầu 90 phút	131		890.909
...	...	...	...	...	...	...
29/06/2025		29/06/2025	Cung cấp DV chăm sóc toàn thân cùng tinh dầu 60 phút	131		361.111
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Thuế TTĐB phải nộp tháng 06/2025	332	9.287.412	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	911	2.989.909.775	
			Cộng phát sinh trong kỳ		3.062.600.410	3.062.600.410
			Số dư cuối kỳ			

❖ **Sổ Nhật ký chung:**
CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà
 Nẵng
 Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo thông tư số
 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
01/01/2025		01/01/2025	Lệ phí môn bài năm 2025			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	2.000.000	
			Các loại thuế khác	33382		2.000.000
02/06/2025		02/06/2025	Điện tiêu thụ tháng 05/2025			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	39.505.944	
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	3.160.480	
			Phải trả người bán	331		42.666.474
08/06/2025		08/06/2025	Mua DV quảng cáo trên Google Ads tháng 06/2025			
			Chi phí bán hàng	6421	7.272.727	
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	727.273	
			Phải trả người bán	331		8.000.000
...	...	...	...	...	...	...
18/06/2025		18/06/2025	Cung cấp dịch vụ			
			Phải thu khách hàng	131	980.000	
			Doanh thu cung cấp DV	5113		890.909
			Thuế GTGT phải nộp	3331		89.091
...	...	...	...	...	...	...
25/06/2025		25/06/2025	Trả lãi vay ngân hàng tháng 06/2025			
			Chi phí tài chính	635	6.515.739	
			Phải trả người bán	331		6.515.739
...	...	...	...	...	...	...
29/06/2025		29/06/2025	Bán hàng hóa			
			Phải thu khách hàng	131	15.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		13.889
			Thuế GTGT phải nộp	3331		1.111
29/06/2025		29/06/2025	Cung cấp dịch vụ			
			Phải thu khách hàng	131	390.000	
			Doanh thu cung cấp DV	5113		361.111
			Thuế GTGT phải nộp nhà nước	3331		28.889
29/06/2025		29/06/2025	Xuất kho nước suối			
			Giá vốn hàng bán	632	45.936	
			Hàng hóa	156		45.936
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Thuế TTĐB phải nộp tháng 06/2025			

			Doanh thu cung cấp DV	5113	9.287.412	
			Thuế tiêu thụ đặc biệt	3332		9.287.412
30/06/2025		30/06/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐKD tháng 06/2025			
			Chi phí NVL trực tiếp	1541	9.794.391	
			Nguyên liệu, vật liệu	152		9.794.391
30/06/2025		30/06/2025	Lương phải trả người lao động tháng 06/2025			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	77.935.370	
			Phải trả người lao động	334		77.935.370
			Chi phí nhân công trực tiếp	1542	269.934.550	
			Phải trả người lao động	334		269.934.550
30/06/2025		30/06/2025	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí DN tháng 06/2025			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	6.270.110	
			Bảo hiểm xã hội	3383		6.270.110
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.106.490	
			Bảo hiểm y tế	3384		1.106.490
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	368.830	
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		368.830
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	184.415	
			Bảo hiểm TNLĐ – BNN	3383		184.415
			Chi phí nhân công trực tiếp	1542	12.843.500	
			Bảo hiểm xã hội	3383		12.843.500
			Chi phí nhân công trực tiếp	1542	2.266.500	
			Bảo hiểm y tế	3384		2.266.500
			Chi phí nhân công trực tiếp	1542	755.500	
			Bảo hiểm thất nghiệp	3385		755.500
			Chi phí nhân công trực tiếp	1542	377.750	
			Bảo hiểm TNLĐ – BNN	3383		377.750
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ CCDC tháng 06/2025			
			Chi phí bán hàng	6421	5.911.866	
			Chi phí trả trước	242		5.911.866
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	2.570.986	
			Chi phí trả trước	242		2.570.986
			Chi phí sản xuất chung	1543	2.008.951	
			Chi phí trả trước	242		2.008.951
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ chi phí trả trước			
			Chi phí bán hàng	6421	500.000	
			Chi phí trả trước	242		500.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.194.444	
			Chi phí trả trước	242		1.194.444
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 06/2025(TK154→TK632)			
			Giá vốn hàng bán	632	9.794.391	
			Chi phí NVL trực tiếp	1541		9.794.391

			Giá vốn hàng bán	632	286.177.800	
			Chi phí nhân công trực tiếp	1542		286.177.800
			Giá vốn hàng bán	632	2.008.951	
			Chi phí sản xuất chung	1543		2.008.951
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Tiền hoa hồng cho MyRealTrip tháng 06/2025			
			Chi phí bán hàng	6421	2.030.000	
			Phải thu khách hàng	131		2.030.000
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Khấu hao TSCĐ tháng 06/2025			
			Chi phí bán hàng	6421	10.476.506	
			Hao mòn tài sản cố định	214		10.476.506
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	6.284.044	
			Hao mòn tài sản cố định	214		6.284.044
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Thuế nhà thầu phải nộp tháng 06/2025			
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	1.049.528	
			Các loại thuế khác	33382		1.049.528
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	997.052	
			Các loại thuế khác	33382		997.052
25/07/2025		25/07/2025	Lãi nhập vốn tháng 07/2025			
			Tiền gửi ngân hàng	11215	148	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		148
...	...	...	...	...	...	...
30/07/2025		30/07/2025	Thu tiền cung cấp dịch vụ massage cho MyRealTrip tháng 06/2025			
			Tiền gửi ngân hàng	11215	8.120.000	
			Phải thu khách hàng	131		8.120.000
30/07/2025		30/07/2025	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái tháng 07/2025			
			Tiền gửi ngân hàng	11215	456.000	
			Doanh thu tài chính	515		456.000
...	...	...	...	...	...	...
20/11/2025		20/11/2025	Thanh toán tiền nộp chậm thuế TNDN			
			Chi phí khác	811	5.671	
			Tiền gửi ngân hàng	11215		5.671
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.833.598.563	
			Giá vốn hàng bán	632		1.833.598.563
			Xác định kết quả kinh doanh	911	79.144.248	
			Chi phí tài chính	635		79.144.248
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.013.813.053	
			Chi phí bán hàng	6421		1.013.813.053
			Xác định kết quả kinh doanh	911	2.272.548.525	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		2.272.548.525
			Xác định kết quả kinh doanh	911	5.671	

			Chi phí khác	811		5.671
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	120.884.312	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		120.884.312
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	2.989.909.775	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		2.989.909.775
			Doanh thu tài chính	515	941.750	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		941.750
			Kết chuyển lỗ	4212	2.087.374.223	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		2.087.374.233
			Cộng phát sinh trong kỳ		42.400.263.399	42.400.263.399
			Số dư cuối kỳ			

❖ **SỔ CÁI 511**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải
Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI
Năm 2025
Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025		31/01/2025	Thuế TTĐB phải nộp tháng 01/2025	3332	3.306.295	
...	...	...	...	...	...	...
18/06/2025		18/06/2025	Cung cấp DV massage body cùng tinh dầu 90 phút	131		890.909
...	...	...	...	...	...	...
29/06/2025		29/06/2025	Cung cấp DV chăm sóc toàn thân cùng tinh dầu 60 phút	131		361.111
29/06/2025		29/06/2025	Bán nước suối	131		13.889
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Thuế TTĐB phải nộp tháng 06/2025	332	9.287.412	
...	...	...	...	...	...	...
15/08/2025		15/08/2025	Cung cấp Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút	131		854.900
...	...	...	...	...	...	...
31/08/2025		31/08/2025	Thuế TT ĐB phải nộp tháng 08/2025	3332	12.157.342	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa năm 2025	911	120.884.312	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2025	911	2.989.909.775	
			Cộng phát sinh trong kỳ		3.183.484.722	3.183.484.722
			Số dư cuối kỳ			

2.5. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong năm 2025, công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất không phát sinh nghiệp vụ giảm trừ doanh thu.

2.6. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.6.1. Đặc điểm.

Giá vốn hàng hóa: Đối với hoạt động bán hàng hóa, Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất cung cấp một số mặt hàng nước giải khát như nước suối, coca và các loại đồ uống khác nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ. Giá vốn của các mặt hàng này được công ty xác định theo phương pháp tính giá xuất kho bình quân cuối kỳ.

Giá vốn dịch vụ gồm các khoản chi phí trực tiếp và chi phí liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm các loại tinh dầu, dầu massage, đá nóng và các vật dụng Spa khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động massage và thư giãn. Các nguyên vật liệu này được kế toán theo dõi nhập – xuất kho và tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ. Cuối tháng, kế toán thực hiện xuất kho nguyên vật liệu sử dụng trong kỳ và ghi nhận vào bên Nợ tài khoản 1541 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Chi phí nhân công trực tiếp là tiền lương phải trả cho kỹ thuật viên massage và nhân viên trị liệu trực tiếp thực hiện dịch vụ cho khách hàng. Chi phí này được xác định dựa trên ca làm việc và số lượng khách sử dụng dịch vụ trong kỳ. Đồng thời, các khoản trích theo lương của bộ phận trực tiếp cung cấp dịch vụ cũng được tập hợp vào chi phí nhân công trực tiếp. Toàn bộ khoản chi phí này được kế toán ghi nhận vào bên Nợ tài khoản 1542 – Chi phí nhân công trực tiếp.

- Chi phí sản xuất chung bao gồm các khoản chi phí phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ như chi phí phân bổ công cụ dụng cụ và các khoản chi phí chung khác phát sinh tại bộ phận dịch vụ. Các khoản chi phí này được thực hiện phân bổ định kỳ theo quy định kế toán nhằm đảm bảo phản ánh hợp lý chi phí phát sinh trong kỳ. Kế toán ghi nhận toàn bộ khoản chi phí này vào bên Nợ tài khoản 1543

Các chi phí cấu thành giá vốn được tập hợp hạch toán vào tài khoản 1541 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, tài khoản 1542 – Chi phí nhân công trực tiếp, tài khoản 1543 – Chi phí sản xuất chung. Cuối kỳ, kế toán sẽ kết chuyển qua 632 – Giá vốn hàng bán. Khi xác định kết quả hoạt động kinh doanh kế toán sẽ kết chuyển tài khoản 632, sau đó kết chuyển tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2.2. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

2.2.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Bảng tính phân bổ CCDC
- Bảng tính lương nhân viên

❖ Sổ sách sử dụng.

- Sổ cái tài khoản 632
- Sổ chi tiết tài khoản 632

2.2.4. Quy trình ghi sổ.

Quy trình luân chuyển chứng từ :

❖ **Giá vốn hàng bán:** Hằng ngày, sau khi hoàn thành việc nhập các chứng từ bán hàng phát sinh trong ngày, kế toán tiến hành xuất bảng kê chi tiết bán hàng đối với các mặt hàng hàng hóa như nước suối, coca và các loại nước giải khát khác. Căn cứ vào số lượng hàng hóa thực tế đã bán được thể hiện trên bảng kê chi tiết bán hàng, kế toán thực hiện lập phiếu xuất kho hàng hóa nhằm ghi nhận số lượng hàng hóa đã xuất bán trong ngày.

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401910285

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÁN HÀNG

29/06/2025

Ngày hạch toán	Số chứng từ	Mã khách	Tên khách hàng	Mã hàng	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Giá bán	Doanh thu	Thuế	Chiết khấu	Giảm giá	Trả lại	Phải thu	Tiền vốn
29/06/2025	BH4410	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4416	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4409	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4417	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	2,00	13.889,00	27.778,00	2.222				30.000	
29/06/2025	BH4418	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4407	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4408	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4413	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4411	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4406	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4412	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
29/06/2025	BH4415	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	2,00	13.889,00	27.778,00	2.222				30.000	
29/06/2025	BH4414	KHACH LE	Người mua không lấy hóa đơn	DASANI	Nước suối	Chai	1,00	13.889,00	13.889,00	1.111				15.000	
	Tổng cộng						15,00		208.335,00	16.665				225.000	

Hình ảnh 2.12. Bảng kê chi tiết bán hàng hóa ngày 29/06/2025

Bước 1. Kế toán chọn phân hệ “Kho” → Nhấn chọn “Xuất kho” → Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 2).

Bước 2. Kế toán tiến hành nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 632, sổ chi tiết tài khoản 632.

Xuất kho

Thông tin chung

Đối tượng: KHÁCH LE + - Người mua không lấy hóa đơn

Địa chỉ: _____

Người nhận: _____ Nhân viên thực hiện: _____ + -

Lý do xuất: _____ Xuất kho cho Người mua không lấy hóa đơn

Kèm theo: _____

Chứng từ

Số chứng từ: XK169

Ngày chứng từ: 29/06/2025

Ngày hạch toán: 29/06/2025

Hàng tiền | **THỐNG KÊ** | **CHỨNG TỬ THAM CHIẾU**

Lập từ: _____ Tham chiếu: _____

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Ng	TK Cg	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
DASANI + -	Đồ uống DASANI 510ml 24 F	KHOANGHOA + -	632	156	Chai	15,00	3.062,41	45.936
Sổ dòng : 1								
							15,00	45.936

Tổng giá trị: 45.936

Hình ảnh 2.13. Giao diện hạch toán xuất kho nước uống ngày 29/06/2025

CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT
 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
 Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số 02 - VT
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 06 năm 2025
 Số: XK169

Ng: 632
 Cg: 156

- Họ tên người nhận hàng: Người mua không lấy hóa đơn
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất kho cho Người mua không lấy hóa đơn
- Xuất tại kho (ngăn lộ): KHOANGHOA

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đồ uống DASANI 510ml 24 PET CARTON	DASANI	Chai	15,00		3.062,41	45.936
	Cộng			15,00			45.936

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bốn mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng.**

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
 Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình ảnh 2.14. Phiếu xuất kho nước uống ngày 29/06/2025

❖ **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** Do lượng tinh dầu và dầu massage sử dụng cho mỗi khách hàng là khác nhau, phụ thuộc vào loại dịch vụ, thời gian thực hiện và nhu cầu thực tế của khách hàng nên không thể xây dựng định mức xuất kho cụ thể cho từng dịch vụ cung cấp. Vì vậy, để đơn giản hóa quy trình hạch toán, vào cuối mỗi tháng kế toán tiến hành xuất kho toàn bộ lượng tinh dầu và dầu massage phát sinh trong kho để ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Bước 1. Kế toán chọn phân hệ “Kho” → Nhấn chọn “Xuất kho” → Chọn “Thêm”(xem ở Phụ lục 2).

Bước 2. Kế toán tiến hành nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 154, sổ chi tiết tài khoản 1541.

Hình ảnh 2.15. Giao diện hạch toán xuất kho tinh dầu tháng 06/2025

CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẬT
209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 30 tháng 06 năm 2025
Số: XK234

Nợ: 1541
Có: 152

- Họ tên người nhận hàng:
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất kho tinh dầu phục vụ HĐKD tháng 06/2025
- Xuất tại kho (ngăn lỗ): KHONGUYENVATLIEU Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu ô-liu Pomace nhãn hiệu OLIVOILÀ 5L	DAU O LIU	Lít	30,00		146.653,43	4.399.603
2	Tinh Dầu Hương Thảo	TINH DAU HUONG THAO	Lít	0,50		1.232.000,00	616.000
3	Tinh Dầu Ngọc Lan Tây	TINH DAU NGOC LAN TAY	Lít	0,50		1.341.818,18	670.909
4	Tinh Dầu Oải Hương	TINH DAU OAI HUONG	Lít	0,50		1.680.000,00	840.000
5	Tinh Dầu Sả Chanh	TINH DAU SA CHANH	Lít	4,00		816.969,67	3.267.879
Cộng							9.794.391

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi mốt đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Hình ảnh 2.16. Phiếu xuất kho tinh dầu tháng 06/2025

Cuối tháng, sau khi thực hiện xuất kho hàng hóa và nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh, kế toán tiến hành xác định giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ (xem Phụ lục 3).

BẢNG TÍNH - THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 06 năm 2025

Ngày công chuẩn:										Đơn vị tính: Tỷ VNĐ/Đang													
STT	Họ và tên	Lương chính	Ngày công	Lương ngày công	Thưởng năng suất	Thưởng chuyên cần	Ấn trả	Điện thoại	Xăng xe (Đi lại)	Cư khoản hỗ trợ	Tiền nhà ở	Phụ cấp khác	Tổng thu nhập	Lương đồng BH	Trích vào Chi phí Doanh nghiệp				Trích vào Lương nhân viên				Thuyết minh
		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(26)

Kế toán căn cứ vào bảng chấm công và các điều khoản trong hợp đồng lao động để tính lương cho các nhân viên trong công ty.

Bước 1. Kế toán vào phân hệ “Tổng hợp” → Nhấn chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác” → Nhấn chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 4).

Bước 2. Kế toán tiến hành nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 154, sổ chi tiết tài khoản 1542.

Thông tin chung

Diễn giải: Lương phải trả người lao động tháng 06/2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK030

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Ngày hạch toán: 30/06/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Hàng tiền | THUẾ | THÔNG KẾ | CHỨNG TỬ THAM CHIẾU

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý
Bộ phận văn phòng	6422	334	77.935.370		+	+		
Bộ phận sản xuất	1542	334	269.934.550		+	+		
Số dòng : 2			347.869.920					

Hình ảnh 2.18. Giao diện hạch toán lương nhân viên tháng 06/2025

Thông tin chung

Diễn giải: Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 06/2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK028

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Ngày hạch toán: 30/06/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Hàng tiền | THUẾ | THÔNG KẾ | CHỨNG TỬ THAM CHIẾU

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý
BHXH cho bộ phận văn phòng	6422	3383	6.270.110		+	+		
BHYT cho bộ phận văn phòng	6422	3384	1.106.490		+	+		
BHTN cho bộ phận văn phòng	6422	3385	368.830		+	+		
BHTNLĐ cho bộ phận văn phòng	6422	3383	184.415		+	+		
BHXH cho bộ phận sản xuất	1542	3383	12.843.500		+	+		
BHYT cho bộ phận sản xuất	1542	3384	2.266.500		+	+		
BHTN cho bộ phận sản xuất	1542	3385	755.500		+	+		
BHTNLĐ cho bộ phận sản xuất	1542	3383	377.750		+	+		
Số dòng : 8			24.173.095					

Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT: 24.173.095

Hình ảnh 2.19. Giao diện hạch toán các khoản trích theo lương tháng 06/2025

BẢNG TÍNH PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ
Tháng 6 năm 2025

Mã CDC	Tên CDC	ĐVT	Số lượng còn lại	Số kỳ phân bổ	Số kỳ phân bổ còn lại	Giá trị CCDC	Đổi tương phân bổ	Phân bổ trong kỳ			Lũy kế đã PB	Giá trị còn lại	TK chờ phân bổ
								TK chi phí	Số tiền				
BAN QUYỀN CHƯƠNG TRÌNH	Bản quyền chương trình Chung từ khẩu từ thuế TNCN	Gói	1,00	12	5	600.000	BPQL	6422	50.000		350.000	250.000	242
BAO HIỂM XE ÔTÔ	Bảo hiểm bắt buộc TND&S của chủ xe ô tô.Bảo hiểm vật chất xe ô tô	Gói	1,00	12	5	21.881.273	BPQL	6421	1.823.439		12.764.073	9.117.200	242
BOR&OON	Bồn bảo ôn và bộ chân	Cái	1,00	24	18	7.314.817	BPSX	1543	304.784		1.661.564	5.653.253	242
BONDUNG	Bồn đựng, chân bồn đựng	Cái	1,00	24	18	4.000.000	BPSX	1543	166.667		908.604	3.091.396	242
DIEN THOAI SAMSUNG	Samsung Galaxy Note 20	Cái	1,00	36	11	10.990.910	BPQL	6422	305.303		7.632.575	3.358.335	242
GACH LAT	Gạch lát 40*40	Hộp	50,00	36	15	4.166.668	BPQL	6422	115.741		2.430.560	1.736.108	242
GHE MANGO	Ghế Mango	Cái	21,00	24	19	15.750.000	BPQL	6422	656.250		2.718.750	13.031.250	242
GHE MANGO-M2	Ghế Mango	Cái	10,00	24	19	7.500.000	BPQL	6422	312.500		1.361.607	6.138.393	242
GHE THUGIAN LIFUMI	Ghế thư giãn LIFUMI	Cái	9,00	24	19	36.900.000	BPSX	1543	1.537.500		6.424.554	30.475.446	242
MAT GIAT SAMSUNG	Máy giặt Samsung WA23A8377GV	Cái	1,00	24	12	13.990.909	BPQL	6421	582.955		6.995.460	6.995.449	242
MAY GIAT SAMSUNG - M2	Máy giặt Samsung WA23A8377GV	Cái	1,00	24	12	13.990.909	BPQL	6421	276.136		3.313.641	3.313.641	242
MAY GIAT TOSHIBA AW	Máy giặt Toshiba AW-DUM1400LV(NK)	Cái	1,00	24	12	6.627.273	BPQL	6421	340.909		8.181.817	4.090.910	242
MAY LANH LG V18WIN	Máy lạnh LG Inverter 2 HP V18WIN	Cái	1,00	36	12	12.272.727	BPQL	6422	405.093		4.050.930	810.181	242
MAY LOC NUOC	Máy lọc nước đa chức năng	Cái	1,00	12	2	4.861.111	BPQL	6421	122.727		2.577.268	368.187	242
MAY MAI	Máy mài 100mm 9556HB	Cái	1,00	24	3	2.945.455	BPQL	6422					
MAY SAY	Máy sấy (DRYER) WHIRLPOOL Máy sấy Vent 15KG/ trắng(3LWED4815FW0)	Cái	1,00	24	12	14.990.909	BPQL	6421	624.621		7.495.452	7.495.457	242
MAY SAY - M2	Máy sấy (DRYER) WHIRLPOOL Máy sấy Vent 15KG/ trắng(3LWED4815FW0)	Cái	1,00	12	3	15.445.455	BPQL	6421	1.287.121		11.584.089	3.861.366	242
MAY TINH BANG - M1	Máy tinh bột Samsung	Cái	1,00	24	1	6.163.636	BPQL	6422	256.818		5.906.815	256.821	242
MAY TINH BANG - M2	Máy tinh bột Samsung SM	Cái	1,00	24	1	3.081.818	BPQL	6422	128.409		2.953.407	128.411	242
MAY TINH BANG - M3	Máy tinh bột Samsung SM	Cái	1,00	36	13	5.981.818	BPQL	6422	166.162		3.821.724	2.160.094	242
THEP HOP	Thép hộp mạ kẽm	Cái	239,00	36	15	4.182.022	BPQL	6422	116.167		2.439.507	1.742.515	242
TU LANH	Tủ lạnh Funaki FR 51CD	Cái	1,00	12	1	1.977.273	BPQL	6421	164.773		1.812.503	164.770	242
TU LANH - M2	Tủ lạnh Funaki FR 51CD	Cái	1,00	12	2	1.977.273	BPQL	6421	164.773		1.647.730	329.543	242
Tổng cộng			347,00			217.592.256			10.491.803		106.028.081	111.564.175	

Ngày.....tháng.....năm 20.....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Hình ảnh 2.20. Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ tháng 06/2025

Kế toán căn cứ vào bảng tính phân bổ CCDC để đối chiếu, kiểm tra với số liệu trên chứng từ phân bổ CCDC do phần mềm tính toán tự động.

Bước 1. Vào phân hệ “Công cụ dụng cụ” → Nhấn chọn “Phân bổ Công cụ dụng cụ” → Chọn “Thêm”.

Bước 2. Chọn tháng cần phân bổ → Nhấn chọn “Đồng ý”, phần mềm sẽ tự động tính toán và cập nhật số tiền cần phân bổ trong kỳ (Xem ở Phụ lục 5).

Bước 3. Nhấn “Luu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 154, sổ chi tiết tài khoản 1543.

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Phòng ban	BT tập hợp CP	Khoản mục CP	Mục thu/chi	Hợp đồng
Phân bổ BAN QUYEN CH...	6422	242	50.000	BPQL	+	+	+	
Phân bổ BAO HIEM XE O...	6421	242	1.823.439	BPQL	+	+	+	
Phân bổ BOBAON thán...	1543	242	304.784	BPSX	+	+	+	
Phân bổ BONDUNG thán...	1543	242	166.667	BPSX	+	+	+	
Phân bổ DIEN THOAI SA...	6422	242	305.303	BPQL	+	+	+	
Phân bổ GACH LAT thán...	6422	242	115.741	BPQL	+	+	+	
Phân bổ GHE MANGO th...	6422	242	656.250	BPQL	+	+	+	
Phân bổ GHE MANGO-M...	6422	242	312.500	BPQL	+	+	+	
Phân bổ GHETHUGIAN L...	1543	242	1.537.500	BPSX	+	+	+	
Phân bổ MAT GIAT SAM...	6421	242	582.955	BPQL	+	+	+	
Số đóng : 23			10.491.803					

Hình ảnh 2.21. Giao diện chứng từ phân bổ công cụ dụng cụ tháng 6/2025

Do đặc thù là kinh doanh dịch vụ, có số lượng dịch vụ cung cấp nhiều nên kế toán công ty tiến hành kết chuyển giá vốn định kỳ vào mỗi cuối tháng. Các chứng từ liên quan đến chi phí trực tiếp phục vụ dịch vụ như phiếu xuất kho tinh dầu, bảng chấm công và ca làm việc của kỹ thuật viên; bảng phân bổ công cụ dụng cụ thiết bị spa,... đều được thu thập thường xuyên. Kế toán bán hàng và kế toán chi phí căn cứ vào các chứng từ này để nhập liệu vào phần mềm EasyBooks theo các khoản mục chi phí tương ứng (TK 1541 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK 1542 – Chi phí nhân công trực tiếp, TK 1543 – Chi phí sản xuất chung). Đến cuối tháng, kế toán trưởng thực hiện kiểm tra và kết chuyển giá vốn dịch vụ, là căn cứ để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Quy trình kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (TK 154) sang giá vốn hàng bán (TK 632) (xem ở Phụ lục 6).

❖ Sổ cái tài khoản 154, Sổ chi tiết tài khoản 1541, sổ chi tiết tài khoản 1542, sổ chi tiết 1543 (xem ở Phụ lục 7).

❖ Sổ Nhật ký chung (xem ở trang 47)

❖ **Sổ chi tiết tài khoản 632:**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S38 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
07/01/2025		07/01/2025	Xuất kho hàng hóa	156	18.374	
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025		31/01/2025	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tháng 01/2025	1541	37.128.034	
31/01/2025		31/01/2025	Chi phí nhân công trực tiếp tháng 01/2025	1542	44.483.400	
31/01/2025		31/01/2025	Chi phí sản xuất chung tháng 01/2025	1543	212.913	
...	...	...	...	...	...	...
29/06/2025		29/06/2025	Xuất kho hàng hóa	156	45.936	
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tháng 06/2025	1541	9.794.391	
30/06/2025		30/06/2025	Chi phí nhân công trực tiếp tháng 06/2025	1542	286.177.800	
30/06/2025		30/06/2025	Chi phí sản xuất chung tháng 06/2025	1543	2.008.951	
...	...	...	...	...	...	...
01/08/2025		01/08/2025	Xuất kho hàng hóa	156	6.125	
...	...	...	...	...	...	...
31/08/2025		31/08/2025	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tháng 08/2025	1541	10.074.986	...
31/08/2025		31/08/2025	Chi phí nhân công trực tiếp tháng 08/2025	1542	297.374.767	
31/08/2025		31/08/2025	Chi phí sản xuất chung tháng 08/2025	1543	2.229.051	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2025	911		1.833.598.563
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.833.598.563	1.833.598.563
			Số dư cuối kỳ			

❖ **Sổ cái tài khoản 632:**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà

Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
07/01/2025		07/01/2025	Xuất kho hàng hóa	156	18.374	
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025		31/01/2025	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tháng 01/2025	1541	37.128.034	
31/01/2025		31/01/2025	Chi phí nhân công trực tiếp tháng 01/2025	1542	44.483.400	
31/01/2025		31/01/2025	Chi phí sản xuất chung tháng 01/2025	1543	212.913	
...	...	...	...	...	...	...
29/06/2025		29/06/2025	Xuất kho hàng hóa	156	45.936	
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tháng 06/2025	1541	9.794.391	
30/06/2025		30/06/2025	Chi phí nhân công trực tiếp tháng 06/2025	1542	286.177.800	
30/06/2025		30/06/2025	Chi phí sản xuất chung tháng 06/2025	1543	2.008.951	
...	...	...	...	...	...	...
01/08/2025		01/08/2025	Xuất kho hàng hóa	156	6.125	
...	...	...	...	...	...	...
31/08/2025		31/08/2025	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tháng 08/2025	1541	10.074.986	...
31/08/2025		31/08/2025	Chi phí nhân công trực tiếp tháng 08/2025	1542	297.374.767	
31/08/2025		31/08/2025	Chi phí sản xuất chung tháng 08/2025	1543	2.229.051	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2025	911		1.833.598.563
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.833.598.563	1.833.598.563
			Số dư cuối kỳ			

2.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

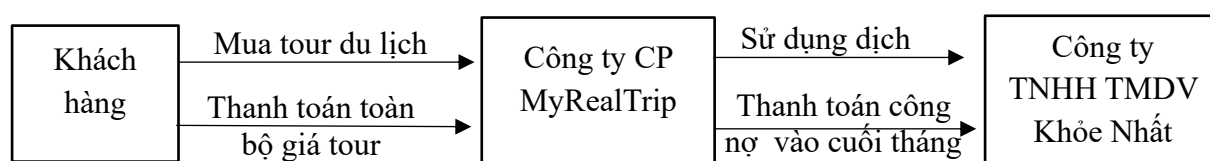
2.7.1. Nội dung.

Trong năm 2025, Công ty Khỏe Nhất ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính phát sinh chủ yếu từ hai nguồn:

- *Khoản lãi tiền gửi ngân hàng* thu được trong kỳ.
- *Khoản lãi tỷ giá hối đoái*: phát sinh khi khách hàng nước ngoài thực hiện thanh toán tiền dịch vụ đã sử dụng, do biến động tỷ giá tại thời điểm ghi nhận và thanh toán. Đối với doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, quy trình được thực hiện như sau:

Khách hàng quốc tế đặt mua tour du lịch thông qua Công ty Cổ phần MyRealTrip, trong đó giá tour đã bao gồm chi phí dịch vụ do Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất cung cấp. Sau khi sử dụng dịch vụ, khách hàng thanh toán toàn bộ giá trị tour cho Công ty Cổ phần My Real Trip, thường bằng ngoại tệ. Về phía Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất, khi dịch vụ hoàn thành, doanh nghiệp thực hiện ghi nhận doanh thu và đồng thời ghi nhận khoản phải thu từ Công ty Cổ phần MyRealTrip theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh.

Định kỳ vào cuối tháng, Công ty Cổ phần MyRealTrip tiến hành đối soát và thanh toán phần công nợ dịch vụ cho Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất sau khi đã trừ phí hoa hồng. Tuy nhiên, do tỷ giá hối đoái tại thời điểm thanh toán có thể khác với tỷ giá tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nên phát sinh chênh lệch tỷ giá. Trường hợp tỷ giá tại thời điểm nhận tiền cao hơn tỷ giá tại thời điểm ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ, phần chênh lệch có lợi được ghi nhận vào TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.



Sơ đồ 2.5. Quy trình cung cấp dịch vụ cho khách nước ngoài thông qua trung gian

2.7.2. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo có

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái tài khoản 515
- Sổ chi tiết tài khoản 515

2.7.4. Quy trình ghi sổ.

2.7.4.1. Nhận lãi tài khoản ngân hàng.

Hàng tháng, khi nhận được sao kê từ ngân hàng, kế toán sẽ nhập các thông tin vào phần mềm kế toán, dữ liệu sẽ tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515.



442 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

Contact Center 24/7

1900 54 54 86 - (028) 38 247 247

www.acb.com.vn

SAO KÊ TÀI KHOẢN

Ngày in sao kê **09/08/2025**

Chủ tài khoản **CONG TY TNHH TMDV KHOE NHAT**
Số tài khoản (VND) **5681568**
Mã số thuế/
Giấy tờ tùy thân 0401910285
Địa chỉ 209 TRAN PHU Phuong Phuoc Ninh
Quan Hai Chau Thanh pho Da Nang

Thời gian sao kê **01/07/2025 - 31/07/2025**

Số dư đầu	10.450.136
Tổng tiền rút ra	787.088.231
Tổng tiền gửi vào	778.570.718
Số dư cuối	1.932.623

Ngày hiệu lực	Ngày giao dịch	Số GD	Nội dung giao dịch	Số tiền rút ra	Số tiền gửi vào	Số dư
25/07/2025	25/07/2025 21:26:55	3466	##LAI NHAP VON#		148	1.361.624
30/07/2025	30/07/2025 15:45:07	3479	CONG TY TNHH TMDV KHOE NHAT#0401910285#M1/KHDN/LTH MUA 329.34USD*TG26040/696/25##		8.576.014	124.932.623

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN Á CHÂU
09/08/2025 11:46:06
ACB Signature

Hình ảnh 2.22. Trích từ sao kê ngân hàng ACB tháng 07/2025

Kế toán căn cứ vào sao kê tài khoản ngân hàng để tiến hành ghi nhập doanh thu tài chính từ lãi ngân hàng.

Kế toán nhập liệu vào phần mềm theo các thao tác sau:

- **Bước 1.** Vào phân hệ “Tiền mặt ngân hàng” → “Bảo Có” nhập dữ liệu vào phần mềm → Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 8).

- **Bước 2.** Kế toán tiến hành nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Nhấn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515, sổ chi tiết tài khoản 515.

Hình ảnh 2.23. Giao diện hạch toán lãi ngân hàng tháng 07/2025

2.7.4.2. Lãi tỷ giá hối đoái.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng nước ngoài thông qua đơn vị trung gian Công ty Cổ phần MyRealTrip, trong tháng kế toán thực hiện theo dõi và tổng hợp riêng doanh thu cung cấp dịch vụ cho MyRealTrip trên bảng Excel. Đồng thời, kế toán cũng xác định khoản phí hoa hồng mà MyRealTrip được hưởng theo tỷ lệ 20% trên doanh thu phát sinh theo thỏa thuận giữa hai bên.

Đến tháng tiếp theo, khi MyRealTrip thực hiện thanh toán công nợ thông qua chuyển khoản ngân hàng, kế toán căn cứ vào số tiền thực tế nhận được trên sao kê ngân hàng và số công nợ phải thu đã theo dõi trên Excel để thực hiện đối chiếu. Trong trường hợp phát sinh chênh lệch giữa số tiền thực nhận và công nợ phải thu, kế toán sẽ xác định khoản chênh lệch đó là lãi hoặc lỗ tỷ giá. Nếu số tiền nhận được lớn hơn giá trị công nợ phải thu đã ghi nhận trước đó, phần chênh lệch tăng sẽ được kế toán ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Nghiệp vụ: Vào ngày 30/07/2025, Công ty Cổ phần MyRealTrip thực hiện chuyển khoản thanh toán công nợ dịch vụ tháng 06/2025 cho Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất với số tiền 8.576.014 đồng (xem Hình ảnh 2.22).

Kế toán căn cứ vào bảng tổng hợp doanh thu dịch vụ cung cấp cho MyRealTrip trong tháng 06/2025, sau khi khấu trừ khoản phí hoa hồng 20% phải trả cho MyRealTrip, số công nợ phải thu mà công ty ghi nhận còn lại là 8.120.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm nhận tiền thanh toán, số tiền thực tế nhận được lớn hơn số công nợ phải thu đã ghi nhận ban đầu. Nguyên nhân chênh lệch này xuất phát từ sự biến động tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm MyRealTrip chuyển tiền cao hơn tỷ giá tại thời điểm ghi nhận doanh thu.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25MKN
Số: 27

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 01 tháng 06 năm 2025

MCCQT: M1-25-W9FHQ-00000000027

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÈ NHẤT

Mã số thuế: 0401910285

Địa chỉ: 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236 6554 211

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN MYREALTRIP

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 2098155339

Địa chỉ: Tầng 18, 19, Tòa nhà Hanwha Life Insurance, 311 Gangnam-daero, Seocho gu, Seoul, Hàn Quốc

Điện thoại:

Căn cước công dân:

Hình thức thanh toán:

Đơn vị tiền tệ:

Tỷ giá:

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dịch vụ massage chân, đầu, vai, cổ 90 phút (Golden Lotus Foot + Neck & Shoulder Massage 90 min)	Lần	1	409.091	0	10%	409.091

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	409.091	40.909

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	409.091
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	40.909
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	450.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Bốn trăm năm mươi nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình ảnh 2.24. Hóa đơn GTGT bán ra cho công ty MyRealTrip tháng 06/2025

Khoản chênh lệch phát sinh giảm là 456.014 đồng (8.576.014 đồng – 8.120.000 đồng), được xác định là lãi chênh lệch tỷ giá. Theo đó, kế toán tiến hành ghi nhận khoản lãi này vào doanh thu hoạt động tài chính.

CONFIRMATION OF PUBLIC DEBT - MY REALTRIP 06.2025										
BOOKING DATE	BOOKING NO.	SERVICE USED DATE	MASSAGE SERVICE	UNIT	VND				SỐ HÓA ĐƠN	
					UNIT PRICE	AMOUNT	DISCOUNT 20%	REMAINING AMOUNT		
						10,150,000	2,030,000	8,120,000		
31/05/2025	EXP-20250531-00005928	1-Jun	F9 Dịch vụ massage chân, đầu, vai, cổ 90 phút (Golden Lotus Foot + Neck & Shoullder Massage 90 min)	1	450,000	450,000	90,000	360,000	27	
31/05/2025	EXP-20250531-00009344	1-Jun	HT6 Dịch vụ chườm đá nóng 60 phút (Hot Stone Relief Care 60 min)	1	430,000	430,000	86,000	344,000	40	
31/05/2025	EXP-20250531-00009345	1-Jun	HT6 Dịch vụ chườm đá nóng 60 phút (Hot Stone Relief Care 60 min)	1	430,000	430,000	86,000	344,000	40	
31/05/2025	EXP-20250531-00009346	1-Jun	HT6 Dịch vụ chườm đá nóng 60 phút (Hot Stone Relief Care 60 min)	1	430,000	430,000	86,000	344,000	40	
31/05/2025	EXP-20250531-00009347	1-Jun	HT6 Dịch vụ chườm đá nóng 60 phút (Hot Stone Relief Care 60 min)	1	430,000	430,000	86,000	344,000	40	
31/05/2025	EXP-20250531-00009348	1-Jun	HT6 Dịch vụ chườm đá nóng 60 phút (Hot Stone Relief Care 60 min)	1	430,000	430,000	86,000	344,000	40	
24/05/2025	EXP-20250524-00009837	1-Jun	A9 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	39	
24/05/2025	EXP-20250524-00009838	1-Jun	A9 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	39	
04/06/2025	EXP-20250604-00013481	8-Jun	A9 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	155	
04/06/2025	EXP-20250604-00013482	8-Jun	A9 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 90 phút (Aroma Oil Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	155	
03/06/2025	EXP-20250603-00013094	11-Jun	A6 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	1	390,000	390,000	78,000	312,000	214	
02/06/2025	EXP-20250602-00012738	17-Jun	G9 Dịch vụ massage body truyền thống 90 phút (Golden Lotus Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	316	
02/06/2025	EXP-20250602-00012739	17-Jun	G9 Dịch vụ massage body truyền thống 90 phút (Golden Lotus Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	316	
02/06/2025	EXP-20250602-00012740	17-Jun	G9 Dịch vụ massage body truyền thống 90 phút (Golden Lotus Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	316	
24/05/2025	EXP-20250524-00009949	2-Jun	F6 Dịch vụ massage chân 60 phút (Golden Lotus Foot Massage 60 min)	1	350,000	350,000	70,000	280,000	50	
24/05/2025	EXP-20250524-00009950	2-Jun	F6 Dịch vụ massage chân 60 phút (Golden Lotus Foot Massage 60 min)	1	350,000	350,000	70,000	280,000	50	
01/06/2025	EXP-20250601-00016500	4-Jun	A6 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	1	390,000	390,000	78,000	312,000	69	
01/06/2025	EXP-20250601-00016501	4-Jun	A6 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	1	390,000	390,000	78,000	312,000	69	
01/06/2025	EXP-20250601-00016502	4-Jun	A6 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	1	390,000	390,000	78,000	312,000	69	
01/06/2025	EXP-20250601-00016503	4-Jun	A6 Dịch vụ massage body cùng tinh dầu 60 phút (Aroma Oil Massage 60 min)	1	390,000	390,000	78,000	312,000	69	
02/06/2025	EXP-20250602-00011671	19-Jun	G9 Dịch vụ massage body truyền thống 90 phút (Golden Lotus Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	342	
02/06/2025	EXP-20250602-00011672	19-Jun	G9 Dịch vụ massage body truyền thống 90 phút (Golden Lotus Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	342	
02/06/2025	EXP-20250602-00011673	19-Jun	G9 Dịch vụ massage body truyền thống 90 phút (Golden Lotus Massage 90 min)	1	490,000	490,000	98,000	392,000	342	
					Total	23	10,150,000	2,030,000	8,120,000	

Hình ảnh 2.25. Bảng tính theo dõi công nợ phải thu của MyRealTrip tháng 06/2025

Kế toán nhập liệu vào phần mềm theo các thao tác sau:

- **Bước 1.** Vào phân hệ “Tiền mặt ngân hàng” → Nhấn chọn “Báo có” → Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 8).

- **Bước 2.** Kế toán tiến hành đầy đủ thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515, sổ chi tiết tài khoản 515.

❖ Sổ chi tiết tài khoản 515

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
25/01/2025		25/01/2025	Lãi nhập vốn tháng 01/2025	11215		119
...	...	...	...	...	...	...
25/07/2025		25/07/2025	Lãi nhập vốn tháng 7/2025	11215		148
31/07/2025		31/07/2025	Lãi chênh lệch từ cung cấp dịch vụ tháng 06/2025	11215		456.014
...	...	...	...	...	...	...
25/09/2025		25/07/2025	Lãi nhập vốn tháng 9/2025	11215		793
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 2025	911	941.750	
			Cộng phát sinh trong kỳ		941.750	941.750
			Số dư cuối kỳ			

2.8. Kế toán chi phí tài chính.

2.8.1. Nội dung.

Tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khỏe Nhất ghi nhận chi phí hoạt động tài chính từ chi phí lãi vay ngân hàng. Công ty có hai khoản vay từ ngân hàng Vietinbank phát sinh từ năm 2024, với mục đích để mua xe đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh. Định kỳ hàng tháng, ngân hàng sẽ xuất hóa đơn GTGT của khoản lãi vay về công ty. Dựa vào Hóa đơn GTGT công ty thực hiện thanh toán cả gốc và lãi vay cho ngân hàng. Trong đó, phần lãi vay phát sinh trong kỳ được kế toán ghi nhận vào chi phí tài chính.

2.8.2. Tài khoản sử dụng.

- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

2.8.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Sổ phụ ngân hàng, giấy báo nợ
- Hợp đồng vay

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 635
- Sổ chi tiết tài khoản 635

2.8.4. Quy trình ghi sổ.

Hàng tháng, Ngân hàng VietinBank phát hành hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) khoản lãi vay cho công ty. Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT khoản lãi vay để tiến hành hạch toán chi phí lãi vay vào chi phí tài chính.



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TBB
Số: 116542

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 06 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: NGAN HANG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CN BẠC ĐÀ NẴNG
Mã số thuế: 0100111948-137
Mã cửa hàng:
Tên cửa hàng:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH TMDV KHỎE NHAT
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401910285
Mã ĐVCQHVNSSN:
CCCD người mua:
Số hộ chiếu:
Địa chỉ:
Hình thức thanh toán:
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1								KCT	6.515.739

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	6.515.739
	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	0
	Tổng tiền phí	
	Tổng tiền chiết khấu thương mại	
	Tổng tiền thanh toán bằng số	6.515.739
	Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình ảnh 2.27. Hóa đơn GTGT lãi vay ngân hàng tháng 06/2025

Kế toán nhập liệu vào phần mềm theo các thao tác sau:

Bước 1. Kế toán thực hiện “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” → Nhấn chọn “Hóa đơn mua vào” → Chọn “Lập chứng từ bán hàng” (xem ở Phụ lục 10).

Bước 2. Kế toán tiến hành nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Nhấn “Luu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 635, Sổ chi tiết tài khoản 635.

Tên hàng	Là CPMH	TK Nợ	TK Có	ĐT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ
Lãi vay ngân hàng	☐	635	331	VIETINBANK		0,00	0,00	6.515.739	

Hình ảnh 2.28. Giao diện hạch toán lãi vay ngân hàng tháng 06/2025

❖ **Sổ Nhật ký chung (xem ở trang 47).**

❖ **Sổ cái tài khoản 635:****CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT**

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận

Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S38 – DNN(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Năm 2025****Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
26/03/2025		26/03/2025	Lãi vay ngân hàng tháng 02/2025	331	4.417.624	
...	...	...	...	...	...	...
25/06/2025		25/06/2025	Lấy vay ngân hàng tháng 05/2025	331	6.515.739	
30/06/2025		30/06/2025	Lãi vay ngân hàng tháng 05/2025	331	1.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
27/10/2025		27/10/2025	Lãi vay ngân hàng tháng 10/2025	331	5.487.122	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính 2025	911		79.144.248
			Cộng phát sinh trong kỳ		79.144.248	79.144.248
			Số dư cuối kỳ			

❖ **Sổ chi tiết tài khoản 635****CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT**

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S03b-DN(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)**SỔ CÁI****Năm 2025****Tài khoản 635 – Chi phí động tài chính**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
26/03/2025		26/03/2025	Lãi vay ngân hàng tháng 02/2025	331	4.417.624	
...	...	...	...	...	...	...
25/06/2025		25/06/2025	Lấy vay ngân hàng tháng 05/2025	331	6.515.739	
30/06/2025		30/06/2025	Lãi vay ngân hàng tháng 05/2025	331	1.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
27/10/2025		27/10/2025	Lãi vay ngân hàng tháng 10/2025	331	5.487.122	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính 2025	911		79.144.248
			Cộng phát sinh trong kỳ		79.144.248	79.144.248
			Số dư cuối kỳ			

2.9. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

2.9.1. Nội dung.

Trong năm 2025, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khỏe Nhất phát sinh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng: bao gồm các khoản chi phí quảng cáo, tiền hoa hồng, khấu hao TSCĐ và phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí trả trước dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: bao gồm các khoản phí ngân hàng, cước viễn thông, thuế môn bài, tiền xăng, dầu, tiền điện, tiền nước, tiền thuê nhà, thuế nhà thầu, lương nhân viên, các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp, khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.

2.9.2. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”.

Tài khoản cấp 2 TK 6421 – Chi phí bán hàng.

Tài khoản cấp 2 TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.9.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy nộp tiền vào NSNN
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu chi
- Phiếu phân bổ khấu hao tài sản, công cụ dụng cụ

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái 642 – Chi phí quản lý kinh doanh
- Sổ chi tiết 6421 – Chi phí bán hàng
- Sổ chi tiết 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.9.4. Quy trình ghi sổ.

2.9.4.1. Chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm các chi phí:

- Chi phí quảng cáo:



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TGG
Số: 1134552

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 08 tháng 06 năm 2025

MCCQT: 004E9FC5E396424771AADFD6FFF4A4B109

Tên người bán: CÔNG TY TNHH GOOGLE VIỆT NAM
Mã số thuế: 0317860332
Địa chỉ: Phòng 512ResCo-work09, Tầng 5, Tòa nhà M-Building, Lô C7B-02A, Khu A, số 09 đường số 8,
Khu đô thị mới Nam Thành Phố, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÈ NHẤT
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0401910285
Địa chỉ: 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dịch vụ quản g cáo Google Ads	Dịch vụ	1	7.272.727		10%	7.272.727

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	7.272.727	727.273

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)		7.272.727
Tổng giảm trừ không chịu thuế		
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)		727.273
Tổng tiền phí		
Tổng tiền chiết khấu thương mại		
Tổng giảm trừ khác		
Tổng tiền thanh toán bằng số		8.000.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ		tám triệu đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH
GOOGLE VIỆT NAM

Ký ngày: 2025-06-09 13:07:40

Hình ảnh 2.29. Hóa đơn GTGT chi phí quảng cáo Google tháng 06/2025

Căn cứ vào hóa đơn quảng cáo số 1134552 ký hiệu C25TGG. Kế toán sẽ hạch toán lên phần mềm Easybooks.

- Vào phân hệ “Tiền mặt ngân hàng” → Chọn “Báo Nợ” → Kế toán thực hiện nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên Sổ nhật ký chung, Sổ cái 642, Sổ chi tiết 6421 (xem ở Phụ lục 9).

[illegible]

Hình ảnh 2.30. Giao diện hạch toán hóa đơn ngày 08/06/2025

- Chi phí hoa hồng:

Như đã trình bày ở mục 2.7.1. hàng tháng kế toán phải theo dõi doanh thu, công nợ phải thu và phí hoa hồng của MyRealTrip.

Do công ty Khỏe Nhất hợp tác với chi nhánh nước ngoài của MyRealTrip nên phía MyRealTrip không xuất hóa đơn cho khoản phí hoa hồng phải thu. Vì vậy, khi nhận được tiền thanh toán qua ngân hàng, kế toán sẽ tiến hành đối chiếu giữa số tiền hoa hồng thực tế đã bị khấu trừ với tỷ lệ hoa hồng được theo dõi nội bộ trên bảng tổng hợp doanh thu. Nếu số liệu đối chiếu phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên, kế toán thực hiện ghi nhận khoản hoa hồng này vào chi phí bán hàng.

Nghiệp vụ: Căn cứ vào bảng theo dõi dịch vụ cung cấp cho MyRealTrip tháng 06/2025, kế toán ghi nhận phần 20% phí hoa hồng của MyRealTrip vào chi phí bán hàng của doanh nghiệp với số tiền là 2.030.000 đồng (xem Hình ảnh 2.25).

Đến ngày 30/07/2025, Công ty Cổ phần MyRealTrip thực hiện chuyển khoản thanh toán công nợ dịch vụ tháng 06/2025 cho Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất với số tiền là 8.576.014 đồng (xem Hình ảnh 2.22), trong đó 8.120.000 đồng là công nợ phải thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho MyRealTrip vào tháng 06/2025 và 456.014 đồng là doanh thu hoạt động tài chính.

Cho thấy phần phí hoa hồng được MyRealTrip khấu trừ trước khi chuyển khoản trùng khớp với tỷ lệ phí hoa hồng trên bảng theo dõi do kế toán thực hiện (8.120.000 đồng + 2.030.000 đồng = 10.150.000 đồng).

- **Bước 1.** Kế toán chọn phân hệ “Tổng hợp” → Chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”
→ Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 4).

- **Bước 2.** Kế toán nhập đầy đủ thông tin chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự cập nhật lên Sổ nhật ký chung, Sổ cái 642, Sổ chi tiết 6421.

The screenshot displays the accounting software interface for creating a journal entry. The top menu bar includes options like '+ Thêm', '+ Xóa', '+ Lưu', '+ Lưu & thêm', '+ Bỏ ghi sổ', '+ Sao chép & thêm', '+ Xóa', '+ In', '+ Kết xuất', '+ Mẫu', '+ Trợ giúp', and '+ Đóng'. The right-hand form contains the following details:

- Số chứng từ: NVK080
- Ngày chứng từ: 30/06/2025
- Ngày hạch toán: 30/06/2025
- Loại tiền: VND
- Tỷ giá: 1,00

The central table, titled 'HÀNG TIỀN' (with sub-tabs THUẾ, THỐNG KÊ, CHỨNG TỬ THAM CHIẾU), shows the journal entry details:

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý
Tiền hoa hồng cho MYREALTRIP tháng 06/2025 (20%)	6421	131	2.030.000		+	MYREALTRIP +		☐
Sở dòng : 1								

The bottom summary bar shows the total amount: Tổng tiền TT: 2.030.000.

Hình ảnh 2.31. Giao diện hạch toán chi phí hoa hồng MyRealTrip tháng 06/2025

- Chi phí khấu hao TSCĐ:
Ngày 30/06/2025, kế toán tiến hành tính khấu hao TSCĐ.

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Tháng 06

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Loại TSCĐ	Phòng ban sử dụng	Ngày ghi tăng/Điều chỉnh	Ngày bắt đầu tính KH	Thời gian SD (tháng)	Thời gian SD còn lại (tháng)	Nguyên giá	Giá trị tính KH	Hao mòn trong kỳ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị KH tháng	TK nguyên giá	TK khấu hao
MAYLANH RGT48-M1	Máy lạnh Reetech RGT48-CD-A-RC48-CDG-A	Máy móc, thiết bị	BPQ/DN	26/03/2019	26/03/2019	48,00		30.960.000	30.960.000		30.960.000		645.000	2111	2141
MAYLANH RGT48-M2	Máy lạnh Reetech RGT48-CD-A-RC48-CDG-A	Máy móc, thiết bị	BPQ/DN	03/07/2019	03/07/2019	42,00		30.960.000	30.960.000		30.960.000		737.143	2111	2141
XE KHÁCH 16 CHO - HUYNDAI SOLATI D L	Xe khách 16 chỗ - Hyundai Solati DL	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	BPBH	01/01/2024	01/01/2024	96,00	78,00	1.005.744.545	1.005.744.545	10.476.506	188.577.108	817.167.437	10.476.506	2111	2141
XE OTO KIA CAREN	Xe Kia Carens - 43A86074	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	BPQ/DN	01/01/2024	01/01/2024	96,00	78,00	603.268.182	603.268.182	6.284.044	113.112.780	490.155.402	6.284.044	2111	2141
Tổng cộng						282,00	156,00	1.670.932.727	1.670.932.727	16.760.550	363.609.888	1.307.322.839	18.142.693		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ)

Ngày.....tháng.....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình ảnh 2.32. Bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 06/2025

Kế toán căn cứ vào bảng tính khấu hao TSCĐ để đối chiếu, kiểm tra với số liệu trên chứng từ khấu hao TSCĐ do phần mềm tính toán tự động.

- **Bước 1.** Vào phân hệ “Tài sản cố định” → Nhấn chọn “Khấu hao tài sản cố định” → Chọn “Thêm” → Chọn mức thời gian để tính khấu hao → Chọn “Đồng ý” (xem ở Phụ lục 11).

- **Bước 2.** Kế toán đối chiếu, kiểm tra giá trị khấu hao → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6421.

Diễn giải	Đối tượng PB	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mục thu/chi	Khoản mục CP	Hợp đồng	B
Khấu hao XE KHÁCH 16 C...	BPQL	6421	2141	10.476.506	+	+		
Khấu hao XE ÔTÔ KIA CA...	BPQL	6422	2141	6.284.044	+	+		
Số dòng : 2				16.760.550				

Hình ảnh 2.33. Giao diện chứng từ khấu hao TSCĐ tháng 06/2025

- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí trả trước:

Kế toán căn cứ vào bảng tính phân bổ CCDC để đối chiếu, kiểm tra với số liệu trên chứng từ phân bổ CCDC do phần mềm tính toán tự động (xem ở Hình ảnh 2.20).

Bước 1. Vào phân hệ “Công cụ dụng cụ” → Nhấn chọn “Phân bổ Công cụ dụng cụ” → Chọn “Thêm”.

Bước 2. Chọn tháng cần phân bổ → Nhấn chọn “Đồng ý”, phần mềm sẽ tự động tính toán và cập nhật số tiền cần phân bổ trong kỳ (Xem ở Phụ lục 5).

Bước 3. Nhấn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6421.

Phân bổ công cụ dụng cụ

Thông tin chung

Diễn giải: Phân bổ CCDC tháng 6 năm 2025

Chứng từ

Số chứng từ: PBCC030

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Ngày hạch toán: 30/06/2025

THỐNG KÊ PHÂN BỐ HẠCH TOÁN CHỨNG TỬ THAM CHIẾU

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Phòng ban	ĐT tập hợp CP	Khoản mục CP	Mục thu/chi
Phân bổ MÁY MÀI tháng...	6422	242	122.727	BPQL	+	+	+
Phân bổ MÁY SAY - M2 t...	6421	242	1.287.121	BPQL	+	+	+
Phân bổ MÁY SAY tháng ...	6421	242	624.621	BPQL	+	+	+
Phân bổ MÁY TÍNH BAN...	6422	242	256.818	BPQL	+	+	+
Phân bổ MÁY TÍNH BAN...	6422	242	128.409	BPQL	+	+	+
Phân bổ MÁY TÍNH BAN...	6422	242	166.162	BPQL	+	+	+
Phân bổ THEP HOP thân...	6422	242	116.167	BPQL	+	+	+
Phân bổ TỦ LANH - M2 t...	6421	242	164.773	BPQL	+	+	+
Phân bổ TỦ LANH tháng ...	6421	242	164.773	BPQL	+	+	+
Số dòng: 23			10.491.803				

Tham chiếu

Hình ảnh 2.34. Giao diện hạch toán phân bổ CCDC tháng 06/2025

Phân bổ chi phí trả trước

Thông tin chung

Diễn giải: Phân bổ chi phí trả trước ...

Phân bổ chi phí trả trước tháng 6 năm 2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK097

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Ngày hạch toán: 30/06/2025

CHI TIẾT CHI PHÍ CHI TIẾT PHÂN BỐ HẠCH TOÁN CHỨNG TỬ THAM CHIẾU

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng nợ	Đối tượng có	Nhân viên	Mục thu/chi	Khoản mục CP	Phòng ban	ĐT tập hợp CP	Hợp đồng	Mã thống kê	Chi phí không hợp lý
Phân bổ ...	6421	242	500.000				+	+	+	+		+	
Phân bổ ...	6422	242	833.333				+	+	+	+		+	
Phân bổ ...	6422	242	361.111				+	+	+	+		+	
Số dòng: 3			1.694.444										

Tham chiếu

Hình ảnh 2.35. Giao diện hạch toán phân bổ chi phí trả trước tháng 06/2025

2.9.4.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các chi phí như:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phí ngân hàng, cước viễn thông, điện, nước, xăng, dầu,...



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TAD
Số: 1826782

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 02 tháng 06 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đà Nẵng

Mã số thuế: 0400549228

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401910285

Mã ĐVCQHVSNN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1			Khác	kWh	10.778			8%	39.505.994

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	39.505.994
	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	3.160.480
	Tổng tiền phí	
	Tổng tiền chiết khấu thương mại	
	Tổng tiền thanh toán bằng số	42.666.474
	Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Hình ảnh 2.36. Hóa đơn GTGT tiền điện ngày 02/06/2025

Tương tự phí ngân hàng và tiền điện, kế toán sử dụng Hóa đơn GTGT làm căn cứ để lập chứng từ ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp cho các chi phí như: tiền nước, tiền xăng, tiền dầu, cước viễn thông,...

Bước 1. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, kế toán thực hiện hạch toán trên phần mềm.

- Vào phân hệ “Hóa đơn mua vào” → Chọn hóa đơn cần hạch toán → Chọn “Lập chứng từ bán hàng” (xem ở Phụ lục 10).

Bước 2. Kế toán tiến hành nhập đầy đủ các thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các Sổ nhật ký chung, Sổ cái 642, Sổ chi tiết 6422.

The screenshot shows the 'Hàng tiền' (Cash) transaction form in the accounting software. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung** (General Information): Includes fields for company name (DIENLUC-DN), address, tax code (0400549228), and invoice date (02/06/2025).
- Chứng từ** (Voucher): Includes fields for voucher number (MDV670), date (02/06/2025), and currency (VND).
- Hàng tiền** (Cash): A table with columns for account type, name, debit/credit, and amount. The table shows a single entry for 'TIEN DIEN' (Electricity) with a debit of 39,505,994.
- Tổng tiền** (Total): A summary section showing the total amount (39,505,994) and the total tax (3,160,480).

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK Nợ	TK Có	ĐT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
TIEN DIEN	Khác	6422	331	DIENLUC-DN	Kwh	10.778,00	3.665,43	39.505.994

Tổng tiền DV 39.505.994 **Tổng thuế GTGT** 3.160.480 **Tổng tiền TT** 42.666.474

Hình ảnh 2.37. Giao diện hạch toán tiền điện tháng 06/2025

- Chi phí liên quan đến phí và lệ phí:

 **Nộp thuế > Tra cứu giấy nộp tiền**

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
 Mã hiệu: ACB2025011002413520
 Số: 2025011002413520

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒ Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250288698176

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT
 Địa chỉ: 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh
 Quận/Huyện: Quận Hải Châu
 Người nộp thay:
 Địa chỉ:
 Quận/Huyện:
 Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Á Châu
 hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
 TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐
 Vào tài Khoản KBNN: VP KBNN Đà Nẵng
 Mở tại NH ủy nhiệm thu: ACB - CN Đà Nẵng
 Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
 Kiểm toán nhà nước ☐
 Thanh tra Chính phủ ☐
 Cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế Quận Hải Châu

Mã số thuế: 0401910285
 Tỉnh, TP: Đà Nẵng
 Tỉnh, TP:
 trích TK số: 5681568
 TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
 Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
 Thanh tra tài chính ☐
 Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2. Ghi chú: Nộp lệ phí môn bài năm 2025.		2,000,000	754	2863
Tổng tiền					2,000,000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN	
---	--

	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

✓	Người ký : CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT Ngày ký : 10/01/2025 17:07:53
---	---

✓	Người ký : Tổng cục Thuế Ngày ký : 10/01/2025 17:07:17
---	---

✓	Người ký : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU Ngày ký : 10/01/2025 18:31:35
---	---

Hình ảnh 2.38. Giấy nộp tiền vào NSNN – nộp lệ phí môn bài 2025

Bước 1. Căn cứ vào giấy nộp tiền vào NSNN ngày 10/01/2025, kế toán tiến hành hạch toán lệ phí môn bài vào phần mềm Easybooks.

- Vào phân hệ “Tổng hợp” → Chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác” → Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 4).

Bước 2. Kế toán tiến hành nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 642, Sổ chi tiết tài khoản 6422.

The screenshot displays the 'Chứng từ nghiệp vụ khác' (Other Business Voucher) entry screen. The 'Thông tin chung' (General Information) section includes fields for 'Diễn giải' (Description) with the value 'Thuế môn bài năm 2025', 'Số chứng từ' (Voucher Number) as NVK014, 'Ngày chứng từ' (Voucher Date) as 01/01/2025, 'Ngày hạch toán' (Accounting Date) as 01/01/2025, and 'Loại tiền' (Currency) as VND. The 'Hàng tiền' (Ledger) section shows a table with columns for 'Diễn giải', 'TK Nợ' (Debit Account), 'TK Có' (Credit Account), 'Số tiền' (Amount), 'Hoạt động' (Activity), 'Đối tượng Nợ' (Debit Object), 'Đối tượng Có' (Credit Object), 'Nghiệp vụ' (Business Event), and 'Chi phí không hợp lý' (Unreasonable Expense). The first row of the table contains the entry: 'Thuế môn bài năm 2025', '6422', '33382', '2.000.000'. The bottom status bar indicates 'Số dòng: 1' (Number of lines: 1) and a total amount of '2.000.000'.

Hình ảnh 2.39. Giao diện hạch toán lệ phí môn bài năm 2025

- Chi phí lương và các khoản trích theo lương bộ phận quản lý doanh nghiệp:

Bước 1. Kế toán căn cứ vào bảng lương tháng 06/2025 để nhập liệu chi phí lương và các khoản trích theo lương tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp (xem ở Hình ảnh 2.17).

- Vào “Tổng hợp” → Chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác” → Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 4).

Bước 2. Kế toán nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Nhấn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết 6422.

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Diễn giải: Lương phải trả người lao động tháng 06/2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK030

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Ngày hạch toán: 30/06/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

HÀNG TIỀN THUẾ THỐNG KÊ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU Tham chiếu

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý
Bộ phận văn phòng	6422	334	77.935.370		+	+		☐
Bộ phận sản xuất	1542	334	269.934.550		+	+		☐
Số dòng: 2			347.869.920					

☐ Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT: 347.869.920 347.869.920

Hình ảnh 2.40. Giao diện hạch toán lương tháng 06/2025

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Diễn giải: Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 06/2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK028

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Ngày hạch toán: 30/06/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

HÀNG TIỀN THUẾ THỐNG KÊ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU Tham chiếu

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý
BHXH cho bộ phận văn phòng	6422	3383	6.270.110		+	+		☐
BHYT cho bộ phận văn phòng	6422	3384	1.106.490		+	+		☐
BHTN cho bộ phận văn phòng	6422	3385	368.830		+	+		☐
BHTNLD cho bộ phận văn phòng	6422	3383	184.415		+	+		☐
BHXH cho bộ phận sản xuất	1542	3383	12.843.500		+	+		☐
BHYT cho bộ phận sản xuất	1542	3384	2.266.500		+	+		☐
BHTN cho bộ phận sản xuất	1542	3385	755.500		+	+		☐
BHTNLD cho bộ phận sản xuất	1542	3383	377.750		+	+		☐
Số dòng: 8			24.173.095					

☐ Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT: 24.173.095 24.173.095

Hình ảnh 2.41. Giao diện hạch toán các khoản trích theo lương tháng 06/2025

- Chi phí khấu hao TSCĐ:

Kế toán căn cứ vào bảng tính khấu hao TSCĐ để đối chiếu, kiểm tra với số liệu trên chứng từ khấu hao TSCĐ do phần mềm tính toán tự động (xem ở Hình ảnh 2.32).

Bước 1. Vào phân hệ “Tài sản cố định” → Nhấn chọn “Khấu hao tài sản cố định” → Chọn “Thêm” → Chọn mức thời gian để tính khấu hao → Chọn “Đồng ý” (xem ở Phụ lục 11).

Bước 2. Kế toán đối chiếu, kiểm tra giá trị khấu hao → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6422.

Diễn giải	Đối tượng PB	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Mục thu/chi	Khoản mục CP	Hợp đồng	B
Khấu hao XE KHÁCH 16 C...	BPQL	6421	2141	10.476.506	+	+		
Khấu hao XE OTO KIA CA...	BPQL	6422	2141	6.284.044	+	+		
Số dòng : 2				16.760.550				

Hình ảnh 2.42. Giao diện hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ tháng 06/2025

- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí trả trước:

Kế toán căn cứ vào bảng tính phân bổ CCDC để đối chiếu, kiểm tra với số liệu trên chứng từ phân bổ CCDC do phần mềm tính toán tự động (xem ở Hình ảnh 2.20).

Bước 1. Vào phân hệ “Công cụ dụng cụ” → Nhấn chọn “Phân bổ Công cụ dụng cụ” → Chọn “Thêm”.

Bước 2. Chọn tháng cần phân bổ → Nhấn chọn “Đồng ý”, phần mềm sẽ tự động tính toán và cập nhật số tiền cần phân bổ trong kỳ (Xem ở Phụ lục 5).

Bước 3. Nhấn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6422.

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Phòng ban	DT tập hợp CP	Khoản mục CP	Mục thu/chi	B
Phân bổ MAY MAI tháng...	6422	242	122.727	BPQL	+	+	+	
Phân bổ MAY SAY - M2 t...	6421	242	1.287.121	BPQL	+	+	+	
Phân bổ MAY SAY tháng ...	6421	242	624.621	BPQL	+	+	+	
Phân bổ MAY TINH BAN...	6422	242	256.818	BPQL	+	+	+	
Phân bổ MAY TINH BAN...	6422	242	128.409	BPQL	+	+	+	
Phân bổ MAY TINH BAN...	6422	242	166.162	BPQL	+	+	+	
Phân bổ THEP HOP thán...	6422	242	116.167	BPQL	+	+	+	
Phân bổ TU LANH - M2 t...	6421	242	164.773	BPQL	+	+	+	
Phân bổ TU LANH tháng ...	6421	242	164.773	BPQL	+	+	+	
Số dòng : 23				10.491.803				

Hình ảnh 2.43. Giao diện hạch toán chi phí phân bổ công cụ dụng cụ tháng 06/2025

← → +Thêm Sửa Lưu +Lưu & thêm Bỏ ghi số Xóa In Kết xuất Trợ giúp Đóng

Phân bổ chi phí trả trước

Thông tin chung

Diễn giải: Phân bổ chi phí trả trước ... Phân bổ chi phí trả trước tháng 6 năm 2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK097
 Ngày chứng từ: 30/06/2025
 Ngày hạch toán: 30/06/2025

CHI TIẾT CHI PHÍ **CHI TIẾT PHÂN BỐ** **HẠCH TOÁN** **CHỨNG TỬ THAM CHIẾU** **Tham chiếu**

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đối tượng nợ	Đối tượng có	Nhân viên	Mục thu/chi	Khoản mục CP	Phòng ban	ĐT tập hợp CP	Hợp đồng	Mã thống kê	Chi phí không hợp lý
Phân bổ ...	6421	242	500.000				+	+	+	+		+	
Phân bổ ...	6422	242	833.333				+	+	+	+		+	
Phân bổ ...	6422	242	361.111				+	+	+	+		+	
Số dòng : 3			1.694.444										

Hình ảnh 2.44. Giao diện hạch toán chi phí phân bổ chi phí trả trước tháng 06/2025

- Thuế nhà thầu:

Thuế nhà thầu được hiểu là loại thuế áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài và nhà thầu phụ nước ngoài khi kinh doanh hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Trong năm 2025, Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất có phát sinh nghĩa vụ thuế nhà thầu đối với các đối tác nước ngoài, bao gồm Công ty Cổ phần MyRealTrip, Klook Travel Technology Limited và Tripadvisor. Đây là các đơn vị nước ngoài cung cấp dịch vụ trung gian và nền tảng kết nối khách hàng, qua đó phát sinh thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Theo quy định về thuế nhà thầu, công ty có trách nhiệm khấu trừ và nộp thay các khoản thuế tương ứng khi thanh toán cho các đối tác này, nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Theo khoản 1 điều 6 và khoản 1 điều 7 thông tư 103/2014/TT-BTC, kế toán có thể xác định doanh thu tính thuế nhà thầu là tổng thu nhập từ tiền phí hoa hồng mà đối tác nước ngoài nhận được định kỳ mỗi tháng.

Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Thông tư 103/2014/TT-BTC, Công ty áp dụng tỷ lệ 5% để xác định thuế GTGT trên doanh thu đối với hoạt động cung cấp dịch vụ. Trên cơ sở đó, doanh thu tính thuế GTGT được quy đổi từ doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT theo công thức:

Doanh thu tính thuế GTGT	=	$\frac{\text{Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT}}{1 - \text{Tỷ lệ \% để tính thuế GTGT trên doanh thu}}$
--------------------------	---	--

Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Thông tư 103/2014/TT-BTC, Công ty áp dụng tỷ lệ 5% để xác định thuế TNDN trên doanh thu đối với hoạt động cung cấp dịch vụ. Trên cơ sở đó, số thuế TNDN phải nộp được xác định bằng công thức:

$$\text{Doanh thu tính thuế TNDN} = \frac{\text{Doanh thu không bao gồm thuế TNDN}}{1 - \text{Tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế}}$$

❖ Quy trình ghi sổ:

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các bảng theo dõi doanh thu tính phí hoa hồng cho các đối tác nước ngoài chịu thuế nhà thầu để lập tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (xem Hình ảnh 2.25). Sau khi hoàn thiện tờ khai, kế toán tiến hành nộp tờ khai lên Cơ quan thuế.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI - MẪU SỐ 01/NTNN
(Áp dụng đối với Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 01/NTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÉ NHẤT
[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 0402209805

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Tên nhà thầu	Tên ngành nghề	Mã số thuế của NTNN tại Việt Nam (nếu có)	Hợp đồng		Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)				Tổng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước
			Số	Ngày/tháng/Năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ giá trị gia tăng	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp	
(1a)	(1b)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=7x8)	(10)	(11)	(12)	[13= (10x11)-(12)]	(14)=(9)+(13)
KLOOK	Hoạt động kinh doanh khác		2023.11.01	01/11/2023	12.950.000		14.349.030	5,00	717.452	13.631.579	5,00	0	681.579	1.399.031
My Real Trip	Hoạt động kinh doanh khác		2023.09.20	20/09/2023	2.030.000		2.249.307	5,00	112.465	2.136.842	5,00	0	106.842	219.307
TripAdvisor	Hoạt động kinh doanh khác		TASG203906	03/06/2025	3.963.985		4.392.227	5,00	219.611	4.172.616	5,00	0	208.631	428.242
Tổng cộng					18.943.985		20.990.564		1.049.528	19.941.037		0	997.052	2.046.580

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 07 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÉ NHẤT.

Hình ảnh 2.45. Tờ khai thuế nhà thầu tháng 06/2025

Sau khi tờ khai thuế được cơ quan thuế quản lý chấp nhận, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài tháng 06/2025 để ghi nhận thuế GTGT vào bên nợ tài khoản 1331- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và thuế TNDN vào bên nợ tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Bước 1.** Vào phân hệ “Tổng hợp” → Chọn “ Chứng từ nghiệp vụ khác” → Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 4).

- **Bước 2.** Kế toán nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 642, Sổ chi tiết 6422.

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung
 Diễn giải: Thuế nhà thầu phải nộp tháng 06/2025

Chứng từ
 Số chứng từ: NVK033
 Ngày chứng từ: 30/06/2025
 Ngày hạch toán: 30/06/2025
 Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Hàng tiền | THUẾ | THỐNG KÊ | CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý
Thuế GTGT phải nộp	1331-ĐN	33382	1.049.528	-	+	+	-	☐
Thuế TNDN phải nộp	6422	33382	997.052	-	+	+	-	☐
Số dòng: 2			2.046.580					

Tổng tiền TT: 2.046.580

Hình ảnh 2.46. Giao diện hạch toán thuế nhà thầu nước ngoài tháng 06/2025

❖ **Sổ Nhật ký chung (xem ở trang 47)**

❖ Sổ chi tiết tài khoản 6421

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu,

Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S19-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025		31/01/2025	Khấu hao TSCĐ tháng 01/2025	2141	10.476.506	
31/01/2025		31/01/2025	Mua dịch vụ quảng cáo trên Google Ads tháng 01/2025	331	5.200.000	
31/01/2025		31/01/2025	Phân bổ CCDC tháng 01/2025	242	5.911.866	
...	...	...	...	...	...	...
08/06/2025		08/06/2025	Mua dịch vụ quảng cáo trên Google Ads tháng 06/2025	331	7.272.727	
30/06/2025		30/06/2025	Khấu hao TSCĐ tháng 06/2025	2141	10.476.506	
30/06/2025		30/06/2025	Tiền hoa hồng cho MyRealTrip tháng 06/2025 (20%)	131	2.030.000	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ CCDC tháng 06/2025	242	5.911.866	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ chi phí trả trước tháng 06/2025	242	500.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/07/2025		31/07/2025	Tiền hoa hồng cho MyRealTrip tháng 07/2025 (20%)	131	1.424.000	
...	...	...	...	...	...	...
12/09/2025		12/09/2025	Mua dịch vụ quảng cáo trên Google Ads tháng 08/2025	331	4.629.630	
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025		30/09/2025	Khấu hao TSCĐ tháng 09/2025	2141	10.476.506	
31/10/2025		31/10/2025	Phân bổ CCDC tháng 010/2025	242	1.823.439	
31/10/2025		31/10/2025	Phân bổ chi phí trả trước tháng 10/2025	242	500.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng 2025	911		1.013.813.053
			Tổng cộng		1.013.813.053	1.013.813.053
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.013.813.053	1.013.813.053

❖ **Sổ chi tiết tài khoản 6422**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải
 Châu, Đà Nẵng
 Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S19-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
01/01/2025		01/01/2025	Phí ngân hàng	331	98.505	
...	...	...	...	...	...	...
10/01/2025		10/01/2025	Lệ phí môn bài	33382	2.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
02/06/2025		02/06/2025	Điện tiêu thụ tháng 05/2025	331	39.505.994	
02/06/2025		02/06/2025	Mua dầu DO 0.05S-II	331	934.364	
02/06/2025		02/06/2025	Cước viễn thông	331	62.483	
...	...	...	...	...	...	...
03/06/2025		03/06/2025	Dịch vụ cung cấp nước sạch và xử lý nước thải tháng 05/2025	331	4.068.505	
...	...	...	...	...	...	...
05/06/2025		05/06/2025	Mua xăng RON95–III	331	533.455	
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Lương phải trả cho bộ phận văn phòng tháng 06/2025	334	77.935.370	
30/06/2025		30/06/2025	BHXX cho bộ phận văn phòng tháng 06/2025	3383	6.270.100	
30/06/2025		30/06/2025	BHYT cho BP văn phòng tháng 06/2025	3384	1.106.490	
30/06/2025		30/06/2025	BHTN cho BP văn phòng tháng 06/2025	3385	368.830	
30/06/2025		30/06/2025	BHTNLĐ-BNN cho BP văn phòng tháng 06/2025	3383	184.415	
30/06/2025		30/06/2025	Khấu hao TSCĐ tháng 06/2025	2141	6.284.044	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ CCDC tháng 06/2025	242	2.570.986	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ chi phí trả trước tháng 06/2025	242	1.194.444	
30/06/2025		30/06/2025	Thuế nhà thầu -Thuế TNDN phải nộp tháng 06/2025	33382	997.052	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí QLDN năm 2025	911		2.272.548.525
			Cộng phát sinh trong kỳ		2.272.548.525	2.272.548.525
			Số dư cuối kỳ			
			Tổng cộng		2.272.548.525	2.272.548.525

❖ **Sổ cái tài khoản 642:**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
 209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải
 Châu, Đà Nẵng
 Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S03b-DN
 (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI
Năm 2025

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
10/01/2025		10/01/2025	Lệ phí môn bài năm 2025	33382	2.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
02/06/2025		02/06/2025	Điện tiêu thụ tháng 05/2025	331	39.505.994	
02/06/2025		02/06/2025	Mua dầu DO 0.05S-II	331	934.364	
02/06/2025		02/06/2025	Cước viễn thông	331	62.483	
...	...	...	...	...	...	...
03/06/2025		03/06/2025	Dịch vụ cung cấp nước sạch và xử lý nước thải tháng 05/2025	331	4.068.505	
...	...	...	...	...	...	...
05/06/2025		05/06/2025	Mua xăng RON95-III	331	533.455	
...	...	...	...	...	...	...
08/06/2025		08/06/2025	Chi phí dịch vụ quảng cáo trên Google Ads tháng 06/2025	331	7.272.727	
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Lương phải trả cho bộ phận văn phòng tháng 06/2025	334	77.935.370	
30/06/2025		30/06/2025	BHXX cho bộ phận văn phòng tháng 06/2025	3383	6.270.100	
30/06/2025		30/06/2025	BHYT cho bộ phận văn phòng tháng 06/2025	3384	1.106.490	
30/06/2025		30/06/2025	BHTN cho bộ phận văn phòng tháng 06/2025	3385	368.830	
30/06/2025		30/06/2025	BHTNLD - BNN cho bộ phận văn phòng tháng 06/2025	3383	184.415	
30/06/2025		30/06/2025	Khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng tháng 06/2025	2141	10.476.506	
30/06/2025		30/06/2025	Khấu hao TSCĐ cho bộ phận QLDN tháng 06/2025	2141	6.284.044	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ CCDC cho bộ phận bán hàng tháng 06/2025	242	5.911.866	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ CCDC cho bộ phận QLDN tháng 06/2025	242	2.570.986	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ chi phí trả trước cho bộ phần bán hàng tháng 06/2025	242	500.000	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ chi phí trả trước cho bộ phần QLDN tháng 06/2025	242	1.194.444	
30/06/2025		30/06/2025	Tiền hoa hồng cho MyRealTrip tháng 06/2025 (20%)	131	2.030.000	

30/06/2025		30/06/2025	Thuế nhà thầu -Thuế TNDN phải nộp tháng 06/2025	33382	997.052	
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng năm 2025	911		1.013.813.053
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp 2025	911		2.272.548.525
			Cộng		3.286.361.578	3.286.361.578
			Số dư cuối kỳ			
			Tổng cộng		3.286.361.578	3.286.361.578

2.10. Kế toán thu nhập khác.

TK 711 – Thu nhập khác

Trong năm 2025, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khỏe Nhất không phát sinh bất kỳ nghiệp vụ nào liên quan đến các khoản thu nhập khác.

2.11. Kế toán chi phí khác.

2.11.1. Nội dung.

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chi phí khác liên quan đến chi phí phạt tiền chậm nộp thuế TNDN.

2.11.2. Tài khoản sử dụng.

TK 811 – Chi phí khác

2.11.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Quyết định xử phạt vi phạm Hợp đồng kinh tế
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Giấy Báo nợ

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 811
- Sổ chi tiết tài khoản 811

2.11.4 Quy trình ghi sổ.

Khi nộp thuế quá hạn quy định, hệ thống dichvucong.gdt.gov.vn sẽ báo số thuế chậm nộp trên hệ thống, kế toán kiểm tra và nộp thuế, khoản thuế chậm nộp này sẽ được đưa vào tài khoản 811 – chi phí khác. Khoản tiền chậm nộp này sẽ được nộp bằng tài khoản ngân hàng trên hệ thống Dịch vụ công.

**Nộp thuế > Tra cứu giấy nộp tiền**Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: ACB5202511
Số: 520251120003051480

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250351264597

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤTMã số thuế: 0402209805Địa chỉ: 209 Trần Phú, Phường Hải ChâuTỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Quận/Huyện:

Người nộp thay: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤTĐịa chỉ: 209 Trần Phú, Phường Hải ChâuTỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Quận/Huyện:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Á Châutrích TK số: 5681568

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐Vào tài Khoản KBNN: Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước Tỉnh, TP: Thành phố Đà NẵngMở tại NH ủy nhiệm thu: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐Thanh tra tài chính ☐Thanh tra Chính phủ ☐Cơ quan có thẩm quyền khác ☐Cơ quan quản lý thu: Phường Hải Châu - Thuế cơ sở 2 thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	7501605481190001	00/06/2025	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).		5,671	562	4918
Tổng tiền					5,671		

**PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI
KHI HẠCH TOÁN**

Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

	Người ký : <u>CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT</u> Ngày ký : <u>20/11/2025 17:43:37</u>
	Người ký : <u>CỤC THUẾ</u> Ngày ký : <u>20/11/2025 17:42:14</u>
	Người ký : <u>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU</u> Ngày ký : <u>20/11/2025 17:43:49</u>

Hình ảnh 2.47. Giấy nộp tiền khoản chậm nộp thuế TNDN

Căn cứ vào giấy nộp tiền ở trên, kế toán kiểm tra rồi tiến hành nhập liệu vào phần mềm như sau:

Bước 1. Vào phân hệ “Tiền mặt ngân hàng”→ Chọn “Bảo nợ”→ Chọn “Thêm” (xem ở Phụ lục 9).

Bước 2. Kế toán tiến hành nhập đầy đủ thông tin trên chứng từ → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 811, Sổ chi tiết 811.

Hình ảnh 2.48. Giao diện hạch toán tiền chậm nộp thuế tháng 11/2025

❖ **Sổ Nhật ký chung** (xem ở trang 47)

❖ **Sổ cái tài khoản 811:**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận
Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S19-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
20/11/2025		20/11/2025	Nộp khoản chậm nộp thuế TNDN	11215	5.671	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác 2025	911		5.671
			Cộng phát sinh trong kỳ		5.671	5.671
			Số dư cuối kỳ			

❖ **Sổ chi tiết tài khoản 811:**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà

Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
20/11/2025		20/11/2025	Nộp khoản chậm nộp thuế TNDN	11215	5.671	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác 2025	911		5.671
			Cộng phát sinh trong kỳ		5.671	5.671
			Số dư cuối kỳ			

2.12. Kế toán chi phí thuế TNDN.

Cuối năm, kế toán tiến hành tổng hợp doanh thu và các chi phí phát sinh trong kỳ để xác định thuế TNDN phải nộp.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho thấy năm 2025 tình hình kinh doanh của Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất là lỗ. Cho nên năm 2025, công ty không phát sinh nộp thuế TNDN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số:
03/TNDN
(Ban hành kèm theo
Thông tư số
80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: T96 - Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân

[05] Tỷ lệ (%): 96,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT

[07] Mã số thuế: 0401910285

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(2.087.374.223)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	78.192.498
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	78.192.498
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(2.009.181.725)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(2.009.181.725)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(2.009.181.725)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		

3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($C3=C3a+C3b$)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5-C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0

G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT
Ngày ký: 27/03/2026 14:38:46.

Hình ảnh 2.49. Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT

[03] Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	3.110.794.087
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	941.750
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	941.750
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	5.119.960.141
a	Giá vốn hàng bán	[13]	1.833.598.563
b	Chi phí bán hàng	[14]	1.013.813.053
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	2.272.548.525
5	Chi phí tài chính	[16]	79.144.248
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	79.144.248
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(2.087.368.552)
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	5.671
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(5.671)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(2.087.374.223)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TMDV KHOÊ NHẤT
Ngày ký: 27/03/2026 14:38:46.

Hình ảnh 2.50. Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.13. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.13.1. Tài khoản sử dụng.

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

2.13.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kết chuyển

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái tài khoản 911

- Sổ chi tiết tài khoản 911

2.13.3. Quy trình ghi sổ.

Cuối kỳ, sau khi đã kiểm tra tất cả chứng từ kế toán, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong năm.

Bước 1. Kế toán chọn phân hệ “Tổng hợp” → Chọn “Kết chuyển lãi lỗ” → Chọn “Thêm” → Chọn ngày kết chuyển chứng từ → Chọn “Đồng ý” (Xem ở Phụ lục 12).

Bước 2. Kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu dữ liệu tự động của phiếu kết chuyển trên phần mềm với các sổ sách liên quan → Chọn “Lưu”, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 911, sổ chi tiết tài khoản 911.

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.833.598.563
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	79.144.248
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	1.013.813.053
Kết chuyển chi phí quản lý	911	6422	2.272.548.525
Kết chuyển chi phí khác	911	811	5.671
Kết chuyển doanh thu bán hàng	5111	911	120.884.312
Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	911	2.989.909.775
Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	941.750
Kết chuyển lỗ	4212	911	2.087.374.223
Thêm dòng mới...			
Số dòng: 9			10.398.220.120

Hình ảnh 2.51. Giao diện kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: B02 -
DNN
(Ban hành theo
Thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

[03] Mã số thuế: 0401910285

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.110.794.087	2.559.509.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		3.110.794.087	2.559.509.556
4. Giá vốn hàng bán	11		1.833.598.563	571.878.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.277.195.524	1.987.631.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		941.750	845.782
7. Chi phí tài chính	22		79.144.248	81.435.931
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	78.812.147
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		3.286.361.578	2.840.300.698
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(2.087.368.552)	(933.259.291)
10. Thu nhập khác	31		0	200.000
11. Chi phí khác	32		5.671	184.698.526
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(5.671)	(184.498.526)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.087.374.223)	(1.117.757.817)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(2.087.374.223)	(1.117.757.817)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
Ngày ký: 27/03/2026 14:40:03.

Hình ảnh 2.52. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

❖ **Sổ cái tài khoản 911:**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải
Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S19-DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển giá vốn năm 2025	632	1.833.598.563	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính 2025	635	79.144.248	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	1.013.813.053	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí QLDN năm 2025	6422	2.272.548.525	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác năm 2025	811	5.671	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2025	5111		120.884.312
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2025	5113		2.989.909.775
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2025	515		941.750
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển lỗ năm 2025	4212		2.087.374.223
			Cộng phát sinh trong kỳ		5.199.110.060	5.199.110.060
			Số dư cuối kỳ			

❖ **Sổ chi tiết tài khoản 911:**

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải
Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 911 – Chi phí khác

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển giá vốn năm 2025	632	1.833.598.563	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí tài chính 2025	635	79.144.248	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	1.013.813.053	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí QLDN năm 2025	6422	2.272.548.525	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển chi phí khác năm 2025	811	5.671	
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2025	5111		120.884.312
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2025	5113		2.989.909.775
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2025	515		941.750
31/12/2025		31/12/2025	Kết chuyển lỗ năm 2025	4212		2.087.374.223
			Cộng phát sinh trong kỳ		5.199.110.060	5.199.110.060
			Số dư cuối kỳ			

CHƯƠNG 3. NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV KHỎE NHẤT

3.1. Nhận xét công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

3.1.1. Ưu điểm:

Nhìn chung công tác hạch toán của Công ty đã đảm bảo áp dụng đúng chế độ kế toán của Nhà nước theo thông tư 133/2016/TT/BTC ban hành ngày 26/08/2016, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh.

3.1.1.1. Về tổ chức kế toán.

- *Tổ chức bộ máy kế toán:* Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất áp dụng mô hình kế toán tập trung, trong đó bộ máy kế toán được tổ chức tương đối đầy đủ và phân chia theo từng phần hành kế toán phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty. Công tác phân công nhiệm vụ giữa các nhân viên kế toán được thực hiện khoa học và rõ ràng ngay từ đầu, giúp mỗi thành viên nắm rõ trách nhiệm và phạm vi công việc của mình. Nhờ đó, quá trình ghi chép, xử lý và cung cấp thông tin kế toán được thực hiện tương đối chính xác, kịp thời và hiệu quả.

Các nhân viên kế toán luôn chú trọng đến công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các phần hành nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất của thông tin kế toán. Đồng thời, công ty cũng quan tâm đến việc nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán, góp phần đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong quá trình hoạt động.

- *Công tác hạch toán, hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:* Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất về cơ bản đã tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán phù hợp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Hầu hết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty đều được lập và lưu trữ đầy đủ chứng từ liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán kế toán, kiểm tra và đối chiếu số liệu. Nhờ đó, thông tin kế toán được phản ánh tương đối chính xác, đầy đủ và kịp thời, làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính cũng như cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý khi cần thiết.

Kế toán công ty luôn tuân thủ các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật thuế hiện hành, đồng thời thường xuyên cập nhật các chính sách, quy định mới liên quan đến lĩnh vực kế toán – thuế nhằm đảm bảo việc hạch toán được thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh và khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty, giúp hệ thống sổ sách được tổ chức gọn nhẹ, đơn giản và dễ thực hiện. Việc áp dụng hình thức Nhật ký chung cũng góp phần hỗ trợ kế toán thuận tiện hơn trong quá trình ghi chép, tổng hợp và kiểm tra số liệu kế toán.

- *Phần mềm kế toán*: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Easybooks được thiết kế theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, đã khai thác khả năng về chuyên môn của đội ngũ nhân viên kế toán, giúp cho công việc kế toán được thực hiện một cách khoa học, chính xác và giảm khối lượng công việc cho kế toán.

3.1.1.2. Về kế toán doanh thu, thu nhập.

Công tác kế toán doanh thu và thu nhập tại công ty được thực hiện tương đối đầy đủ và phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp. Doanh thu được ghi nhận kịp thời ngay sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng và xuất hóa đơn điện tử, góp phần đảm bảo phản ánh đúng doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán. Việc ghi nhận doanh thu gắn liền với chứng từ hợp lệ giúp nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin kế toán.

Đối với doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, kế toán thực hiện rà soát, tổng hợp và xác định riêng vào cuối tháng. Việc thực hiện phân loại và xác định doanh thu chịu thuế TTĐB giúp công ty phản ánh đúng nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định hiện hành, đồng thời đảm bảo số liệu doanh thu được theo dõi đầy đủ và chính xác.

Việc công ty có mở sổ chi tiết để theo dõi riêng doanh thu phát sinh từ các đối tác trung gian nước ngoài như MyRealTrip. Việc theo dõi chi tiết theo từng đối tác giúp kế toán dễ dàng quản lý công nợ phải thu, phí hoa hồng và các khoản thanh toán liên quan, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho công tác đối chiếu số liệu và kiểm soát doanh thu.

Đối với các khoản thu nhập tài chính phát sinh từ chênh lệch tỷ giá khi nhận thanh toán từ khách hàng hoặc đối tác nước ngoài, kế toán cũng thực hiện ghi nhận tương đối đầy đủ và đúng bản chất nghiệp vụ. Điều này giúp phản ánh chính xác kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

3.1.1.3. Về kế toán chi phí.

Công tác kế toán chi phí tại công ty được tổ chức phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp. Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công, chi phí bán hàng

và chi phí quản lý doanh nghiệp đều được kế toán theo dõi và hạch toán đầy đủ trên hệ thống tài khoản kế toán theo quy định hiện hành. Việc ghi nhận chi phí dựa trên các chứng từ hợp lệ giúp đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin kế toán.

Công ty thực hiện phân loại chi phí tương đối rõ ràng theo từng nội dung kinh tế phát sinh, giúp kế toán thuận tiện trong việc tập hợp chi phí, xác định kết quả kinh doanh và phục vụ công tác quản lý nội bộ. Các khoản chi phí liên quan đến hoạt động hợp tác với đối tác trung gian nước ngoài như phí hoa hồng cũng được kế toán theo dõi và đối chiếu thường xuyên dựa trên bảng tổng hợp doanh thu và sao kê ngân hàng.

Công ty có thực hiện kiểm tra, đối chiếu giữa chứng từ gốc, sổ chi tiết và dữ liệu trên phần mềm kế toán nhằm hạn chế sai sót trong quá trình ghi nhận chi phí. Việc kết hợp sử dụng phần mềm kế toán và bảng tổng hợp Excel giúp kế toán thuận tiện hơn trong việc theo dõi và kiểm soát các khoản chi phí phát sinh trong kỳ. Đối với khoản chi phí tài chính phát sinh như lỗ chênh lệch tỷ giá hoặc chi phí thuê nhà thầu cũng được kế toán ghi nhận tương đối đầy đủ và đúng bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Điều này góp phần phản ánh chính xác tình hình chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

3.1.1.4. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất được thực hiện đầy đủ và phù hợp với quy định kế toán hiện hành. Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng hóa, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác đều được tập hợp và phản ánh đầy đủ, giúp công ty dễ dàng theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh cũng như phục vụ cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu cũng như đáp ứng được nhu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện trên phần mềm kế toán theo đúng trình tự quy định, góp phần hạn chế sai sót trong quá trình tổng hợp số liệu và nâng cao tính chính xác của kết quả kinh doanh trong kỳ. Trước khi thực hiện kết chuyển, kế toán còn tiến hành kiểm tra và đối chiếu giữa sổ chi tiết, sổ cái và các chứng từ liên quan nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất của thông tin kế toán.

3.1.2. Nhược điểm:

Ngoài những ưu điểm nêu trên thì công tác kế toán Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất vẫn còn tồn tại những điểm cần khắc phục:

- *Về chính sách bán hàng, cung cấp dịch vụ:* Về chính sách bán hàng và cung cấp dịch vụ: Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất hiện chưa áp dụng nhiều chương trình ưu

đãi, giảm giá hay chính sách chăm sóc khách hàng thân thiết nhằm thu hút và giữ chân khách hàng. Trong bối cảnh thị trường dịch vụ massage và thư giãn ngày càng cạnh tranh, việc chưa triển khai các chương trình khuyến mãi định kỳ có thể làm giảm khả năng cạnh tranh của công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành.

- *Về xây dựng định mức xuất kho nguyên, vật liệu:* Quy trình xuất kho nguyên vật liệu phục vụ dịch vụ vẫn chưa được gắn kết trực tiếp với từng dịch vụ được cung cấp. Hiện nay, các loại nguyên vật liệu tiêu hao như tinh dầu, dầu ô-liu,... chủ yếu được xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ (tính giá xuất kho vào định kỳ cuối tháng), chứ chưa được theo dõi cụ thể cho từng dịch vụ thực hiện. Vì vậy, khi đối chiếu giữa nguyên vật liệu tiêu hao và doanh thu thực tế, kế toán khó xác định chính xác lượng nguyên vật liệu đã sử dụng cho từng loại dịch vụ. Điều này tuy giúp đơn giản hóa công tác kế toán nhưng dẫn đến việc tính giá vốn dịch vụ có thể chưa phản ánh đúng thực tế tiêu hao, gây sai lệch trong việc đánh giá chi phí, lợi nhuận và giảm hiệu quả của công tác kiểm soát nội bộ. Đồng thời, việc thiếu liên kết giữa xuất kho và doanh thu cũng làm khó khăn khi phát hiện chênh lệch, hao hụt hoặc sử dụng nguyên vật liệu không đúng quy định tại cửa hàng.

- *Về phí hoa hồng:* Các khoản chi phí liên quan đến hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài như phí hoa hồng cho MyRealTrip chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ từ phía đối tác cung cấp. Kế toán chủ yếu căn cứ vào số tiền thực tế bị khấu trừ khi thanh toán và bảng theo dõi nội bộ trên Excel để ghi nhận chi phí. Điều này có thể gây khó khăn trong công tác lưu trữ chứng từ, đối chiếu số liệu và giải trình với cơ quan thuế khi cần thiết.

3.2. Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất.

Qua quá trình thực tập ở công ty, trên cơ sở tìm hiểu tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em xin đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

- ***Đề xuất 1:*** *Xây dựng chính sách ưu đãi, giảm giá cho khách hàng.*

Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất nên xây dựng và áp dụng đa dạng hơn các chương trình ưu đãi, giảm giá và chính sách chăm sóc khách hàng thân thiết nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Công ty có thể triển khai các chương trình khuyến mãi theo từng thời điểm như giảm giá vào các dịp lễ, tết, ưu đãi cho khách hàng sử dụng dịch vụ theo nhóm hoặc áp dụng chính sách tích điểm cho khách hàng thường xuyên. Việc hoàn thiện chính sách bán hàng không chỉ góp phần thu hút

khách hàng mới, duy trì khách hàng hiện tại mà còn hỗ trợ doanh nghiệp gia tăng doanh thu và mở rộng thị phần.

- Đề xuất 2: *Xây dựng định mức xuất kho nguyên vật liệu*

Công ty cần xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu mang tính tương đối cho từng nhóm dịch vụ massage và thư giãn nhằm tăng cường khả năng kiểm soát chi phí. Mặc dù lượng tinh dầu, dầu massage sử dụng thực tế có thể thay đổi tùy thuộc vào từng khách hàng và từng loại dịch vụ, việc xây dựng mức tiêu hao tham khảo sẽ giúp kế toán có cơ sở đối chiếu giữa lượng nguyên vật liệu sử dụng và doanh thu phát sinh. Đồng thời, công ty nên tăng cường liên kết giữa hoạt động xuất kho nguyên vật liệu với từng dịch vụ được cung cấp nhằm phản ánh sát hơn mức tiêu hao thực tế, hạn chế tình trạng hao hụt, thất thoát nguyên vật liệu và nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ.

- Đề xuất 3: *Thu thập, lưu trữ đầy đủ chứng từ đối với phí hoa hồng cho đối tác nước ngoài.*

Đối với các khoản phí hoa hồng phát sinh từ hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài như Công ty Cổ phần MyRealTrip, công ty cần chủ động xây dựng hệ thống hồ sơ chứng từ đầy đủ để làm căn cứ ghi nhận kế toán và phục vụ công tác giải trình khi cần thiết. Ngoài các chứng từ hiện có, kế toán nên lưu trữ đầy đủ hợp đồng hợp tác, bảng đối soát doanh thu, thông báo thanh toán, email xác nhận giao dịch và sao kê ngân hàng liên quan đến từng kỳ thanh toán.

KẾT LUẬN

Sau quá trình nghiên cứu cơ sở lý luận và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất, đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất” đã hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đề ra. Thông qua việc nghiên cứu, đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định hiện hành, đồng thời phản ánh được thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Qua quá trình khảo sát và phân tích thực tế, có thể thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty được tổ chức tương đối phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ. Việc ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí và xác định kết quả kinh doanh cơ bản được thực hiện đúng theo quy định, góp phần cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như chưa xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng loại dịch vụ, việc theo dõi một số khoản phí hoa hồng đối với đối tác nước ngoài còn gặp khó khăn về chứng từ, đồng thời các chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng chưa thực sự đa dạng. Những hạn chế này phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý chi phí, doanh thu và công tác xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở những vấn đề đã phân tích, đề tài đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty. Mặc dù các giải pháp được đưa ra chủ yếu dựa trên thực trạng hoạt động hiện nay của doanh nghiệp, nhưng nếu được xem xét và áp dụng phù hợp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường khả năng kiểm soát doanh thu, chi phí và cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời hơn cho nhà quản trị trong quá trình ra quyết định.

Do giới hạn về thời gian nghiên cứu, kinh nghiệm thực tiễn và phạm vi tiếp cận số liệu, đề tài khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đạt được có thể được xem là tài liệu tham khảo phục vụ cho việc hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Khỏe Nhất trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), Thông tư 133/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Luật thuế tiêu thụ đặc biệt – luật số 27/2008/QH12 về quy định tính thuế tiêu thụ đặc biệt.
3. Bộ tài chính (2014), Thông tư 103/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Diệp Thiên Thư, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoa luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

- CHAT GPT

.....

.....

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

- Hỗ trợ diễn đạt lời văn

.....

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

- 2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

- 3.1.1.1. Về tổ chức kế toán.

- 3.1.1.2. Về kế toán doanh thu, thu nhập.
- 3.1.1.3. Về kế toán chi phí.
- 3.1.1.4. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh.

.....

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

- ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

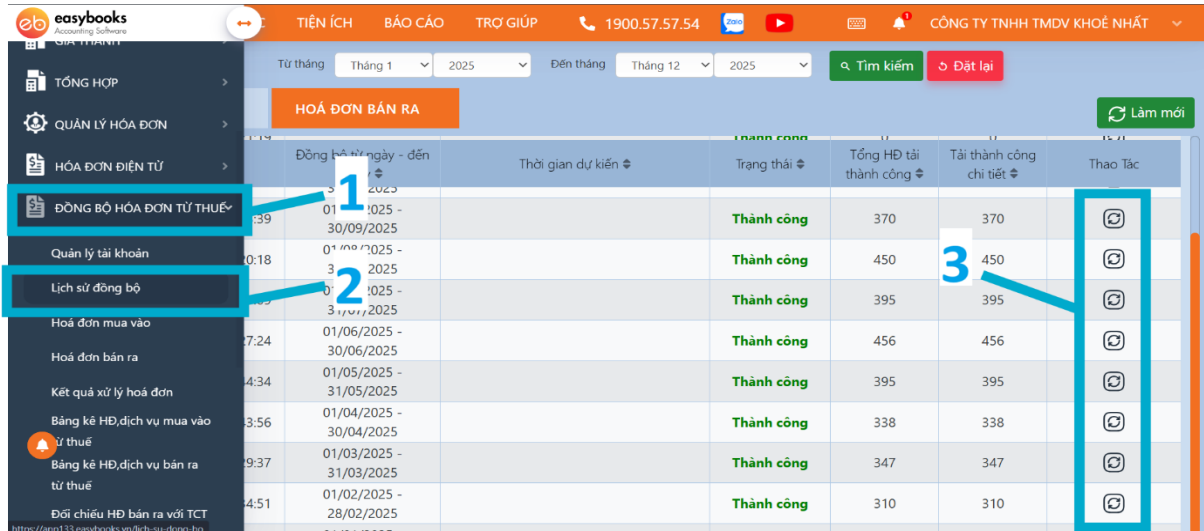
- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

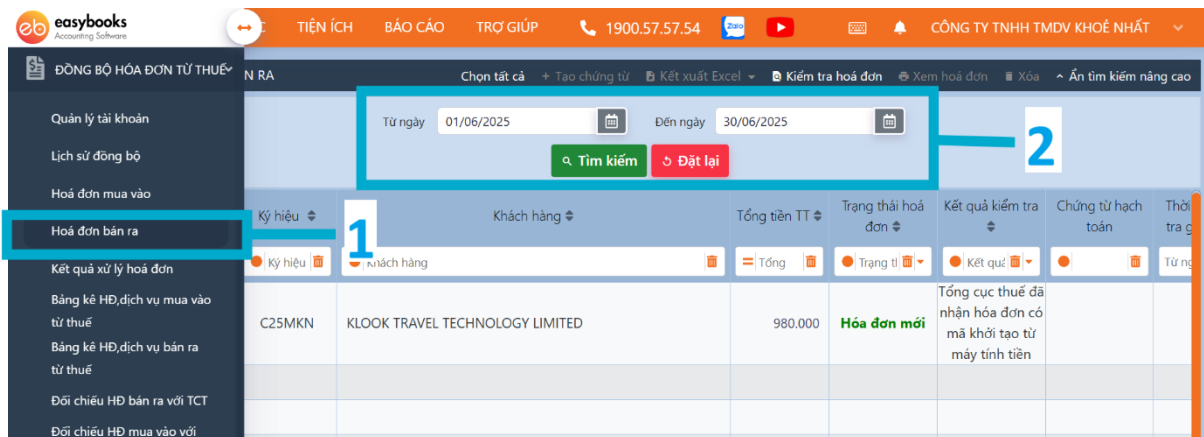
PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. Quy trình hạch toán Hóa đơn GTGT bán ra

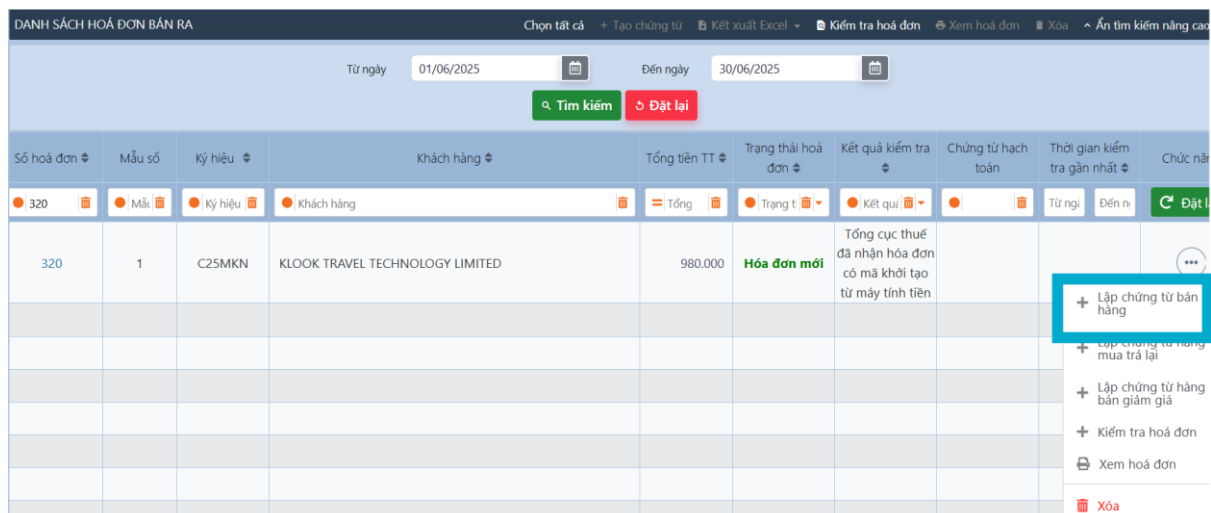
Bước 1. Vào phân hệ “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” → Nhấn chọn “Lịch sử đồng bộ” → Tiến hành đồng bộ hóa đơn về phần mềm.



Bước 2. Chọn “Hóa đơn bán ra” → Chọn khoảng thời gian cần lập hóa đơn” → Nhấn chọn “Tìm kiếm”.



Bước 3. Tìm kiếm Hóa đơn GTGT cần nhập → Chọn “Lập chứng từ bán hàng”



PHỤ LỤC 2. Quy trình thao tác lập phiếu xuất kho hàng hóa, nguyên liệu.

Bước 1. Kế toán chọn phân hệ “Kho” → Nhấn chọn “Xuất kho”.

The screenshot shows the EasyBooks Accounting Software interface. On the left sidebar, the 'KHO' (Warehouse) menu is expanded, and the 'Xuất kho' (Issue) option is highlighted. The main area displays various financial reports, including a balance sheet, a pie chart for 'Nợ Phải Thu - Nợ Phải Trả', and a bar chart for 'Doanh Thu - Chi Phí'.

Bước 2. Chọn “Thêm”, phần mềm sẽ hiển thị giao diện chứng từ hạch toán.

The screenshot shows the 'Xuất kho' (Issue) form in the EasyBooks Accounting Software. The 'Thêm' (Add) button is highlighted. The form includes fields for 'Loại chứng từ' (Document type), 'Đối tượng' (Object), 'Từ ngày' (From date), and 'Đến ngày' (To date). Below the form is a table with columns for 'Ngày chứng từ' (Document date), 'Ngày hạch toán' (Accounting date), 'Số chứng từ' (Document number), 'Loại chứng từ' (Document type), 'Đối tượng' (Object), 'Diễn giải' (Description), and 'Tổng giá trị' (Total value). The table shows one entry with a total value of 45.936.

PHỤ LỤC 3. Quy trình thao tác tính giá xuất kho.

Bước 1. Kế toán chọn phân hệ “Kho” → Nhấn chọn “Tính giá xuất kho”.

The screenshot shows the EasyBooks software interface. On the left sidebar, the 'KHO' (Warehouse) menu is highlighted. Below it, the 'Tính giá xuất kho' (Calculate output value) option is selected. The main area displays various financial reports, including a balance sheet, a donut chart for 'Nợ Phải Thu - Nợ Phải Trả', and a bar chart for 'Doanh Thu - Chi Phí'.

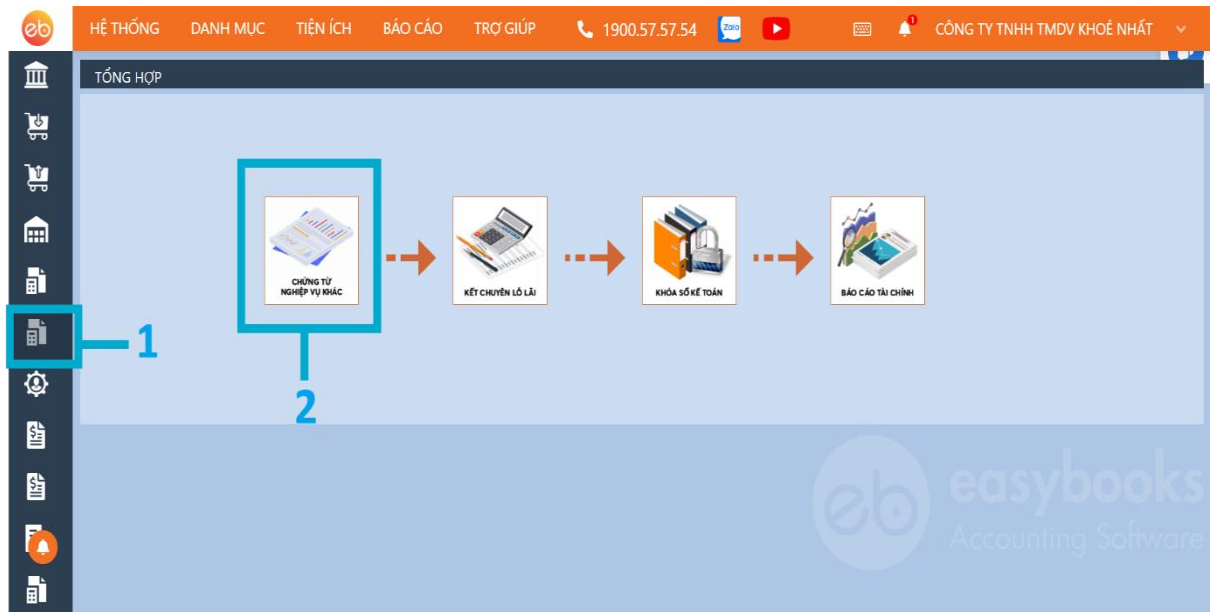
Bước 2. Chọn thời gian cần tính giá xuất kho → Chọn “Đồng ý”, phần mềm sẽ tự động tính giá xuất kho trong tháng.

The screenshot shows the 'TÍNH GIÁ XUẤT KHO VTHH' (Calculate output value VTHH) dialog box. The dialog box contains the following options:

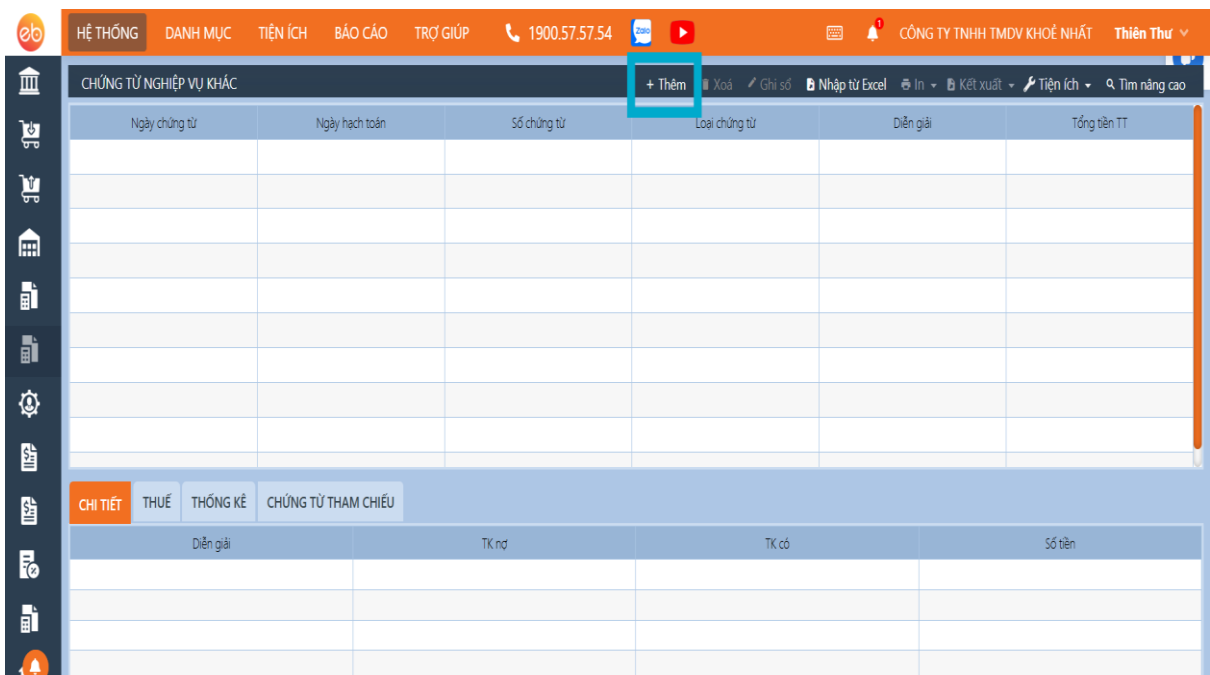
- Phương pháp tính giá đang được áp dụng: Bình quân cuối kỳ
- ☒ Tất cả các kho
- ☐ Chọn kho
- ☒ Tính tất cả vật tư, hàng hóa
- ☐ Chọn vật tư hàng hóa
- Chọn thời gian: Đầu tháng tới hiện tại
- Từ ngày: 01/06/2025
- Đến ngày: 30/06/2025
- Trợ giúp
- Đồng ý
- Hủy bỏ

PHỤ LỤC 4. Quy trình thao tác hạch toán chứng từ nghiệp vụ khác.

Bước 1. Kế toán chọn phân hệ “Tổng hợp” → Nhấn chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”.

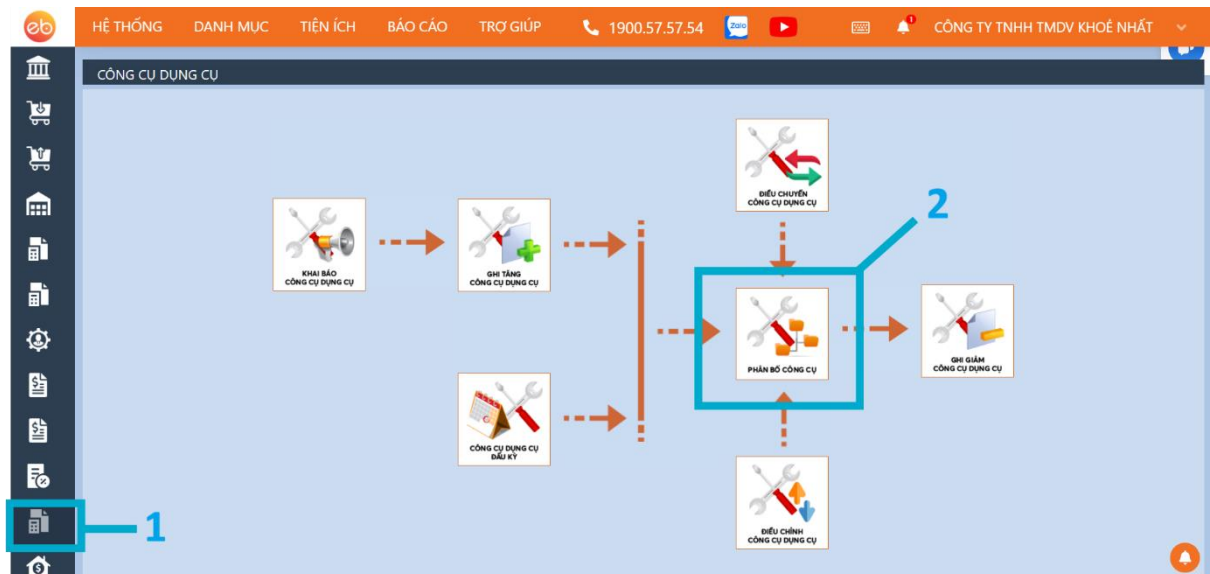


Bước 2. Chọn “Thêm” → Kế toán thực hiện nhập đầy đủ thông tin cần thiết trên chứng từ → Chọn “Lưu”.



PHỤ LỤC 5. Quy trình thao tác hạch toán chi phí phân bổ công cụ dụng cụ

Bước 1. Kế toán chọn phân hệ “Công cụ dụng cụ” → Nhấn chọn “Phân bổ công cụ dụng cụ”.



Bước 2. Kế toán chọn “Thêm” → Chọn tháng cần phân bổ → Nhấn chọn “Đồng ý”, phần mềm sẽ tự động tính toán và cập nhật số tiền cần phân bổ trong kỳ.

The screenshot shows the 'PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ' (Tools and Equipment Allocation) table. The table lists allocation records for various months from 2025. A red box highlights the '+Thêm' (Add) button in the top right corner of the table.

Ngày chứng từ	Ngày hạch toán	Số chứng từ	Diễn giải	Số tiền
31/12/2025	31/12/2025	PBCC037	Phân bổ CCDC tháng 12 năm 2025	1.275.496
30/11/2025	30/11/2025	PBCC036	Phân bổ CCDC tháng 11 năm 2025	3.148.939
31/10/2025	31/10/2025	PBCC035	Phân bổ CCDC tháng 10 năm 2025	2.105.347
30/09/2025	30/09/2025	PBCC034	Phân bổ CCDC tháng 9 năm 2025	2.105.347
31/08/2025	31/08/2025	PBCC032	Phân bổ CCDC tháng 8 năm 2025	10.699.363
31/07/2025	31/07/2025	PBCC031	Phân bổ CCDC tháng 7 năm 2025	10.838.678
30/06/2025	30/06/2025	PBCC030	Phân bổ CCDC tháng 6 năm 2025	10.491.803
31/05/2025	31/05/2025	PBCC029	Phân bổ CCDC tháng 5 năm 2025	14.747.568
30/04/2025	30/04/2025	PBCC028	Phân bổ CCDC tháng 4 năm 2025	15.950.125
31/03/2025	31/03/2025	PBCC027	Phân bổ CCDC tháng 3 năm 2025	18.489.121
28/02/2025	28/02/2025	PBCC026	Phân bổ CCDC tháng 2 năm 2025	17.520.117
31/01/2025	31/01/2025	PBCC025	Phân bổ CCDC tháng 1 năm 2025	18.321.001

Tổng giá trị: 217.465.930

The screenshot shows the 'PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ' (Tools and Equipment Allocation) table. A dialog box titled 'CHỌN KỲ TÍNH PHÂN BỐ CCDC' (Select Period for CCDC Allocation) is displayed, allowing the user to select the month and year for allocation. The dialog box has fields for 'Tháng' (Month) and 'Năm' (Year), and buttons for 'Đồng ý' (Agree) and 'Đóng' (Close).

Ngày chứng từ	Ngày hạch toán	Số chứng từ	Diễn giải	Số tiền
31/12/2025	31/12/2025	PBCC037	Phân bổ CCDC tháng 12 năm 2025	1.275.496
30/11/2025	30/11/2025	PBCC036	Phân bổ CCDC tháng 11 năm 2025	3.148.939
31/10/2025	31/10/2025	PBCC035	Phân bổ CCDC tháng 10 năm 2025	2.105.347
30/09/2025	30/09/2025	PBCC034	Phân bổ CCDC tháng 9 năm 2025	2.105.347
31/08/2025	31/08/2025	PBCC032	Phân bổ CCDC tháng 8 năm 2025	10.699.363
31/07/2025	31/07/2025	PBCC031	Phân bổ CCDC tháng 7 năm 2025	10.838.678
30/06/2025	30/06/2025	PBCC030	Phân bổ CCDC tháng 6 năm 2025	10.491.803
31/05/2025	31/05/2025	PBCC029	Phân bổ CCDC tháng 5 năm 2025	14.747.568
30/04/2025	30/04/2025	PBCC028	Phân bổ CCDC tháng 4 năm 2025	15.950.125
31/03/2025	31/03/2025	PBCC027	Phân bổ CCDC tháng 3 năm 2025	18.489.121
28/02/2025	28/02/2025	PBCC026	Phân bổ CCDC tháng 2 năm 2025	17.520.117
31/01/2025	31/01/2025	PBCC025	Phân bổ CCDC tháng 1 năm 2025	18.321.001

Tổng giá trị: 217.465.930

PHỤ LỤC 6. Quy trình thao tác kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vào giá vốn hàng bán (Kết chuyển TK 154 sang TK 632).

Cuối tháng, sau khi đã đối chiếu kiểm tra kế toán tiến hành kết chuyển số dư TK154 sang TK 632 để tính giá vốn.

Bước 1. Kế toán dựa vào sổ cái TK 154 và bảng cân đối số phát sinh để xác định số cần kết chuyển. Bấm vào phân hệ “Tổng hợp” → Chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác”



Bước 2. Chọn “+Thêm” trên phần mềm để nhập dữ liệu mới.

Ngày chứng từ 30/06/2025

Số: Phần mềm tự động nhảy số cho mỗi lần nhập kế tiếp

Diễn giải: Kết chuyển giá vốn tháng 06/2025 (TK154 → TK 632).

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghị vụ	Chi phí không hợp lý
Chi phí NVLTT tháng 06/2025	632	1541	9.794.391					
Chi phí NCTT tháng 06/2025	632	1542	286.177.800					
Chi phí SXC tháng 06/2025	632	1543	2.008.951					
Số đóng : 3			297.981.142					

Hình ảnh 2. Giao diện kết chuyển chi phí nguyên vật liệu vào giá vốn

Cuối cùng, sau khi nhập xong đầy đủ thông tin. Kế toán bấm lưu, phần mềm sẽ tự cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 154, sổ cái 632, sổ chi tiết tài khoản 1541, sổ chi tiết tài khoản 1542, sổ chi tiết tài khoản 1543, sổ chi tiết tài khoản 632.

PHỤ LỤC 7. Sổ cái tài khoản 154, Sổ chi tiết tài khoản 1541, sổ chi tiết tài khoản 1542, sổ chi tiết 1543.

❖ Sổ cái 154

CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
31/01/2025		31/01/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 01/2025	152	27.478.367	
31/01/2025		31/01/2025	Lương phải trả cho nhân viên tháng 01/2025	334	37.440.000	
31/01/2025		31/01/2025	Bảo hiểm xã hội	3383	5.569.200	
31/01/2025		31/01/2025	Bảo hiểm y tế	3384	982.800	
31/01/2025		31/01/2025	Bảo hiểm thất nghiệp	3385	327.600	
31/01/2025		31/01/2025	Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp	3383	163.800	
31/01/2025		31/01/2025	Phân bổ CCDC tháng 01 năm 2025	242	212.913	
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 01/2025	632		81.824.347
28/02/2025		28/02/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 02/2025	152	19.352.492	
28/02/2025		28/02/2025	Phân bổ CCDC tháng 02 năm 2025	242	746.005	
...	...	...	...	...	...	...
28/02/2025		28/02/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 02/2025	632		59.901.897
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025		31/03/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 03/2025	152	19.352.492	
31/03/2025		31/03/2025	Phân bổ CCDC tháng 03 năm 2025	242	2.008.951	
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025		31/03/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 03/2025	632		97.985.523
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 06/2025	152	9.794.391	
30/06/2025		30/06/2025	Lương phải trả người lao động tháng 06/2025	334	269.934.550	
30/06/2025		30/06/2025	Bảo hiểm xã hội	3383	12.843.500	

30/06/2025		30/06/2025	Bảo hiểm y tế	3384	2.266.500	
30/06/2025		30/06/2025	Bảo hiểm thất nghiệp	3385	755.500	
30/06/2025		30/06/2025	Bảo hiểm TNLĐ-BNN	3383	377.750	
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ CCDC tháng 06/2025	242	2.008.951	
30/06/2025		30/06/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 06/2025	632		297.981.142
...	...	...	...	...	...	...
31/07/2025		31/07/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 07/2025	152	8.799.206	
31/07/2025		31/07/2025	Phân bổ CCDC tháng 06 năm 2025	242	2.098.255	
...	...	...	...	...	...	...
31/07/2025		31/07/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 06/2025	632		362.313.161
...	...	...	...	...	...	...
31/08/2025		31/08/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 08/2025	152	10.074.986	
31/08/2025		31/08/2025	Lương phải trả người lao động tháng 08/2025	334	277.510.767	
31/08/2025		31/08/2025	Bảo hiểm xã hội	3383	19.322.200	
31/08/2025		31/08/2025	Bảo hiểm y tế	3384	3.409.800	
31/08/2025		31/08/2025	Bảo hiểm thất nghiệp	3385	1.136.600	
31/08/2025		31/08/2025	Bảo hiểm TNLĐ-BNN	3383	568.300	
31/08/2025		31/08/2025	Phân bổ CCDC tháng 08/2025	242	2.229.051	
31/08/2025		31/08/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 08/2025	632		314.251.704
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.670.298.910	1.670.298.910
			Số dư cuối kỳ			

❖ **Sổ chi tiết 1541**
CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ NHẤT
209 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận
Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo thông tư số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản 1541 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
31/01/2025		31/01/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 01/2025	152	27.478.367	
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 01/2025	632		27.478.367
28/02/2025		28/02/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 02/2025	152	19.352.492	
28/02/2025		28/02/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 02/2025	632		19.352.492
31/03/2025		31/03/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 03/2025	152	19.352.492	
31/03/2025		31/03/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 03/2025	632		19.352.492
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 06/2025	152	9.794.391	
30/06/2025		30/06/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 06/2025	632		9.794.391
31/07/2025		31/07/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 07/2025	152	8.799.206	
31/07/2025		31/07/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 07/2025	632		8.799.206
31/08/2025		31/08/2025	Xuất kho tính dầu phục vụ HĐ SXKD tháng 08/2025	152	10.074.986	
31/08/2025		31/08/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 08/2025	632		10.074.986
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh trong kỳ		135.380.922	135.380.922
			Số dư cuối kỳ			

❖ **Sổ chi tiết 1542****CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ
NHẤT**

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S38 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**Năm 2025****Tài khoản 1542 – Chi phí nhân công trực tiếp**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
31/01/2025		31/01/2025	Lương phải trả cho nhân viên tháng 01/2025	334	37.440.000	
31/01/2025		31/01/2025	Bảo hiểm xã hội	3383	5.569.200	
31/01/2025		31/01/2025	Bảo hiểm y tế	3384	982.800	
31/01/2025		31/01/2025	Bảo hiểm thất nghiệp	3385	327.600	
31/01/2025		31/01/2025	Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp	3383	163.800	
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 01/2025	632		44.483.400
...	...	...	...	...		
30/06/2025		30/06/2025	Lương phải trả cho nhân viên tháng 06/2025	334	269.934.550	
30/06/2025		30/06/2025	Bảo hiểm xã hội	3383	12.843.500	
30/06/2025		30/06/2025	Bảo hiểm y tế	3384	2.266.500	
30/06/2025		30/06/2025	Bảo hiểm thất nghiệp	3385	755.500	
30/06/2025		30/06/2025	Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp	3383	377.750	
30/06/2025		30/06/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 06/2025	632		286.177.800
...	...	...	...	...		
31/08/2025		31/08/2025	Lương phải trả cho nhân viên tháng 08/2025	334	277.510.767	
31/08/2025		31/08/2025	Bảo hiểm xã hội	3383	19.322.200	
31/08/2025		31/08/2025	Bảo hiểm y tế	3384	3.409.800	
31/08/2025		31/08/2025	Bảo hiểm thất nghiệp	3385	1.136.600	
31/08/2025		31/08/2025	Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp	3383	568.300	
31/08/2025		31/08/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 08/2025	632		301.947.667
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh trong kỳ		1.638.294.305	1.638.294.305
			Số dư cuối kỳ			

❖ **Sổ chi tiết 1543****CÔNG TY TNHH TMDV KHOẺ
NHẤT**

209 Trần Phú, Phường Phước Ninh,
Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0401910285

Mẫu số: S38 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

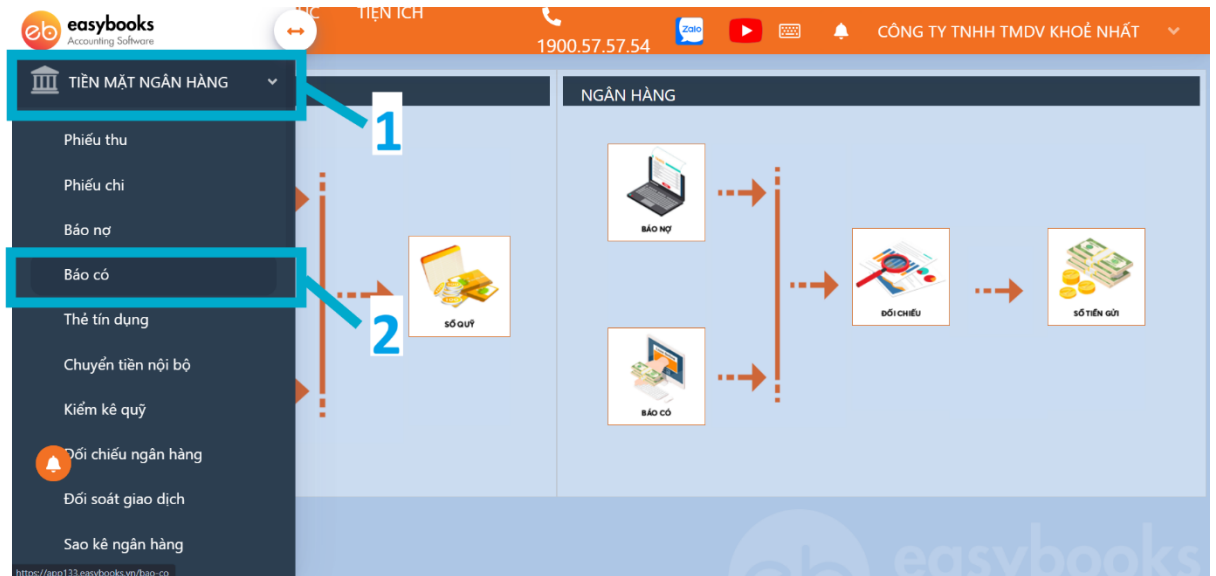
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**Năm 2025****Tài khoản 1543 – Chi phí sản xuất chung**

Đơn vị tính: VNĐ

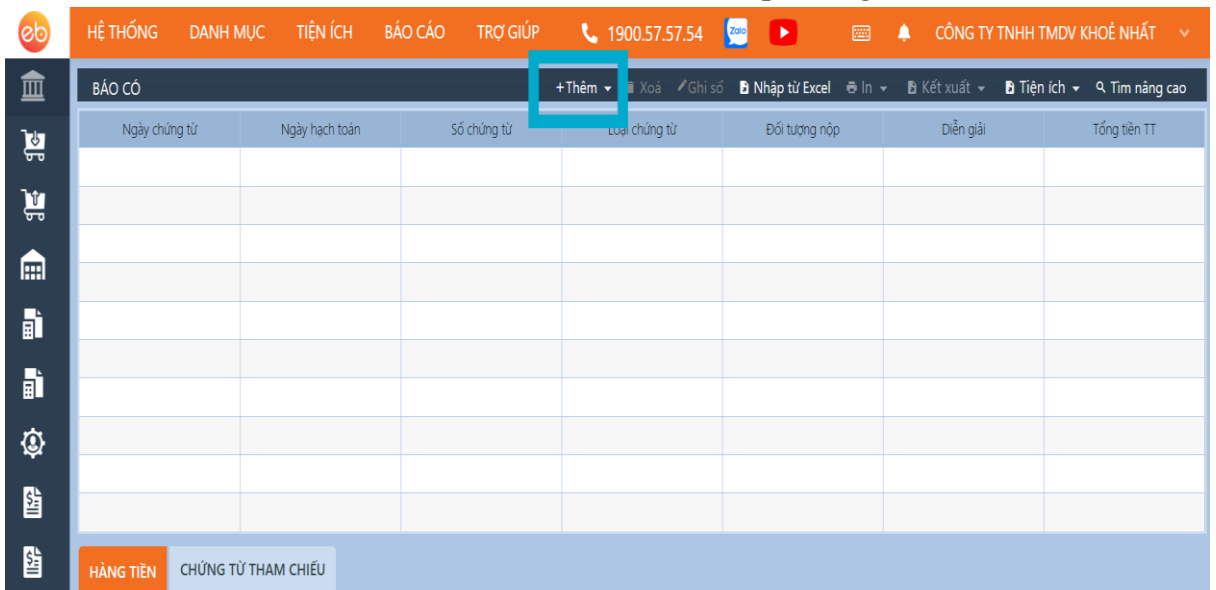
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/01/2025		31/01/2025	Phân bổ CCDC tháng 01 năm 2025	242	212.913	
31/01/2025		31/01/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 01/2025	632		212.913
28/02/2025		28/02/2025	Phân bổ CCDC tháng 02 năm 2025	242	746.005	
28/02/2025		28/02/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 02/2025	632		746.005
31/03/2025		31/03/2025	Phân bổ CCDC tháng 03 năm 2025	242	2.008.951	
31/03/2025		31/03/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 03/2025	632		2.008.951
...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025		30/06/2025	Phân bổ CCDC tháng 06 năm 2025	242	2.008.951	
30/06/2025		30/06/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 06/2025	632		2.008.951
31/07/2025		31/07/2025	Phân bổ CCDC tháng 06 năm 2025	242	2.098.255	
31/07/2025		31/07/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 06/2025	632		2.098.255
31/08/2025		31/08/2025	Phân bổ CCDC tháng 8 năm 2025	242	2.229.051	
31/08/2025		31/08/2025	Kết chuyển giá vốn tháng 08/2025	632		2.229.051
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh trong kỳ		52.147.224	52.147.224
			Số dư cuối kỳ			

Bước 1. Vào phân hệ “Tiền mặt ngân hàng” → Nhấn chọn “Báo có”.

Bước 1. Vào phân hệ “Tiền mặt ngân hàng” → Nhấn chọn “Bảo có”.

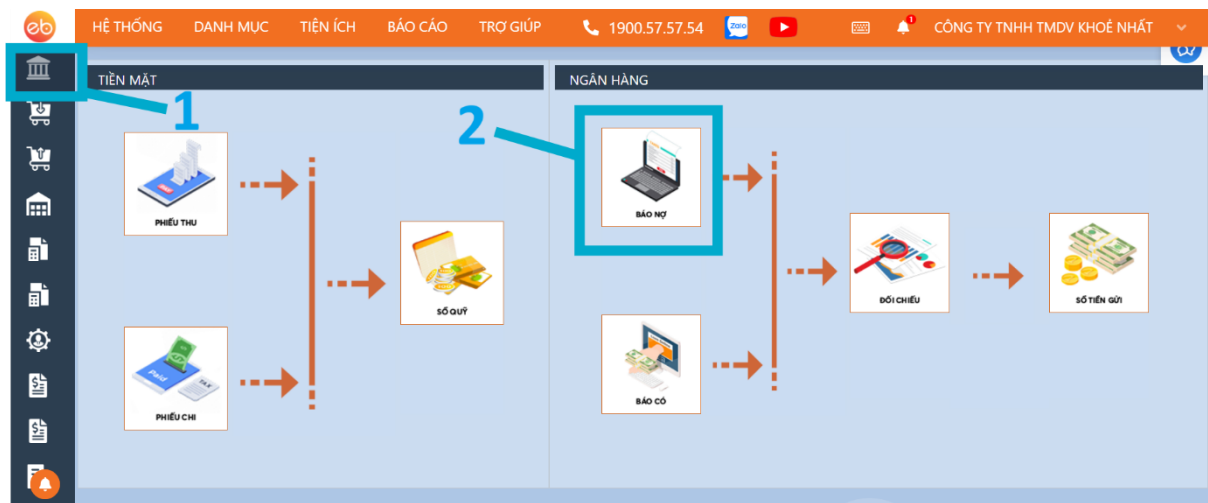


Bước 2. Nhấn chọn “Thêm” → Kế toán tiến hành lập chứng từ.



PHỤ LỤC 9. Quy trình thao tác hạch toán phiếu Báo nợ.

- **Bước 1.** Vào phân hệ “Tiền mặt ngân hàng” → Chọn “Báo Nợ”.



- **Bước 2.** Nhấn chọn “Thêm” → Kế toán tiến hành lập chứng từ.

[illegible]

PHỤ LỤC 10. Quy trình hạch toán Hóa đơn GTGT mua vào.

Bước 1. Vào phân hệ “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” → Nhấn chọn “Lịch sử đồng bộ” → Tiến hành đồng bộ hóa đơn về phần mềm.

The screenshot shows the EasyBooks Accounting Software interface. On the left, the 'Đồng bộ hóa đơn từ thuế' (Sync invoices from tax) menu is open, with 'Lịch sử đồng bộ' (Sync history) highlighted. The main area displays a table of sync results. The table has columns for 'Đồng bộ từ ngày - đến' (Sync from - to), 'Thời gian dự kiến' (Estimated time), 'Trạng thái' (Status), 'Tổng HĐ tài thành công' (Total successful syncs), 'Tài thành công chi tiết' (Detailed successful syncs), and 'Thao Tác' (Action). The table shows several successful syncs for invoices from 01/06/2025 to 30/06/2025.

Đồng bộ từ ngày - đến	Thời gian dự kiến	Trạng thái	Tổng HĐ tài thành công	Tài thành công chi tiết	Thao Tác
01/06/2025 - 30/09/2025		Thành công	370	370	[Icon]
01/06/2025 - 30/09/2025		Thành công	450	450	[Icon]
01/06/2025 - 30/09/2025		Thành công	395	395	[Icon]
01/06/2025 - 30/06/2025		Thành công	456	456	[Icon]
01/05/2025 - 31/05/2025		Thành công	395	395	[Icon]
01/04/2025 - 30/04/2025		Thành công	338	338	[Icon]
01/03/2025 - 31/03/2025		Thành công	347	347	[Icon]
01/02/2025 - 28/02/2025		Thành công	310	310	[Icon]

Bước 2. Chọn “Hóa đơn mua vào”

The screenshot shows the EasyBooks Accounting Software interface. On the left, the 'Hóa đơn mua vào' (Purchase invoices) menu is open, with 'Hóa đơn mua vào' highlighted. The main area displays a table of purchase invoices. The table has columns for 'Số hoá đơn' (Invoice number), 'Mẫu số' (Sample number), 'Ký hiệu' (Signature), 'Nhà cung cấp' (Supplier), and 'Tổng tiền TT' (Total amount). The table shows one invoice from 116542, dated 25/06/2025, from the supplier 'NGAN HANG TMCP CONG THƯƠNG VIET NAM - CN BAC DA NANG'.

Số hoá đơn	Mẫu số	Ký hiệu	Nhà cung cấp	Tổng tiền TT
116542	1	K25TBB	NGAN HANG TMCP CONG THƯƠNG VIET NAM - CN BAC DA NANG	6.515.739

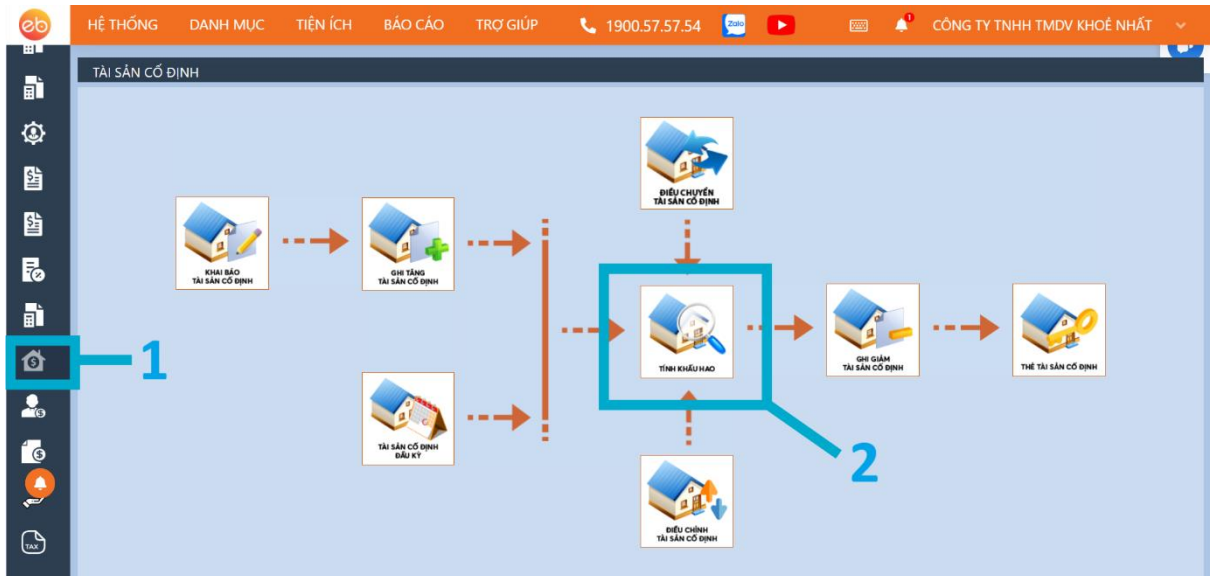
Bước 3. Tìm kiếm chứng từ cần lập → Chọn “Lập chứng từ mua hàng”.

The screenshot shows the EasyBooks Accounting Software interface. On the left, the 'Lập chứng từ mua hàng' (Create purchase invoice) menu is open, with 'Lập chứng từ mua hàng' highlighted. The main area displays a table of purchase invoices. The table has columns for 'Ngày hoá đơn' (Invoice date), 'Số hoá đơn' (Invoice number), 'Mẫu số' (Sample number), 'Ký hiệu' (Signature), 'Nhà cung cấp' (Supplier), 'Tổng tiền TT' (Total amount), 'Trạng thái hoá đơn' (Invoice status), 'Kết quả kiểm tra' (Check result), 'Chứng từ hạch toán' (Accounting voucher), 'Thời gian kiểm tra gần nhất' (Latest check time), and 'Chức năng' (Function). The table shows one invoice from 116542, dated 25/06/2025, from the supplier 'NGAN HANG TMCP CONG THƯƠNG VIET NAM - CN BAC DA NANG'.

Ngày hoá đơn	Số hoá đơn	Mẫu số	Ký hiệu	Nhà cung cấp	Tổng tiền TT	Trạng thái hoá đơn	Kết quả kiểm tra	Chứng từ hạch toán	Thời gian kiểm tra gần nhất	Chức năng
25/06/2025	116542	1	K25TBB	NGAN HANG TMCP CONG THƯƠNG VIET NAM - CN BAC DA NANG	6.515.739	Hóa đơn mới	Tổng cục thuế đã nhận không mã			[Icon]

PHỤ LỤC 11. Quy trình thao tác lập chứng từ khấu hao TSCĐ

Bước 1. Vào phân hệ “Tài sản cố định” → Nhấn chọn “Khấu hao tài sản cố định” → Chọn “Thêm”.



Bước 2. Chọn mức thời gian để tính khấu hao → Chọn “Đồng ý”.

TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

+ Thêm Xóa Bỏ ghi số In Kết xuất Trợ giúp

Ngày chứng từ	Ngày hạch toán	Số chứng từ	Diễn giải	Số tiền
31/10/2025			ang 10 ...	
30/09/2025			ang 9 n...	
31/08/2025			ang 8 n...	
31/07/2025			ang 7 n...	
30/06/2025			ang 6 n...	
31/05/2025	31/05/2025	KHTS005	Khấu hao tài sản tháng 5 n...	
30/04/2025	30/04/2025	KHTS004	Khấu hao tài sản tháng 4 n...	
31/03/2025	31/03/2025	KHTS003	Khấu hao tài sản tháng 3 n...	
28/02/2025	28/02/2025	KHTS002	Khấu hao tài sản tháng 2 n...	
31/01/2025	31/01/2025	KHTS001	Khấu hao tài sản tháng 1 n...	

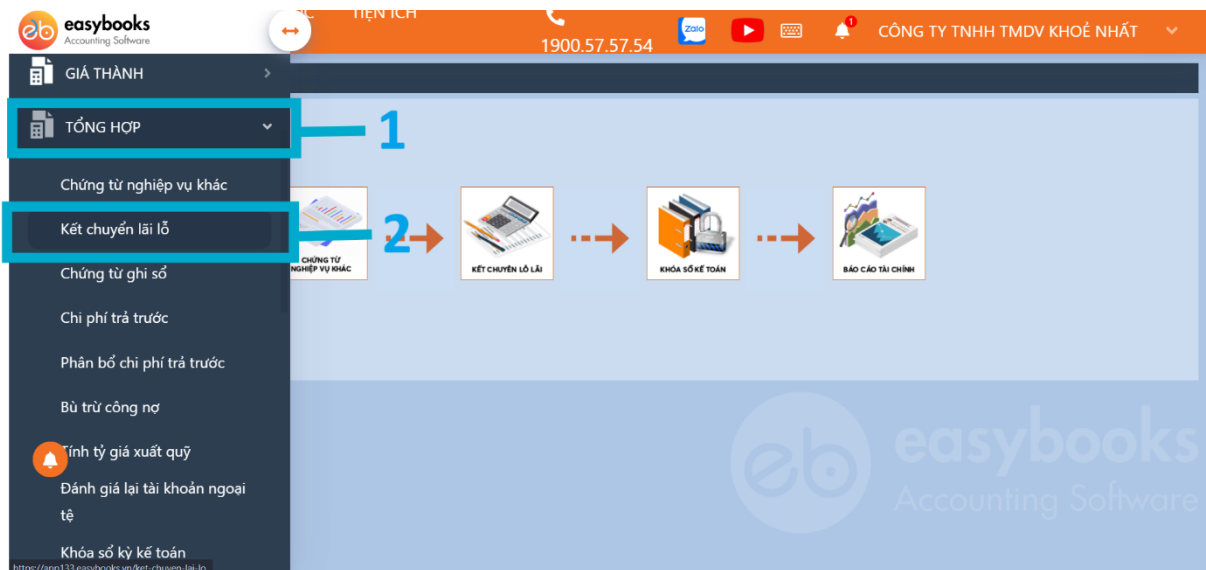
CHỌN KỲ TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng: 6 Năm: 2025

Đồng ý Đóng

PHỤ LỤC 12. Quy trình hạch toán kết chuyển lãi lỗ.

Bước 1. Vào phân hệ “Tổng hợp” → Nhấn chọn “Kết chuyển lãi lỗ” → Chọn “Thêm”.



Bước 2. Chọn ngày kết chuyển chứng từ → Chọn “Đồng ý”, phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu và tính toán lãi lỗ.

